

Số: 02 /TB-UBND

Hoa Viên, ngày 17 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa

Thực hiện Thông báo số 29/TB-UBND ngày 17/02/2025 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc công bố, công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa.

UBND xã Hoa Viên thông báo công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa với những nội dung như sau:

1. Hồ sơ công khai Kế hoạch sử dụng đất gồm có:

- Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 05/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa (có danh mục các công trình, dự án được phê duyệt kèm theo).

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa.

Đang được đăng tải trên Trang thông tin điện tử huyện Ứng Hòa (địa chỉ: <http://unghoa.hanoi.gov.vn>)

2. Danh mục công trình, dự án của xã Hoa Viên trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Ứng Hòa.

(có danh mục công trình, dự án kèm theo niêm yết tại trụ sở UBND xã).

UBND xã Hoa Viên niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, của thôn và đăng tải trên cổng thông tin điện tử xã Hoa Viên tại địa chỉ: <https://hoavien-unghoa.thudo.gov.vn/> để các tổ chức, cá nhân và toàn thể nhân dân trên địa bàn được biết.

UBND xã trân trọng thông báo/.

Nơi nhận:

- Bộ phận một cửa xã (để niêm yết);
- Đài TT xã;
- Các thôn (t/h);
- Lưu: VP.



ỦY BAN NHÂN DÂN

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khả Chiến

Số: 35 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024.

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND Thành phố thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2025; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2025 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10742 /TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 31/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa (kèm theo Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 tỷ lệ 1/25.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Ứng Hòa, được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 31/12/2024), trong đó:

Danh mục các công trình, dự án nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 bao gồm 136 dự án với tổng diện tích là 1.008,38 ha.

(Chi tiết Danh mục dự án kèm theo)

2. Trong năm thực hiện, UBND huyện Ứng Hòa có trách nhiệm rà soát, đánh giá, khả năng thực hiện các dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, trường hợp trong năm thực hiện kế hoạch, phát sinh các công trình, dự án đủ cơ sở pháp lý, khả năng thực hiện, UBND huyện Ứng Hòa tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND Thành phố phê duyệt bổ sung kế hoạch

sử dụng đất để làm căn cứ tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND Thành phố giao:

1. UBND huyện Ứng Hòa:

a) Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

b) Thực hiện thu hồi đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

c) Tổ chức kiểm tra thực hiện kế hoạch sử dụng đất; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

d) Cân đối xác định các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

đ) Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, chặt chẽ, đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất đã được UBND Thành phố phê duyệt;

e) Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất trước ngày 15/10/2025.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

b) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; thường xuyên cập nhật các công trình, dự án (đủ điều kiện) trình UBND Thành phố phê duyệt bổ sung danh mục kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: CVP, PCVPv.T.Anh;
- TH, ĐT, TNMT(Cung,Cg);
- Trung tâm thông tin điện tử TP;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN ỨNG HÒA
(Kèm theo Quyết định số 12/NQ-HĐND ngày 03/10/2024 của UBND ngày 01/2025 của UBND Thành phố)



STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
A	Các công trình, dự án phải báo cáo HĐND Thành phố thông qua								
I	Các công trình, dự án chuyển tiếp								
1	Các công trình, dự án được cập nhật xác định lần đầu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (chưa quá 02 năm liên tục theo khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai)								
a	Các dự án thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất								
1	Xây dựng HTKT khu đất ở mới khu C thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện Ứng Hòa	3.25	3.25		Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Lâm	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 03/10/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 16 (Tiến độ: 2024-2026)
2	Xây dựng HTKT khu đất ở mới khu D thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện Ứng Hòa	4.41	4.41		Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Lâm	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 03/10/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 16 (Tiến độ: 2024-2026)
3	Xây dựng HTKT khu đất ở mới thôn Văn Cao xã Tảo Dương Văn	ONT	Trung tâm PTQĐ	0.45	0.45		Huyện Ứng Hòa	Xã Tảo Dương Văn	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022; Kế hoạch đầu tư công năm 2023.Tiến độ thực hiện dự án 2023-2025

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
4	Xây dựng khu dân cư mới thôn Phù Yên, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.6	1.6		Huyện Ứng Hòa	Xã Viên An	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của HĐND huyện Ứng Hoà (Phụ lục 54). Tiến độ thực hiện 2022-2024
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Trạch Bái, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện Ứng Hòa	0.17	0.17		Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Lâm	Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Trạch Bái, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2024-2026
6	Giải phóng mặt bằng và xây dựng các tuyến đường chính tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất tại khu 1, ô quy hoạch ký hiệu Ô 1 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa	ODT	Ban QLDA ĐTXD huyện	9.68	9.68		Huyện Ứng Hòa	TT. Vân Đình	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/06/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện (Phụ lục 10); Tiến độ thực hiện 2024 -2026.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
7	Giải phóng mặt bằng và xây dựng các tuyến đường chính tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất tại khu 2, ô quy hoạch ký hiệu Ô 2 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa	ODT	Ban QLDA ĐTXD huyện	6.9	6.9		Huyện Ứng Hòa	TT. Vân Đình	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/06/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện (Phụ lục 11); Tiến độ thực hiện 2024 -2026.
b	Các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất								
...									
c	Các công trình, dự án khác								
8	Trụ sở Ban CHQS xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.13	0.13		Huyện Ứng Hòa	Xã Đại Hùng	Quyết định số 7911/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Trụ sở Ban CHQS xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Địa điểm xây dựng: Xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.
9	Trụ sở Ban CHQS xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.12	0.12		Huyện Ứng Hòa	Xã Liên Bạt	- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 02 (Tiến độ thực hiện: 2023-2025) - Quyết định số 6325/QĐ-UBND ngày

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
									16/08/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc Phê duyệt dự án: Trụ sở Ban CHQS xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2023-2025
10	Trụ sở Ban CHQS xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.11	0.11		Huyện Ứng Hòa	Xã Minh Đức	Quyết định số 7913/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng. Tiến độ thực hiện 2023-2025
11	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.15	0.15		Huyện Ứng Hòa	Xã Trường Thịnh	Quyết định số 7914/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng. Tiến độ thực hiện 2023-2025
12	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.10	0.10		Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Lâm	Quyết định số 6552/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Báo cáo KTKT công trình: Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2023- 2025.
13	Trụ sở Ban CHQS xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.10	0.10		Huyện Ứng Hòa	Xã Hoa Sơn	Quyết định số 7909/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng. Tiến độ thực hiện 2023- 2025.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
14	Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.15	0.15		Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Phú	Quyết định số 7915/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Địa điểm xây dựng: xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.
15	Trụ sở Ban CHQS xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.15	0.15		Huyện Ứng Hòa	Xã Đông Lỗ	Quyết định số 7910/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng. Tiến độ thực hiện 2023- 2025.
16	Trụ sở Ban CHQS xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.10	0.10		Huyện Ứng Hòa	Xã Phù Lưu	Quyết định số 7912/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Trụ sở Ban CHQS xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Địa điểm xây dựng: xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.
17	Trụ sở Ban CHQS xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.20	0.20		Huyện Ứng Hòa	Xã Tảo Dương Văn	Quyết định số 6481/QĐ-UBND ngày 23/08/2024 về việc phê duyệt dự án: Trụ sở Ban CHQS xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2023-2025
18	Trụ sở Ban CHQS xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD	0.10	0.10		Huyện Ứng Hòa	Xã Kim Đường	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 03/10/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
			huyện Ứng Hòa						số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 05 (Tiến độ: 2024-2026)
19	Trụ sở Ban CHQS xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.15	0.15		Huyện Ứng Hòa	Xã Đồng Tân	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 03 (Tiến độ: 2024-2026)
20	Trụ sở Ban CHQS xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.11	0.11		Huyện Ứng Hòa	Xã Phương Tú	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 02 (Tiến độ thực hiện: 2024-2026)
21	Trụ sở Ban CHQS xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.12	0.12		Huyện Ứng Hòa	Xã Quảng Phú Cầu	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 04 (Tiến độ thực hiện: 2024-2026)
22	Trụ sở Ban CHQS thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA	0.18	0.18		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
			ĐTXD huyện Ứng Hòa				Hòa		việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 01 (Tiến độ thực hiện: 2024-2026)
23	Xây dựng trụ sở Viện KSND huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Viện Kiểm sát nhân dân thành phố	0.30	0.30		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	Quyết định số 16/QĐ-VKSTC ngày 01/3/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về Chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Viện KSND huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2023-2025
24	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Đức đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.40	0.40		Huyện Ứng Hòa	Xã Minh Đức	Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 27/03/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây mới, cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Đức đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2. Tiến độ thực hiện 2023-2025.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
25	Xây dựng trường mầm non Đại Cường đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.38	0.38		Huyện Ứng Hòa	Xã Đại Cường	1. Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/6/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023; (phụ lục 32) 2. Quyết định số 4896/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng trường mầm non Đại Cường đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2023-2025 3. Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND TP. Hà Nội về việc Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ứng Hòa.
26	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Kim Đường	DYT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.10	0.10		Huyện Ứng Hòa	Xã Kim Đường	1. Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình. 2. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của HĐND huyện Ứng Hoà Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
									nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023 (Phụ lục 20). Tiến độ thực hiện 2023-2025
27	Xây dựng trường tiểu học Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.25	0.25		Huyện Ứng Hòa	Xã Đại Cường	Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình: Xây dựng Trường Tiểu học Đại Cường đạt chuẩn quốc gia –Mức độ 2(Tiến độ: 2022-2024)
28	Xây dựng trường THCS Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.15	0.15		Huyện Ứng Hòa	Xã Đại Cường	1. Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện Ứng Hòa V/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Xây dựng trường THCS Đại Cường đạt chuẩn mức độ 2 (Tiến độ: 2023-2025) 2. Quyết định số 4728/QĐ-UBND ngày 29/06/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư: Xây dựng trường THCS Đại Cường đạt chuẩn – Mức độ 2. Tiến độ thực hiện 2024-2026
29	Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ba Sao - Bái Đính (Đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn), huyện Ứng Hoà, Mỹ Đức.	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.90	0.90		Huyện Ứng Hòa	Xã Trầm Lộng	1. Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội Giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 06 Dự án xây dựng cơ bản cấp Thành phố đã được dự nguồn cụ thể thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, lĩnh vực cấp nước, thoát nước, lĩnh vực hạ tầng kỹ

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
									thuật tái định cư. Tiến độ thực hiện 2024-2025
30	Xây dựng trường THCS Viên An đạt chuẩn quốc gia - Mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.38	0.38		Huyện Ứng Hòa	Xã Viên An	1. Quyết định số 4970/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng 2. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 (Phụ lục 28) của HĐND Huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư. Tiến độ thực hiện 2024-2026
31	Nâng cấp cải tạo Trường THCS Trường Thịnh đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.45	0.45		Huyện Ứng Hòa	Xã Trường Thịnh	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND huyện Ứng Hoà (Phụ lục 27). Tiến độ thực hiện 2024-2027
32	Trường mầm non trung tâm xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.97	0.02		Huyện Ứng Hòa	Xã Hồng Quang	1. Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng 2. Quyết định số 6308/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện 2021-2024
33	Trường Tiểu học thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.15	0.10		Huyện Ứng Hòa	TT. Vân Đình	1. Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND huyện Ứng Hoà về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; 2. Quyết định số 6274/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện 2020-2024.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
34	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình -Ba Sao - Bái Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn-Tam Trúc) huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa (Đường nối từ đường kinh tế phía nam đi Ba Sao - Bái Đính).	DGT	UBND huyện Ứng Hòa	26.51	26.51		Huyện Ứng Hòa	Xã Đội Bình, Trầm Lộng, Hòa Lâm, Hồng Quang, Lưu Hoàng	1. Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội - phụ lục 32-Tiến độ thực hiện 2022-2026. 2. Ngày 22/9/2023, HĐND TP đã thông qua chủ trương đầu tư điều chỉnh của DA
35	Cải tạo, nâng cấp kiên cố hệ thống kênh I2-VĐ7, I2-10-10 kết hợp làm đường giao thông, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DTL	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	3.58	2.25		Huyện Ứng Hòa	Các xã Phương Tú, Trung Tú, Đồng Tân, Minh Đức	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND thành phố Hà Nội v/v phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2024-2027.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
36	Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B từ cầu Xà Kiêu xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	19.30	19.30		Huyện Ứng Hòa	Xã Quảng Phú Cầu, Trường Thịnh, Liên Bạt,	Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật; phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội - Phụ lục 26. Tiến độ thực hiện 2024-2027
37	Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư trên địa bàn huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB (Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiêu, xã Quảng Phú Cầu đến cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt) và Dự án Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ Quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa.	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	2.90	2.90		Huyện Ứng Hòa	Xã Quảng Phú Cầu	1. Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội Giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 06 Dự án xây dựng cơ bản cấp Thành phố đã được dự nguồn cụ thể thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, lĩnh vực cấp nước, thoát nước, lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật tái định cư 2. Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của Thành phố Hà Nội - Phụ lục 17 (Tiến độ thực hiện: 2024-2026)
2	Các công trình, dự án đã có trong Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện 02 năm trở lên (được cập nhật xác định lần đầu vào thời điểm từ năm 2023 trở về trước)								
a	Các dự án thu hồi đất để đầu giá quyền sử dụng đất								

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
38	Xây dựng HTKT khu 1 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	Trung tâm PTQĐ	1.96	1.96		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023-Phụ lục 47.Tiến độ thực hiện 2023-2025
39	Xây dựng HTKT khu 2 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	Trung tâm PTQĐ	2.03	2.03		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023-Phụ lục 48. Tiến độ thực hiện 2023-2025
40	Xây dựng HTKT khu 3 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	Trung tâm PTQĐ	2.16	2.16		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 49. Tiến độ thực hiện 2023-2025

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
41	Xây dựng HTKT khu đầu giá khu Rau Xanh Vườn Kẹ thôn Nội Xá	ONT	Trung tâm PTQĐ	3.35	1.28		Huyện Ứng Hòa	Xã Vạn Thái	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 52. Tiến độ thực hiện 2022-2024);
42	Xây dựng HTKT đầu giá quyền sử dụng đất khu xứ Đồng Độc Đình, thôn Vũ Ngoại, xã Liên Bạt	ONT	Trung tâm PTQĐ	1.966	0.22		Huyện Ứng Hòa	Xã Liên Bạt	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 42. Tiến độ thực hiện 2022-2024
43	Xây dựng HTKT khu dân cư mới tại khu đồng Trước Dưới, thôn Đông Đình, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ	1.68	1.68		Huyện Ứng Hòa	Xã Đại Cường	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023-Phụ lục 55. Tiến độ thực hiện 2023-2025;
44	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu A thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện Ứng Hòa	3.24	3.24		Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Lâm	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 51. Tiến độ thực hiện 2023-2025

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
45	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu đồng Hội Cao, thôn Giang Làng, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện Ứng Hòa	1.5	1.5		Huyện Ứng Hòa	Xã Đồng Tiến	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023-Phụ lục 53. Tiến độ thực hiện 2023-2025
46	Xây dựng HTKT khu đất ở mới và tái định cư thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	Trung tâm PTQĐ	1.27	0.02		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, Phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn dự phòng xây dựng cơ bản tập trung chưa phân bổ trong kế hoạch đầu tư công năm 2023; Mục A4. Tiến độ thực hiện 2022-2024
47	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 2 thôn Tử Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ	1.3	0.11		Huyện Ứng Hòa	Xã Cao thành	Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt gai hạn thời gian thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 2 thôn Tử Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện điều chỉnh: 2022-2024

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
48	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu B thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ	4.45	4.45		Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Lâm	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/6/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu, Ngân sách các Quận hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023. Phụ lục 05. Tiến độ thực hiện 2023-2025
<i>b</i>	<i>Các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất</i>								
...									
<i>c</i>	<i>Các công trình, dự án khác</i>								
49	Xây mới trụ sở UBND xã Đồng Tân	TSC	UBND xã Đồng Tân	0.72	0.72		Huyện Ứng Hòa	Xã Đồng Tân	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 03/10/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 13 (Tiến độ: 2023-2026).
50	Xây dựng, cải tạo trường THPT Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	1.00	0.81		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND huyện Ứng Hòa Xây dựng về việc phê duyệt dự án mở rộng trường trung học phổ thông Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ: 2023-2025

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
51	Trường mầm non Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.95	0.95		Huyện Ứng Hòa	Xã Minh Đức	Quyết định số 4850/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư: Trường mầm non Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ: 2022-2025.
52	Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	1.71	1.20		Huyện Ứng Hòa	Xã Viên Nội	Quyết định số 6166/QĐ-UBND ngày 08/08/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu: Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.
53	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585 - Km14+885(tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ cầu Quảng Tái xã Trung Tú đến vòng Thần xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	3.37	0.25		Huyện Ứng Hòa	Xã Trung Tú, Đồng Tân xã Minh Đức	Tờ trình số 1007/TTr-SGTVT ngày 02/10/2023 của Sở giao thông vận tải Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585-Km14+780 (tỉnh lộ 75 cũ), từ cầu Quảng Tái (xã Minh Đức) đến cầu vòng Thần (xã Minh Đức) huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. (Tiến độ: 2020-2024).
54	Đường giao thông liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngọ Xá lên đê tả Đáy thôn Ngọ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Giai đoạn 2)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	1.50	0.01		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	Quyết định số 6276/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đường giao thông liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngọ Xá lên đê tả Đáy thôn Ngọ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Giai đoạn 2). Tiến độ: 2019-2024.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
55	Nâng cấp mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía Nam huyện Ứng Hòa (Cần Thơ - Xuân Quang), GD1	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	23.95	0.87		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình, Tảo Dương Văn, Hòa Lâm, Đội Bình, Đại Hùng	Quyết định số 6230/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía nam huyện Ứng Hòa (Cần Thơ - Xuân Quang) giai đoạn 1. Tiến độ thực hiện 2020-2024.
56	Nâng cấp cải tạo TL 429C đoạn từ cầu Bầu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	14.19	0.36		Huyện Ứng Hòa	Xã Quảng Phú Cầu, Liên Bát, Thị trấn Vân Đình	Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND thành phố Hà Nội Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 429C đoạn từ cầu Bầu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện quý IV 2023- 2025.
57	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 - Km6+585 (tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B thị trấn Vân Đình đến cầu Quảng Tái xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	3.37	0.89		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình, xã Phương Tú, Trung Tú	Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 đến Km6+585 (Tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B đến cầu Quảng Tái, xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện quý II 2024.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
58	Đường giao thông liên xã từ QL 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	5.10	2.80		Huyện Ứng Hòa	Xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú	Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện công trình Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2024.
59	Đường trục kinh tế phía nam Thành phố Hà Nội đi Quốc lộ 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	3.41	0.10		Huyện Ứng Hòa	Xã Đại Cường, xã Đại Hùng	Quyết định số 6227/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đường từ trục kinh tế phía nam Thành phố Hà Nội đi Quốc lộ 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2024
60	Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đính, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	6.23	0.63		Huyện Ứng Hòa	Xã Phù Lưu, xã Lưu Hoàng	Quyết định số 6277/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đính, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2021-2024,
61	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Hòa Lâm-Trung Tú (từ đường Cầm Thơ-Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	12.26	8.34		Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Lâm, xã Trung Tú	Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Hòa Lâm - Trung Tú (từ đường Cầm Thơ - Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên), huyện Ứng Hòa, Tp Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2024.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
62	Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi Trục kinh tế phía Nam huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	5.12	2.48		Huyện Ứng Hòa	Xã Đại Cường	Quyết định số 6949/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án: Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi trục kinh tế phía Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2024.
63	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Vân Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	20.91	7.73		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình, xã Vạn Thái, xã Hòa Xá, xã Hòa Nam	Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Vân Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2021-2025.
64	Đường nối từ TL429A đến TL429B huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	5.90	2.43		Huyện Ứng Hòa	Viên An, Viên Nội, Cao Thành	Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Đường nối từ tỉnh lộ 429A đến tỉnh lộ 429B, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2024
65	Đường I2-14B liên xã Minh Đức-Trầm Lộng (điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức-Ngãm), huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	3.58	0.06		Huyện Ứng Hòa	Các xã Trầm Lộng, Minh Đức	Quyết định số 6233/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đường I2-14B liên xã Minh Đức-Trầm Lộng (điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức- Ngãm), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2024.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
66	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái – Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	2.27	2.27		Huyện Ứng Hòa	Xã Vạn Thái, Hòa Nam	Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 17/05/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái – Hòa Nam, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2022-2024.
67	Nâng cấp, mở rộng đường Minh Đức - Ngãm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	7.86	7.86		Huyện Ứng Hòa	Minh Đức, Kim Đường, Đại Cường	Quyết định 2636/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Minh Đức - Ngãm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ: 2022-2024.
68	Đường giao thông liên xã từ Minh Đức đi Kim Đường, Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Điểm đầu TL 428 tại thôn Thần, xã Minh Đức, Điểm cuối thôn Nhân Trai, xã Đông Lỗ)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	1.68	1.68		Huyện Ứng Hòa	Minh Đức, Kim Đường, Đông Lỗ	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện-Phụ lục 37. Tiến độ thực hiện 2024-2027
69	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa giai đoạn 2	DTT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	2.60	2.60		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Văn Đình	Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND huyện Ứng Hòa có về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu Trung tâm văn hóa thể thao huyện Ứng Hòa (giai đoạn 2). Tiến độ thực hiện 2022-2025

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
70	Xử lý khắc phục tình trạng sạt lở mái thượng, hạ lưu đề tả Đáy trên địa bàn các xã Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Lưu Hoàng, Đội Bình, huyện Ứng Hòa	DTL, DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	5.66	0.68		Huyện Ứng Hòa	Các xã Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Lưu Hoàng, Đội Bình	Quyết định số 261/QĐ-SNN ngày 03/5/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở mái thượng, hạ lưu đề tả Đáy trên địa bàn các xã Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Lưu Hoàng, Đội Bình, huyện Ứng Hoà. Tiến độ thực hiện 2024.
71	Xây dựng Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hoà, Tp. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.27	0.27		Huyện Ứng Hòa	Xã Lưu Hoàng	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của HĐND huyện Ứng Hoà về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023 (Phụ lục 16). Tiến độ thực hiện 2023-2025
72	Xây dựng nhà Đa năng, nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.61	0.61		Huyện Ứng Hòa	Xã Đồng Tiến	Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện 2022-2024.
73	Xây dựng mới trường mầm non thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hoà, Tp. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.82	0.12		Huyện Ứng Hòa	Xã Vạn Thái	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/06/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 03. Tiến độ thực hiện 2021-2026.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
74	Xây dựng đường tỉnh lộ 429B kéo dài về phía Tây (đoạn từ quốc lộ 21B đến đê tả Đáy) huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	12.24	9.44		Huyện Ứng Hòa	Các xã: Quảng Phú Cầu, Hoa Sơn, Trường Thịnh, Cao Thành, Sơn Công	Quyết định số 3173/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày 09/6/2023 về việc phê duyệt dự án: Xây dựng đường tỉnh lộ 429B kéo dài về phía Tây (đoạn từ quốc lộ 21B đến đê tả Đáy) huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2023-2025.
75	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích chùa Hương, huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	3.50	3.50		Huyện Ứng Hòa	Các xã: Lưu Hoàng, Hồng Quang	Quyết định số 3786/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND thành phố Hà Nội về cho phép chuẩn bị đầu tư Dự án Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích chùa Hương, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2021-2024.
76	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quán Xá đến Thái Bằng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	18.87	18.76		Huyện Ứng Hòa	Các xã: Đồng Tân, Trầm Lộng, Hòa Lâm, Phù Lưu	Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quán Xá đến Thái Bằng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2023-2026.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
77	Đường Đỗ Xá-Quan Sơn (từ quốc lộ 21B đến Đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa bàn huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	15.00	15.00		Huyện Ứng Hòa	Các xã: Trung Tú, Phương Tú, Tảo Dương Văn, Vạn Thái	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội về cho ý kiến, phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội.- Phụ lục số 22. Tiến độ thực hiện 2021-2025.
78	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá xã Viên An huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	8.47	8.47		Huyện Ứng Hòa	Xã Viên An	1. Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Chỉ giới đường đỏ (ranh giới phạm vi xây dựng nền đường) tuyến đường tỉnh 429A từ Ba Thá xã Viên An huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai, tỷ lệ 1/500. 2. Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án. Tiến độ thực hiện 2024-2025.
79	Đường tránh quốc lộ 21B huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	25.40	25.40		Huyện Ứng Hòa	TT Vân Đình và các xã: Liên Bát, Phương Tú, Tảo Dương Văn, Vạn Thái	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội về cho ý kiến, phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội. Phụ lục số 30. Tiến độ thực hiện 2021-2025

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
80	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	7.37	7.37		Huyện Ứng Hòa	Xã Quảng Phú Cầu	Quyết định số 3883/QĐ-UBND ngày 26/07/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Tiến độ đến hết năm 2026
81	Dự án Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây theo hình thức hợp đồng BT	DGT	Công ty CP phát triển địa ốc Cienco5	73.40	21.92		Huyện Ứng Hòa	Xã Trung Tú; Phương Tú; Hòa Lâm; Trầm Lộng; Đại Hùng; Đại Cường; Kim Đường; Đông Lỗ	Văn bản số 5744/SGTVT-KHTC của Sở giao thông vận tải TP. Hà Nội ngày 17/9/2024 về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng Dự án Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây theo hình thức hợp đồng BT
82	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Vân Đình đi trạm biến áp 110KV Tía	DNL	BQLDA lưới điện Hà Nội	0.27	0.27		Huyện Ứng Hòa	TT. Vân Đình và các xã: Liên Bát, Phương Tú	Quyết định số 4382/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện năm 2024.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
83	Xây dựng mới trạm biến áp 110KV Khu Cháy và nhánh rẽ	DNL	Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà Nội	0.91	0.91		Huyện Ứng Hòa	Các xã Tảo Dương Văn, Phương Tú huyện Ứng Hòa	Quyết định số 4926/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện năm 2024 -2025.
II	Các công trình, dự án đăng ký mới								
a	Các dự án thu hồi đất để đầu tư sử dụng đất								
84	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Xuân Quang xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3.1	3.1		Huyện Ứng Hòa	Xã Đội Bình	Nghị quyết số 02/NQHĐND ngày 10/4/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024. Phụ lục 36. Tiến độ thực hiện 2024-2026.
b	Các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất								
...									
c	Các công trình, dự án khác								
85	Trường mầm non trung tâm xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.10	1.10		Huyện Ứng Hòa	Xã Kim Đường	1. Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện Ứng Hoà v/v điều chỉnh dự án. Tiến độ thực hiện 2019-2021 2. Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND huyện Ứng Hoà v/v điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện 2019-2025

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
86	Đường giao thông liên kết vùng Thị trấn Vân Đình - Liên Bạt - Trường Thịnh - Quảng Phú Cầu (từ đường tránh QL 21B đến đường 429B)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.20	3.20		Huyện Ứng Hòa	TT. Vân Đình, xã Trường Thịnh, xã Quảng Phú Cầu	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 (Phụ lục 28) của HĐND Huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư. Tiến độ thực hiện 2024-2027
87	Đường giao thông liên xã Hòa Phú đi Hòa Lâm (kết nối từ Quốc lộ 21B đến đường trục phát triển phía nam huyện Ứng Hòa)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.30	1.30		Huyện Ứng Hòa	Xã Hoà Lâm, Xã Hoà Phú	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/06/2023 của HĐND Huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư. Tiến độ thực hiện 2023-2025
88	Xây dựng sân vận động Đình Xuyên, xã Hòa Nam	DTT	UBND xã Hòa Nam	0.30	0.30		Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Nam	1. Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 07/05/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Xây dựng sân vận động thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2026 2. Quyết định số 3767/QĐ-UBND ngày 10/06/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Xây dựng sân vận động thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa.
89	Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV từ trạm biến áp 110kV Hà Đông đi trạm biến áp 110kV Vân Đình	DNL	BQLDA lưới điện Hà Nội	0.25	0.25		Huyện Ứng Hòa	TT. Vân Đình, các xã: Liên Bạt, Quảng Phú Cầu, Phương Tú	Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND TP Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện Quý II năm 2025 -Quý II năm 2026.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
90	Đầu nối trạm 220kV Ứng Hòa	DNL	BQLDA phát triển điện lực Hà Nội	0.24	0.24		Huyện Ứng Hòa	Xã Phương Tú	Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 17/07/2024 của UBND TP Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện Quý I-IV năm 2026.
91	Trạm biến áp 220kV Ứng Hòa và đường dây đầu nối	DNL	BQLDA các công trình điện miền Bắc	5.41	5.41		Huyện Ứng Hòa	Xã Phương Tú	Quyết định số 6710/QĐ-UBND ngày 02/12/2023 của UBND TP Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện Quý I năm 2025- III năm 2026.
B	Các công trình, dự án không phải báo cáo HĐND Thành phố thông qua								
I	Các công trình, dự án chuyển tiếp								
1	Các công trình, dự án được cập nhật xác định lần đầu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (chưa quá 02 năm liên tục theo khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai)								
92	Xây dựng trụ sở công an xã Hòa Lâm	CAN	Công an thành phố Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Lâm	1. Quyết định số 5800/QĐ-BCA H01, ngày 23/8/2023 của Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư 08 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN. Tiến độ thực hiện: 2023-2025 2. Văn bản số 7777/CAHN-PH10 ngày 29/9/2023 của Công an thành phố Hà Nội về việc địa điểm đất công an xã Hòa Lâm thuộc Công an huyện Ứng Hòa
2	Các công trình, dự án đã có trong Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện 02 năm trở lên (được cập nhật xác định lần đầu vào thời điểm từ năm 2023 trở về trước) được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai								

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
93	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Ứng Hòa	CQP	Ban CHQS huyện Ứng Hòa	2.00			Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Văn Đình	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện chính, bổ sung việc điều Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021. Tiến độ thực hiện 2022-2025.
94	Trụ sở CAX Phương Tú	CAN	CA TP Hà Nội	0.11			Huyện Ứng Hòa	Xã Phương Tú	1. Văn bản số 1037/UBND-QLĐT ngày 12/10/2020 của UBND huyện Ứng Hòa v/v Điều chỉnh, bổ sung kiểm tra, rà soát quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an cấp xã trên địa bàn huyện Ứng Hòa 2. Văn bản số 3463/QHKT-HTKT ngày 21/7/2021 của Sở quy hoạch-Kiến trúc v/v kết quả rà soát, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội
95	Trụ sở CAX Đồng Tân	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Đồng Tân	1. Văn bản số 1037/UBND-QLĐT ngày 12/10/2020 của UBND huyện Ứng Hòa v/v Điều chỉnh, bổ sung kiểm tra, rà soát quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an cấp xã trên địa bàn huyện Ứng Hòa 2. Văn bản số 3463/QHKT-HTKT ngày 21/7/2021 của Sở quy hoạch-Kiến trúc v/v kết quả rà soát, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội (lần 2)

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
96	Xây dựng cửa hàng xăng dầu kết hợp Dịch vụ hỗ trợ đường bộ tại Đồng Vối, thôn Kim Bông, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa	TMD	Công ty CPĐT Đại Phú Vinh	0.50			Huyện Ứng Hòa	Xã Kim Đường	Quyết định số 3110/QĐ-UBND của UBND TP. Hà Nội ngày 13/06/2024 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện Quý IV năm 2024 đến quý IV năm 2026.
97	Trụ sở CAX Cao Thành	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Cao Thành	Quyết định số 4583/QĐ-BCA-H01, ngày 30/6/2023 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 54 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có 05 CAX thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ dự án 2023-2025
98	Trụ sở CAX Hoa Sơn	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Hoa Sơn	Quyết định số 4583/QĐ-BCA-H01, ngày 30/6/2023 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 54 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có 05 CAX thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ dự án 2023-2025.
99	Trụ sở CAX Đông Lỗ	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Đông Lỗ	Văn bản số 3463/QHKT-HTKT ngày 21/7/2021 của Sở quy hoạch-Kiến trúc v/v kết quả rà soát, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội (lần 2).
100	Trụ sở CAX Phù Lưu	CAN	CA TP Hà Nội	0.17			Huyện Ứng Hòa	Xã Phù Lưu	Quyết định số 3954/QĐ-BCA-H01, ngày 29/05/2024 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 34 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có CAX Đại Hùng, Hòa Phú thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
101	Cho thuê đất nông nghiệp do UBND các xã thị trấn quản lý và sử dụng (đất công ích) trên địa bàn huyện Ứng Hòa	NNP	UBND huyện Ứng Hòa	548.43			Huyện Ứng Hòa	Xã Đồng Tân, Hòa Nam, Kim Đường, Hòa Phú, Phương Tú, Trung Tú, Phù Lưu, Trầm Lộng, Lưu Hoàng, Liên Bát, Đội Bình	Danh sách tổng hợp cho thuê đất nông nghiệp do UBND các xã thị trấn quản lý và sử dụng (đất công ích) trên địa bàn huyện Ứng Hòa của các xã.
II	Các công trình, dự án đăng ký mới								
102	Xây dựng trụ sở Công an xã Đại Hùng	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Đại Hùng	Quyết định số 3954/QĐ-BCA-H01, ngày 29/05/2024 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 34 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có CAX Đại Hùng, Hòa Phú thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
103	Xây dựng trụ sở Công an xã Hòa Phú	CAN	CA TP Hà Nội	0.16			Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Phú	Quyết định số 3954/QĐ-BCA-H01, ngày 29/05/2024 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 34 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có CAX Đại Hùng, Hòa Phú thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025.
104	Xây dựng trụ sở Công an xã Liên Bạt	CAN	CA TP Hà Nội	0.13			Huyện Ứng Hòa	Xã Liên Bạt	QĐ số 6471/QĐ-BCA-H01 của Bộ Công An ngày 05/0/2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 51 dự án Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã. Thời gian thực hiện: 2024-2025.
105	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Ứng Hòa, Hà Nội	TSC	Kho bạc nhà nước	0.12			Huyện Ứng Hòa	TT. Vân Đình	1. Quyết định số 2792/QĐ-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ tài chính về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Ứng Hòa, Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2023-2025 2. Quyết định số 4245/QĐ-UBND ngày 16/08/2024 của UBND TP Hà Nội về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Vân Đình huyện Ứng Hòa, phục vụ xây dựng trụ sở Chi cục thi hành án dân dự huyện Ứng Hòa, Kho bạc Ứng Hòa.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
106	Khu lưu niệm Trường ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.18			Huyện Ứng Hòa	Xã Liên Bạt	1. Văn bản số 8455/VP-KGVX ngày 11/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc Xây dựng khu lưu niệm Trường ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn 2. Văn bản số 540/VP-KGVX ngày 13/09/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc Xây dựng khu lưu niệm Trường ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn, xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa; 3. Quyết định số 4984/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Khu lưu niệm Trường ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn.
C	Công trình, dự án đã hoàn thành công tác GPMB, đang làm thủ tục xin giao đất								
107	Xây mới trường tiểu học Phương Tú	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.95			Huyện Ứng Hòa	Xã Phương Tú	Quyết định 6273/QĐ-UBND của UBND huyện ngày 24/10/2023 về việc gia hạn thời gian thực hiện dự án: trường tiểu học Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Tiến độ 2021-2024
108	Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng (Giai đoạn 2)	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng	0.50			Huyện Ứng Hòa	Xã Lưu Hoàng	Quyết định 6309/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng(Giai đoạn 2), huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
			Hòa						tiến độ: 2021-2024
109	Trường mầm non trung tâm xã Viên An, huyện Ứng Hòa	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.84			Huyện Ứng Hòa	Xã Viên An	Quyết định số 6950/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Trường mầm non trung tâm xã Viên An.
110	Xây dựng mới Trường THCS thị trấn Vân Đình đạt chuẩn, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	1.35			Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/09/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện (Phụ lục 34).Tiến độ: 2021-2024.
111	Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.95			Huyện Ứng Hòa	Xã Đông Lỗ	Quyết định 6306/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. tiến độ: 2021-2024
112	Xây dựng trường tiểu học Minh Đức đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0.41			Huyện Ứng Hòa	Xã Minh Đức	Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường tiểu học Minh Đức đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2022-2024
113	Trường tiểu học xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.28			Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Nam	Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của của UBND huyện Ứng Hoà về việc phê duyệt dự án đầu tư Trường tiểu học xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
									Thời gian thực hiện: 2023-2025
114	Trường mầm non Trung Tú, huyện Ứng Hòa	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	1.00			Huyện Ứng Hòa	Xã Trung Tú	Quyết định 6232/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Trường mầm non Trung Tú, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Tiến độ: 2021-2024.
115	Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	1.54			Huyện Ứng Hòa	Xã Quảng Phú Cầu	Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2. (Thời gian thực hiện: 2024-2026)
116	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía Nam thủ đô Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	4.50			Huyện Ứng Hòa	Xã Trầm Lộng, xã Đại Cường	Quyết định số 6245/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa v/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi (lần 2) dự án: Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía nam Thủ đô Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2021-2024.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
117	Nâng cấp, mở rộng đường Cần Thơ – Xuân Quang đi Đông Lỗ (giai đoạn 3), huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	2.00			Huyện Ứng Hòa	Xã Đông Lỗ	Quyết định 374/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: nâng cấp, mở rộng đường Cần Thơ - Xuân Quang đi Đông Lỗ (Giai đoạn 03), huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Tiến độ 2021-2024.
118	Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	DYT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.20			Huyện Ứng Hòa	Xã Cao Thành	Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt BC KTKT xây dựng công trình: Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2022-2024.
119	Xây mới Nhà văn hóa thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0.35			Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Phú	Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 v/v phê duyệt Báo cáo KTKT điều chỉnh thời gian thực hiện dự án xây dựng: Xây mới Nhà văn hóa thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2020-2024.
120	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	7.20			Huyện Ứng Hòa	Các xã: TT. Vân Đình, Liên Bát, Trường Thịnh, Sơn Công	Quyết định số 6228/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Ứng Hoà về phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án: Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội . Tiến độ thực hiện 2021-2024
121	Trường mầm non tập trung Đội Bình	DGD	Ban QLDA ĐTXD	0.89			Huyện Ứng Hòa	Xã Đội Bình	1. Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
			huyện						dựndự án: Trường mầm non tập trung Đội Bình,huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; 2. Quyết định số 6311/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện. Tiến độ thực hiện 2019-2024
122	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất BT02 thị trấn Vân Đình,huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ODT	Trung tâm PTQĐ	2.00			Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 44. Tiến độ thực hiện 2022-2024.
123	Đầu tư xây dựng HTKT khu đấu giá khu Sông Mới, xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa	ONT	Trung tâm PTQĐ	1.85			Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Xá	Quyết định số 6636/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện dự án .Tiến độ thực hiện điều chỉnh: 2022-2024.
124	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá khu ao xóm 1, thôn Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ	0.39			Huyện Ứng Hòa	Xã Quảng Phú Cầu	Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu đất đấu giá khu ao xóm 1, thôn Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội (lần 2) . Tiến độ thực hiện điều chỉnh: 2022-2024

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
125	Trụ sở CAX Đại Cường	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Đại Cường	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025.
126	Trụ sở CAX Đội Bình	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Đội Bình	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025.
127	Trụ sở CAX Lưu Hoàng	CAN	CA TP Hà Nội	0.13			Huyện Ứng Hòa	Xã Lưu Hoàng	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025.
128	Trụ sở CAX Quảng Phú Cầu	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Quảng Phú Cầu	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
129	Trụ sở CAX Trầm Lộng	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Trầm Lộng	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025.
130	Trụ sở CAX Trung Tú	CAN	CA TP Hà Nội	0.14			Huyện Ứng Hòa	Xã Trung Tú	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025.
131	Trụ sở CAX Vạn Thái	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Vạn Thái	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025.
132	Trụ sở CAX Đồng Tiến	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Đồng Tiến	Quyết định số 4656/QĐ-BCA-H01 ngày 22/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 12 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.Tiến độ thực hiện 2023-2025.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Đại diện Cơ quan, tổ chức, người đăng kí	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Vị trí		Căn cứ pháp lý (Ghi rõ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
					Diện tích đất thu hồi (ha)	Diện tích đất trồng lúa (ha)	Địa danh huyện	Địa danh xã	
133	Trụ sở CAX Viên Nội	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Viên Nội	Quyết định số 4656/QĐ-BCA-H01 ngày 22/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 12 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2023-2025.
134	Trụ sở CAX Minh Đức	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Minh Đức	Quyết định số 4583/QĐ-BCA-H01, ngày 30/6/2023 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 54 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có 05 CAX thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ dự án 2023-2025.
135	Trụ sở CAX Trường Thịnh	CAN	CA TP Hà Nội	0.18			Huyện Ứng Hòa	Xã Trường Thịnh	Quyết định số 4583/QĐ-BCA-H01, ngày 30/6/2023 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 54 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có 05 CAX thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ dự án 2023-2025.
136	Trụ sở CAX Tảo Dương Văn	CAN	CA TP Hà Nội	0.10			Huyện Ứng Hòa	Xã Tảo Dương Văn	Quyết định số 4583/QĐ-BCA-H01, ngày 30/6/2023 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 54 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có 05 CAX thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ dự án 2023-2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN ỦNG HÒA – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Hà Nội, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN ỨNG HÒA – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày tháng năm 202
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 18 tháng 12 năm 2024
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ỨNG HÒA



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Linh

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
PHẦN I.....	4
KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	4
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	4
1. Điều kiện tự nhiên	4
2. Các nguồn tài nguyên.....	5
3. Cảnh quan môi trường.....	6
4. Đánh giá chung.....	6
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	7
1. Tình hình phát triển kinh tế.....	7
2. Dân số, lao động- việc làm.....	9
3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn.....	9
4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	10
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG	14
1. Thuận lợi	14
2. Những hạn chế và nguyên nhân	15
PHẦN II	16
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC.....	16
I. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	16
II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	20
1. Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện (Theo danh mục công trình dự án đã được UBND thành phố phê duyệt)	20
2. Kết quả thực hiện dự án thu hồi đất năm 2024 huyện (Theo danh mục được HĐND thành phố thông qua)	29
III. HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TRONG VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	38
1. Hiệu quả kinh tế	38
2. Hiệu quả xã hội	39
3. Hiệu quả về môi trường.....	39
IV. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	39
V. ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN CỦA TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	39
PHẦN III	41
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN ỨNG HÒA	41
I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO LOẠI ĐẤT	41

II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH CÁC LĨNH VỰC	41
1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.....	41
2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2025	43
III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT.....	43
1. Nhóm đất nông nghiệp	45
2. Nhóm đất phi nông nghiệp.....	52
3. Nhóm đất chưa sử dụng.....	71
IV. DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH	71
1. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	71
2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp.....	72
3. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	72
V. DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT CẦN THU HỒI.....	72
VI. ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG	72
VII. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025.....	73
VIII. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	73
1. Cơ sở tính toán các nguồn thu chi từ đất.....	73
2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	73
3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	73
PHẦN IV	75
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	75
I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	75
II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN.....	76
1. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư	76
2. Nhóm giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực.....	76
III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN.....	77
1. Tổ chức thực hiện.....	77
2. Nhóm giải pháp về quản lý, giám sát kế hoạch sử dụng đất.....	78
IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC	78
1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách.....	78
2. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật	80
3. Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	80
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	82
I. KẾT LUẬN.....	82
II. KIẾN NGHỊ.....	82

ĐẤT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng để phát triển của địa phương. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “Đất đai là Tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật” (Chương III, Điều 54). Do vậy, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững.

Luật Đất đai năm 2024 khẳng định việc lập, điều chỉnh, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 18 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Nội dung lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn được cụ thể hóa trong Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024, Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường về Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện sẽ là cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với khả năng đầu tư và huy động tối đa nguồn lực từ các dự án đầu tư, khắc phục tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất tràn lan, tránh tình trạng hoang hóa đất đai, gây lãng phí tài nguyên đất.

Xuất phát từ tình hình đó, Ủy ban nhân dân huyện Ứng Hòa đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các phòng, ban có liên quan thực hiện lập **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa”**.

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 của Quốc Hội về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

II. CƠ SỞ THÔNG TIN SỐ LIỆU, TƯ LIỆU BẢN ĐỒ

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND thành phố Hà Nội thông qua danh mục các dự án thu hồi đất: dự án chuyên mục đích đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2024; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02/7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2024; danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND thành phố Hà Nội thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2025; Danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 5325/QĐ-UBND ngày 16/10/2014 của UBND Thành Phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Ứng Hoà đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000;

- Quyết định số 5182/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ứng Hòa;

- Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ứng Hòa;

- Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ứng Hòa;

- Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 3/7/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và Chủ trương đầu tư Kế hoạch đầu tư công năm 2021;

- Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số

dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện, vốn quận hỗ trợ;

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 25/3/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2021;

- Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 25/3/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của UBND huyện Ứng Hòa và nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện;

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/09/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện;

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện;

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa;

- Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa;

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023;

- Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu, Ngân sách các Quận hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023;

- Văn bản số 1720/UBND-TNMT ngày 09/8/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa;

- Số liệu thống kê đất đai năm 2023 huyện Ứng Hòa;

- Hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội;

- Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ứng Hòa;

- Các tài liệu, số liệu và bản đồ khác có liên quan đến việc sử dụng đất trên địa bàn huyện.

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Huyện Ứng Hòa là huyện đồng bằng nằm phía Nam thành phố Hà Nội. Tổng diện tích tự nhiên của huyện năm 2023 là 18.823,83ha, có đường ranh giới giáp với các địa phương sau:

- Phía Bắc giáp huyện Chương Mỹ và Thanh Oai;
- Phía Đông giáp huyện Phú Xuyên;
- Phía Nam giáp huyện Kim Bảng (tỉnh Hà Nam);
- Phía Tây giáp huyện Mỹ Đức.

Toàn huyện có 28 xã và 01 thị trấn, Ứng Hoà có vị trí thuận lợi là nằm trên đường quốc lộ 21B, cách Quận Hà Đông 30 km về phía Bắc và cách khu du lịch Chùa Hương 20 km về phía Nam. Huyện có đường tỉnh lộ 428, đường tỉnh lộ 429, 426 đi qua, đường từ trục phát triển kinh tế phía Nam Hà Nội đang trong giai đoạn hoàn thiện và các đường liên huyện, liên xã tạo cơ hội để giao lưu với thị trường bên ngoài tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật.

b. Địa hình, địa chất

Địa hình đồng bằng, tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ +1,5 mét, cao nhất khoảng +4,0 mét, thấp nhất khoảng +0,6 mét, nghiêng dần từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông. Địa hình phù hợp trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày, nuôi trồng thủy sản và trồng các cây vụ đông.

c. Khí hậu

Nằm trong vùng Đồng bằng Sông Hồng, huyện Ứng Hoà mang đặc trưng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, được chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa đồng thời là mùa hạ nóng ẩm; mùa đông lạnh, hơi khô và chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Theo số liệu thống kê của trạm khí tượng huyện mang đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều. Khí hậu cả năm khá ẩm, mùa đông chịu ảnh hưởng của những đợt gió mùa Đông Bắc. Khí hậu được chia thành hai mùa rõ rệt: mùa nóng đồng thời là mùa mưa, mùa lạnh cũng là mùa khô.

Mùa Đông bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau, hướng gió chủ yếu là Đông Bắc, thời tiết lạnh và khô, tháng 1 là tháng lạnh nhất có nhiệt độ trung bình là 16⁰C. Lượng mưa tháng 1 cũng thấp nhất khoảng 18mm. Số mùa

nắng trong các tháng mùa khô có xu hướng giảm. Đồng thời đới gió mùa Đông Bắc của dải hội tụ nhiệt đới và xoáy nhiệt đới thường gây ra áp thấp nhiệt đới.

Mùa nóng, ẩm thường có mưa nhiều, lượng mưa trung bình hàng năm từ 1300-1800 mm. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm, hướng gió chủ yếu là đông nam mang theo hơi nước mát, nhưng cũng có khi là giông bão với sức gió có thể đạt 128 -144 km/h. Lượng mưa được tập trung từ tháng 6 đến tháng 9. Hàng năm thường có bão làm ảnh hưởng đến khí hậu, thời tiết trong khu vực. Bão đến thường kèm theo mưa lớn gây úng lụt cho các khu vực thấp trũng

Nhiệt độ bình quân hàng năm $23,5^{\circ}\text{C}$, tổng nhiệt lượng cả năm khoảng 8.000 - 8.500 $^{\circ}\text{C}$.

Lượng mưa trung bình hàng năm là 1.600-1.700mm, chủ yếu tập trung vào các tháng 6,7,8 và 9.

Độ ẩm không khí trung bình hàng năm là 82%, độ ẩm cao nhất là 92% và độ ẩm thấp nhất là 60%.

Số giờ nắng trung bình hàng năm là 1.741 giờ, thuộc mức tương đối cao, có điều kiện thích hợp để canh tác nhiều vụ trong năm.

Tác động của biến đổi khí hậu đã xuất hiện ngày càng nhiều hơn trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, với vị trí và khí hậu vùng Đồng bằng sông Hồng, nên ngoài lợi thế đối với sản xuất (đặc biệt là sản xuất nông nghiệp) và đời sống, huyện còn có lợi thế từ việc ít chịu tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu. Đó là lợi thế lớn trong trong sử dụng đất và phát triển kinh tế.

2. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Diện tích tự nhiên toàn huyện đến hết năm 2024 là 18.823,83 ha.

Theo số liệu điều tra xây dựng bản đồ đất huyện Ứng Hoà do trung tâm Tài nguyên và Môi trường thuộc Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp năm 2001, huyện Ứng Hoà có 4 loại đất chính: Đất phù sa được bồi (Pb), đất phù sa không được bồi, không có tầng glây và loang lổ (P), đất phù sa glây (Pg), đất phù sa úng nước (P).

Nhìn chung, thổ nhưỡng Ứng Hòa thích hợp cho các loại cây hàng năm như lúa, rau màu và có thể tiến hành thâm canh tăng vụ phục vụ phát triển nông nghiệp.

b. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt quan trọng nhất trên địa bàn huyện được cung cấp bởi hệ thống sông ngòi, ao, hồ và lượng mưa hàng năm. Nguồn nước chủ yếu được lấy từ các sông chính như các sông như: Sông Đáy, Sông Măng Giang, Kênh Vân Đình. Ngoài nguồn nước mặt của các sông, Ứng Hòa còn có các ao, hồ, đầm với trữ lượng nước khá lớn phục vụ cho phát triển nuôi trồng thủy sản và nhu cầu cung cấp nước tại chỗ.

c. Tài nguyên khoáng sản

Ứng Hoà là một huyện nghèo về tài nguyên khoáng sản. Trên địa bàn huyện có những loại khoáng sản sau:

- Than bùn: Theo thăm dò sơ bộ của một số ngành chức năng thì tài nguyên than bùn trong huyện tập trung ở 8 xã thuộc khu Cháy (Trung Tú, Đồng Tân, Hoà Lâm, Trầm Lộng, Minh Đức, Kim Đường, Đông Lỗ, Đại Hùng) với trữ lượng chưa xác định cụ thể. Đây là nguồn nguyên liệu làm phân hữu cơ vi sinh rất tốt cho ngành trồng trọt.

- Cát: Do sông Đáy chảy qua huyện với chiều dài 36,5km dọc theo các xã ven sông từ Viên An đến Đội Bình nên cát chủ yếu được tập trung khai thác ở các xã Viên An, Hoà Nam, Hoà Phú nhằm phục vụ xây dựng cơ bản.

d. Tài nguyên văn hóa - nhân văn

Ứng Hoà mang đặc trưng vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng gắn liền với nền văn minh lúa nước, tập quán sản xuất nông nghiệp có từ lâu đời do vậy trong huyện có tới 131 điểm di tích lịch sử văn hoá công nhận. Một số di tích đáng chú ý là: đình Hoàng Xá - di tích lịch sử thời Lê, bảo tàng chiếc gậy Trường Sơn, bảo tàng khu Cháy - quê hương vùng an toàn khu xứ uỷ Bắc Kỳ... Ngoài ra, còn có một số làng nghề truyền thống: làng dệt vải màn xã Hoà Xá, làng mây tre đan ở xã Trường Thịnh, Quảng Phú Cầu, Sơn Công. Các làng nghề này không chỉ duy trì nét truyền thống trong văn hoá mà còn tạo thêm công việc cho người lao động nhất là trong những lúc nông nhàn, đồng thời tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống.

3. Cảnh quan môi trường

UBND huyện thường xuyên chỉ đạo công tác vệ sinh môi trường, thực hiện tốt việc tuyên truyền, hưởng ứng các hoạt động về bảo vệ môi trường (tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới), công tác vệ sinh môi trường được duy trì đảm bảo.

Tuy nhiên, do phát triển sản xuất, môi trường ở một số nơi trên địa bàn huyện cần được chú ý. Các chất thải trong sinh hoạt và sản xuất (đặc biệt là tại các cụm công nghiệp và làng nghề, khu vực xây dựng cơ sở hạ tầng như các khu chợ, dịch vụ), việc sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, sử dụng với liều lượng không hợp lý... là những nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường. Để phát triển bền vững và đảm bảo sức khỏe cho người dân, trong thời gian tới cần tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Đánh giá chung

a. Những thuận lợi, lợi thế

- Về tài nguyên đất, huyện có diện tích đất nông nghiệp tương đối lớn với nhiều nhóm, loại đất và các tiểu vùng khí hậu đặc thù thuận lợi cho việc hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh như: vùng chuyên canh vườn-ao-chuồng tại các xã như: Trung Tú, Trầm Lộng, Đông Lỗ, Đại Cường,...; vùng

trồng cây ăn quả tại các xã như Hòa Xá, Sơn Công, Hồng Quang...

- Về môi trường nói chung khu vực huyện Ứng Hòa chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm trên diện rộng, các vấn đề ô nhiễm chỉ xuất hiện ở quy mô nhỏ, cục bộ và mức độ yếu. Các vấn đề này hoàn toàn có thể khắc phục được, nếu có các biện pháp quản lý, giáo dục cộng đồng tốt, các biện pháp xử lý kịp thời.

b. Những khó khăn, hạn chế

- Hệ thống các sông, thảm thực vật suy giảm hạn chế đến khả năng điều tiết nguồn nước (đặc biệt trong mùa khô) và bảo vệ môi trường.

- Hiện nay do tốc độ đô thị hóa tăng nhanh cùng với việc phát triển các khu dân cư mới, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là hệ thống giao thông đường bộ gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất và môi trường không khí.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tình hình phát triển kinh tế

Huyện triển khai thực hiện quyết liệt các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Thành phố; Huyện ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát các nhiệm vụ lâu dài mang tính trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên quan tâm giải quyết các nhiệm vụ mang tính bức xúc dân sinh; UBND huyện đã đôn đốc thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ trên các lĩnh vực đề ra ngay từ đầu năm, kinh tế huyện được phục hồi và duy trì mức tăng trưởng khá.

Tổng giá trị sản xuất 6 tháng năm 2024 (giá so sánh) ước đạt 8.126 tỷ so với cùng kỳ năm trước tăng 7,45%. Trong đó: Giá trị sản xuất Nông nghiệp ước đạt 2.473 tỷ so cùng kỳ tăng 3,6%; Giá trị sản xuất Công nghiệp – Xây dựng ước đạt 2.168 tỷ so với cùng kỳ tăng 6,5%; Giá trị sản xuất Thương mại - Dịch vụ ước đạt 3.485 tỷ so với cùng kỳ năm trước tăng 10,9%.

Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp chiếm 33,0% (giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2023); Công nghiệp – Xây dựng chiếm 26,7% (giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2023); Thương mại- dịch vụ chiếm 40,3% (tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2023). Kết quả cụ thể như sau:

a. Sản xuất nông nghiệp

* Về trồng trọt: Giá trị sản xuất trồng trọt ước đạt 477 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 2,8%.

- Vụ Đông: Sản lượng cây trồng vụ đông toàn huyện đã gieo trồng được 602 ha (So với cùng kỳ năm trước tăng 64 ha, bằng 11,9%), so với kế hoạch đạt 109,4%.

- Vụ Xuân: Tổng diện tích gieo trồng vụ xuân là 8.691 ha so với kế hoạch tăng 0,8% bằng 69 ha, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,4% bằng 35 ha, trong đó diện tích lúa xuân đạt 8285 ha so với kế hoạch giảm 0,18% bằng 15 ha, so với cùng kỳ giảm 0,37% bằng 31 ha; diện tích bỏ sản xuất 62,53 ha, giảm 113,97 ha so với vụ Xuân năm 2023, đây là vụ có diện tích bỏ sản xuất

thấp nhất từ năm 2018 trở lại đây. Kế hoạch vụ Xuân 2024 huyện chủ trương phát động cơ cấu giống lúa chủ lực là giống J02 và một số giống lúa chất lượng cao khác nên kết quả diện tích giống lúa chất lượng cao (lúa nếp, lúa thơm, j02) 7.133 ha, bằng 86,1%, so với cùng kỳ tăng 8,6%; đặc biệt đã có 25/29 xã gieo cấy (trong đó có 19 xã gieo cấy 100% diện tích) lúa J02, tăng 10 xã so với năm 2023; năng suất lúa bình quân ước đạt 67,2 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước tăng 1,3 tạ/ha, sản lượng ước đạt 55.675 tấn (so với cùng kỳ năm trước tăng 873 tấn), được SNN&PTNT, Cục Thống kê Hà Nội đánh giá là huyện có diện tích lúa J02 và năng suất lúa cao nhất thành phố.

- Phát động phong trào tết trồng cây Đòi đòi nhớ ơn Bác Hồ, toàn huyện ước trồng 15.000 cây đạt 111% kế hoạch, bình quân mỗi xã thị trấn trồng trên 517 cây.

** Chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản:*

- Chăn nuôi: Giá trị sản xuất chăn nuôi ước đạt 1.345 tỷ đồng tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2023. Trọng lượng thịt hơi xuất chuồng 6 tháng ước đạt 18.262 tấn tăng 903 tấn bằng 5,2% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó thịt lợn hơi ước đạt 12.048 tấn tăng so với cùng kỳ 418 tấn, bằng 3,6%. Sản lượng trứng ước đạt 118 triệu quả tăng 7,2% so với cùng kỳ. Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm nhìn chung không phát triển thành các ổ dịch lớn gây nguy hiểm. Công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được duy trì thường xuyên theo đúng kế hoạch.

- Về thủy sản: Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 651 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 3,1%. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 4.020 ha sản lượng ước đạt 26.132 tấn tăng so với cùng kỳ 786 tấn bằng 3,1% so với cùng kỳ.

b. Sản xuất Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng

Trong 6 tháng đầu năm 2024 do ảnh hưởng của đợt nghỉ tết nguyên đán dài ngày, cho nên các ngành sản xuất ở quý I chậm lại hơn so với các quý khác, sang đến quý II tình hình kinh tế có nhiều khởi sắc, có tác động tích cực đến sản xuất công nghiệp. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 853 tỷ đồng (tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước). Một số ngành có tỷ lệ tăng trưởng khá là: ngành sản xuất giấy dếp da, ngành chế biến gỗ và lâm sản, ngành sản xuất sản phẩm bằng loại... Còn có ngành phát triển chậm như: ngành may mặc, ngành chế biến đồ uống.... nhìn chung tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn không có gì biến động lớn.

Giá trị xây dựng cơ bản ước đạt 1.315 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước tăng 7,1%. Phối hợp với Công ty Hà Thành - BQP khởi công xây dựng Cụm công nghiệp Xà Cầu – giai đoạn 2 vào ngày 06/3/2024. Đề xuất thành phố hướng dẫn huyện triển khai công tác kêu gọi, thành lập Cụm công nghiệp Bắc Vân Đình theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan; Rà soát, hoàn thiện hồ sơ đề nghị thành lập cụm công nghiệp làng nghề Hoa Sơn, cụm công nghiệp làng nghề Minh Đức theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-

CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ; báo cáo, trình Hội đồng xem xét, đánh giá lựa chọn theo quy định.

Tiến hành rà soát danh sách các làng nghề đăng ký đề nghị công nhận danh hiệu “Làng nghề, Nghề truyền thống, Làng nghề truyền thống” Hà Nội.

c. Thương mại và dịch vụ

Tổng giá trị sản xuất thương mại và dịch vụ ước đạt 3.485 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước tăng 10,9%. Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 27 triệu USD so với cùng kỳ năm trước tăng 8% (*Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng dệt may*).

Giá cả các mặt hàng thực phẩm, rượu bia nước giải khát, bánh mứt kẹo, quần áo và đồ dùng gia đình tương đối ổn định, lượng hàng hoá đầy đủ nhất là trong dịp trước, trong và sau tết Nguyên đán giá cả các hàng hóa khác giữ ở mức ổn định.

2. Dân số, lao động- việc làm

Triển khai thực hiện công tác dân số trên địa bàn huyện và giao chỉ tiêu về công tác Dân số cho các xã, thị trấn năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm Số sinh trong toàn huyện là: 1.131 trẻ; Trong đó: Số sinh con thứ 3 trở lên là: 155 trẻ. Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên tương ứng là: 13,70% (*giảm 0,33% so với cùng kỳ*).

Trong 6 tháng đã giải quyết được 4.107 lao động, trong đó qua vay vốn giải quyết việc làm từ ngân hàng chính sách là 2.901 lao động với tổng số tiền là 229.407.409.000đ; 1.206 người người được giải quyết việc làm qua hình thức khác (tự ứng tuyển vào các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh...). Ước hết năm 2024 giải quyết việc làm cho 4.300 lao động đạt 102% chỉ tiêu được giao.

3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

a. Thực trạng phát triển đô thị

Huyện có 1 thị trấn với tổng diện tích 603,93 ha, chiếm 3,21% tổng diện tích toàn huyện, bình quân đất ở đô thị/người là 27,45 m²/người. Thị trấn Vân Đình là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội và cũng là địa bàn xây dựng trụ sở các cơ quan của huyện. Hiện nay, hệ thống cơ sở hạ tầng, các khu chức năng đô thị đã dần hoàn thiện, bề mặt đô thị có bước chuyển biến rõ rệt. Khối lượng xây dựng nhà ở, công trình công cộng, cơ sở hạ tầng,... cũng tăng lên khá nhanh. Ở khu vực này, dịch vụ thương mại phát triển mạnh đã góp phần quan trọng trong việc tăng giá trị sản xuất của huyện.

Trong giai đoạn tới, để hoàn chỉnh hệ thống đô thị của huyện, xứng đáng với vai trò là trung tâm, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, cần thiết phải hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình phúc lợi công cộng.

b. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Dân cư nông thôn có xu hướng tập trung ở trung tâm xã hoặc nơi có cơ sở

hạ tầng thuận lợi. Bình quân đất ở nông thôn/người là 69,82 m²/người. Ở một số khu vực, do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường nên đã hình thành các tụ điểm có ưu thế hơn về phát triển kinh tế (đặc biệt là thương mại, dịch vụ) và là cơ sở hình thành các thị tứ. Vì vậy, nhu cầu mở rộng quy mô các điểm dân cư tập trung như trên cũng cần được tính đến trong tương lai.

Nhìn chung hệ thống giao thông, thủy lợi và các công trình công cộng như trường học, y tế, chợ, sân thể thao,... đã được đầu tư xây dựng đáp ứng tốt nhu cầu của người dân trong xã. Đến nay 100% các xã trên địa bàn huyện đã được công nhận là xã đạt chuẩn Nông thôn mới trong đó có 03 xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao (xã Hoa Sơn, xã Hòa Nam, xã Liên Bạt).

4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a. Giao thông

Ứng Hòa có hệ thống giao thông phân bố khá hợp lý, ngày càng hoàn thiện hơn nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất và đời sống của người dân. Cụ thể:

- Đường Quốc lộ: Quốc lộ 21B là tuyến trục đường giao thông chính của huyện cùng với hệ thống cầu, cống với đoạn tuyến chiều qua huyện dài 22 km đã được mở rộng, nâng cấp rải thảm nhựa theo tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng.

- Đường Tỉnh lộ: Trên địa bàn huyện có 9 tuyến tỉnh lộ đi qua với tổng chiều dài khoảng 63,2 km đã được rải thảm nhựa 100%.

- Đường huyện: Có 30,3 km đường huyện lộ đã được rải thảm nhựa 100%.

- Đường trục xã, liên xã: Có 148,15 km đường nhựa hóa, bê tông hóa 100%.

- Đường trục thôn, liên thôn: Có 201 km đường nhựa hóa, bê tông hóa 100%.

- Đường ngõ xóm: 100% các tuyến đường được nhựa hoá và bê tông hoá, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục chính nội đồng: Có 437,74 km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Có thể thấy, những năm gần đây, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện ngày càng hoàn thiện, đặc biệt khi chương trình thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được thực hiện. Tuy nhiên, trong năm tới vẫn cần đầu tư, nâng cấp một số tuyến để đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

b. Thủy lợi

Trong những năm qua, huyện đã đầu tư xây dựng nâng cấp và kiên cố hóa hệ thống công trình thủy lợi: Cải tạo nâng cấp các trạm bơm tưới, tiêu (Ngọc Xá II, Hồng Quang, Vạn Thái, Hòa Xá, đội bình), kiên cố hóa kênh dẫn chính và hệ thống kênh mương nội đồng tương đối hoàn chỉnh (6 kênh tưới tiêu kết hợp và 6 kênh tiêu chính), về cơ bản đáp ứng cho yêu cầu thâm canh 2 vụ lúa + vụ đông, đảm bảo diện tích tưới tiêu chủ động lên 94% diện tích đất canh tác, tạo điều

kiện chuyên đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, mùa vụ có hiệu quả, góp phần tăng vụ, tăng năng suất, sản lượng cây trồng.

Nhìn chung, hệ thống các trạm bơm và kênh mương hiện nay (hệ thống thủy lợi Vân Đình, Công Thần, Ngoại Độ, Ba Thá,... và trạm bơm Quảng Nguyên, Ngõ Xá, Hồng Quang) có khả năng phục vụ tưới tiêu cho phần lớn diện tích đất nông nghiệp của huyện (khoảng 10.700 ha). Tuy vậy, nhiều trạm bơm và hệ thống kênh mương được xây dựng từ lâu, bị bồi lấp, các thông số kỹ thuật không còn phù hợp, máy móc thiết bị đã xuống cấp, nên năng lực tưới, tiêu úng cho sản xuất còn bị hạn chế, hệ thống kênh mương nội đồng ở nhiều xã còn chậm được kiên cố hóa và đang bị xuống cấp, hạn chế tác dụng của công trình. Hệ thống tưới cho vùng bãi còn nhiều khó khăn.

c. Giáo dục

UBND huyện đã chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các xã, thị trấn, các trường học trên địa bàn triển khai, thực hiện tốt các nhiệm vụ của ngành với mục tiêu nâng cao chất lượng ngành Giáo dục và Đào tạo Ứng Hòa.

Ban hành Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 28/3/2024 về nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn huyện Ứng Hòa năm 2024; Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 08/3/2024 về thực hiện Đề án nâng cao chất lượng Dạy và học ngoại ngữ trong các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn huyện Ứng Hòa, giai đoạn 2023-2028, năm 2024. Quyết định Số 2036/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 đề nghị toàn Ban Chỉ đạo điều hành, thực hiện kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; Quyết định Số 2038/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án: "Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn huyện Ứng Hoà, giai đoạn 2023-2028".

Chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng giáo dục mũi nhọn từng bước có sự chuyển biến và đạt được một số kết quả tích cực và đạt được các kết quả tốt trong các kỳ thi dành cho giáo viên và học sinh do Thành phố và huyện tổ chức.

Đẩy mạnh xây dựng hệ thống điều hành thông minh kết nối trực tuyến với các đơn vị trường học trên địa bàn huyện; triển khai thực hiện thí điểm Học bạ số cấp Tiểu học “tỷ lệ hoàn thành đạt 98,33% xếp thứ 6 toàn Thành phố”; triển khai thực hiện thu phí không dùng tiền mặt. Mức độ chuyển đổi số trong quản lý đạt 100% từ mức độ 2 trở lên; 100% các trường đạt chuẩn thư viện từ Mức độ 1 trở lên.

Tổ chức thành công cuộc thi. “Thiếu nhi Ứng Hòa tự hào truyền thống quê hương”; tổ chức Lễ tuyên dương khen thưởng học sinh giỏi tiêu biểu năm học 2023-2024; thẩm định sáng kiến kinh nghiệm, thi đua khen thưởng; Ban hành kế hoạch hoạt động hè, chỉ đạo ngành GD&ĐT phối hợp quản lý học sinh trong thời gian nghỉ hè.

Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung

học cơ sở mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt.

Công tác xã hội hoá giáo dục có nhiều bước chuyển biến, huy động được các nguồn lực đầu tư, chăm lo phát triển giáo dục. Các hoạt động, phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực, có ý nghĩa.

Chỉ đạo tổ chức thành công kỳ thi tuyển sinh vào 10 THPT năm học 2024-2025.

d. Y tế

UBND huyện thường xuyên chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Thường xuyên triển khai tích cực các hoạt động phòng, chống dịch bệnh trên người (Covid-19, Tay chân miệng, Tiêu chảy cấp, Viêm não do vi rút, Sốt xuất huyết, Sởi, Thủy đậu, Ho gà...), hạn chế tối đa việc đề xuất hiện các ổ dịch mới trên địa bàn huyện. Duy trì tốt xã đạt Tiêu chí Quốc gia về Y tế xã theo tiêu chí mới.

Tổng số lượt khám chữa bệnh trong 6 tháng đầu năm là 145.543 lượt khám. Trong đó tổng số lượt khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế là: 72.591 lượt, bệnh viện Đa khoa Vân Đình khám được 72.952 lượt.

Đoàn kiểm tra của phòng Y tế đã tổ chức kiểm tra 64 cơ sở y dược tư nhân, lập biên bản vi phạm hành chính 02 cơ sở, hoàn thiện hồ sơ tham mưu UBND huyện ra quyết định xử phạt với tổng số tiền là 11.500.000 đồng. Đồng thời tuyên truyền, phổ biến, nhắc nhở các cơ sở nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật trong hành nghề y, dược tư nhân.

e. Văn hóa, thể dục thể thao

Khảo sát đề xuất 27 thôn, tổ dân phố để hỗ trợ kinh phí triển khai năm 2024 và hỗ trợ kinh phí cho 14 thôn trên địa bàn huyện triển khai Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 28/9/2021 của UBND huyện về Xây dựng làng văn hóa tiêu biểu, văn minh huyện Ứng Hòa giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra công tác quản lý và tổ chức lễ hội trên địa bàn huyện. Nhìn chung, các Lễ hội trên địa bàn huyện diễn ra đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội và trang trọng, tiết kiệm.

Tổ chức tổng kết và trao thưởng Cuộc thi “Ứng Hòa chung sức xây dựng diện mạo nông thôn mới năm 2023”.

Duy trì việc đăng và gửi tin bài trên trang Zalo, facebook, fanpage UBND huyện Ứng Hòa.

Hoàn thiện hồ sơ trình cấp và đã được Bộ Văn hoá – Thể thao và Du lịch quyết định công nhận làng nghề may áo dài Trạch Xá, xã Hòa Lâm và lễ hội truyền thống Hội làng Văn Giang - Nam Dương là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

Phối hợp huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam hoàn thiện Kế hoạch liên huyện, quy chế phối hợp trong công tác quản lý và tổ chức Lễ hội đền Đức Thánh Cả, bến xe Hàm Long, đền Vĩnh Sơn.

Phối hợp với bảo tàng lịch sử quốc gia xây dựng nội dung sưu tầm, trưng bày chuyên đề đối với bảo tàng Hòa Xá và bảo tàng khu cháy.

Phối hợp phòng Quản lý di sản - Sở Văn hoá, Thể thao TP Hà Nội hoàn thiện hồ sơ xếp hạng đối với 05 di tích: Đình Đồng Xung, xã Đồng Tân; đình Kim Bồng, xã Kim Đường; đình Ngọc Trục, chùa Đào Xá, chùa Ngọc Trục, xã Đông Lỗ để đề xuất Thành phố xếp hạng theo quy định.

Xây dựng phương án tổ chức đón nhận di sản văn hoá phi vật thể nghề may trang phục cổ truyền làng trạch Xá, xã Hoà Lâm và lễ hội truyền thống Hội làng Văn Giang - Nam Dương.

Tổ chức lớp tập huấn cho người dân thôn Cầu Bàu về hướng dẫn vận hành tour, xúc tiến, quảng bá tour cho địa phương. Tổ chức ra mắt điểm du lịch tâm Hương, Quảng Phú Cầu theo kế hoạch của thành phố vào ngày 12/4/2024.

Ban hành Đề án Phát triển du lịch huyện Ứng Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phối hợp với đài truyền hình Hà Nội xây dựng phóng sự Lễ xuân đầu năm tại di tích đình, chùa Trần Đăng, xã Hoa Sơn.

f. Bru chính viễn thông

Công tác tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn bạn nghe đài. Thông tin phong phú, đa chiều, diện phản ánh rộng, tuyên truyền kịp thời các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh trật tự trên địa bàn.

Công tác chăm sóc sức khỏe và đời sống nhân dân được quan tâm với nhiều cuộc thi được phát động, hội thi để nhân dân tham gia vận động thể dục thể thao và nhiều chương trình văn hóa, văn nghệ được tổ chức với sự tham gia và hưởng ứng của các đơn vị, nhân dân trên địa bàn huyện.

g. Quốc phòng, an ninh

- Quốc phòng:

Tiếp đón công dân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương và tổ chức gặp mặt, giới thiệu việc làm cho quân nhân xuất ngũ. Tổ chức Lễ giao nhận quân năm 2024 (*Bàn giao đủ 159 công dân nhập ngũ cho 07 đơn vị nhận quân*).

Xây dựng kế hoạch và tổ chức luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu 1 bên 2 cấp của Ban CHQS huyện lần 1/2024 và của các xã, thị trấn năm 2024. Triển khai đầu tư xây dựng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

Duy trì nghiêm túc chế độ trực SSCĐ thường xuyên theo quy định, trực Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và các chế độ trực khác; Nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội không để bị động bất ngờ.

Xây dựng và ban hành Kế hoạch công tác quân sự, quốc phòng của UBND huyện và của Ban CHQS huyện năm 2024.

- An ninh và trật tự an toàn xã hội:

Tình hình an ninh chính trị cơ bản được giữ vững ổn định, chưa phát hiện vấn đề gì phức tạp; tình hình TTATXH được đảm bảo không để xảy ra các tụ điểm phức tạp, các vụ việc nghiêm trọng gây mất an ninh trật tự, trật tự an toàn xã hội.

Tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội được kiềm chế kéo giảm: Phát hiện, xử lý 39 vụ, 99 đối tượng (*gồm: 28 vụ phạm pháp hình sự, 11 vụ tệ nạn xã hội*), trong đó 10 vụ phạm pháp hình sự xảy ra từ năm 2022, 2023 đến năm 2024 mới khởi tố (*giảm 03 vụ so với cùng kỳ năm 2023*), Đã điều tra khám phá 32 vụ/99 đối tượng đạt tỷ lệ điều tra khám phá đạt 82% (*vượt chỉ tiêu Quốc hội giao > 75%*).

Tội phạm và các vi phạm về kinh tế: Phát hiện, xử lý 32 vụ, 29 đối tượng vi phạm. đặc biệt đã xử lý hình sự 01 vụ vi phạm đến lĩnh vực đất đai ở xã Minh Đức.

Tội phạm về ma túy: Phát hiện, bắt quả tang 42 vụ, 60 đối tượng vi phạm về hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, triệt xóa 02 điểm nguy cơ phức tạp về ma túy.

Tội phạm và các vi phạm về môi trường: Phát hiện, xử lý 75 vụ vi phạm, chủ yếu về hành vi kinh doanh hàng hóa không đảm bảo vệ sinh ATTP.

Tình hình cháy, nổ và cứu nạn, cứu hộ: xảy ra 04 vụ cháy (*giảm 04 vụ so với cùng kỳ năm 2023*), không có thiệt hại về người, tài sản thiệt hại lực lượng chức năng đang thống kê, xác minh làm rõ; Tham gia cứu nạn, cứu hộ 02 vụ đuối nước (*tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm 2023*). Tai nạn giao thông xảy ra 19 vụ, làm 06 người chết, 29 người bị thương (*tăng 08 vụ, giảm 01 người chết, tăng 17 người bị thương so với cùng kỳ năm 2023*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng - nơi có bước phát triển đáng kể, giữ được mức tăng trưởng kinh tế (GDP) cao, có ý nghĩa tạo động lực cho phát triển của cả nước điều này có ý nghĩa rất lớn tạo động lực cho sự phát triển của Ứng Hòa.

- Cơ cấu kinh tế của vùng đã có bước chuyển dịch quan trọng, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị được đầu tư phát triển khá đồng bộ và ngày càng hoàn thiện cùng với tốc độ đô thị hóa nhanh và nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn lớn là những điều kiện đặc biệt thuận lợi để huyện phát triển nhanh kinh tế xã hội.

- An ninh chính trị, kinh tế, tư tưởng văn hóa, an ninh thông tin và trật tự

an toàn xã hội được giữ vững.

2. Những hạn chế và nguyên nhân

- Các ngành kinh tế của Ứng Hòa phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của vùng; các mục tiêu quy hoạch đề đạt tỷ lệ còn thấp.

- Sự phát triển trong từng thời kỳ, trên từng xã còn mang tính tự phát, không bám sát quy hoạch đề ra.

- Việc hình thành các loại thị trường còn chậm và chưa đồng bộ, tư duy về kinh tế thị trường thua kém các tỉnh phía Nam, vẫn còn nhiều yếu tố tự cung tự cấp, mặt trái của cơ chế thị trường vẫn chi phối không nhỏ.

Nhìn chung, quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá đã tác động rất lớn đến việc sử dụng đất đai trong vùng, đặc biệt là việc phát triển đô thị, các khu, cụm công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đòi hỏi phải chuyển một phần diện tích đất nông nghiệp sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, kéo theo giải quyết công ăn, việc làm cho nông dân không còn đất sản xuất nông nghiệp, trong khi vẫn phải giải quyết công ăn việc làm cho lao động thất nghiệp và lao động tăng thêm do tăng dân số tự nhiên.

PHẦN II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

I. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Căn cứ số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2023 và kết quả thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024 của huyện, đến hết năm 2024, tổng diện tích tự nhiên của huyện Ứng Hòa là 18.823,83 ha; trong đó đất nông nghiệp là 13.419,84 ha chiếm 71,29%; đất phi nông nghiệp là 5.365,83 ha chiếm 28,51%; đất chưa sử dụng là 38,17 ha chiếm 0,20%. Chi tiết trong bảng sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích tự nhiên		18.823,83	100,00
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	13.419,84	71,29
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.742,10	72,59
1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>	<i>7.807,26</i>	<i>58,18</i>
1.1.2	<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	<i>LUK</i>	<i>1.934,84</i>	<i>14,42</i>
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	488,47	3,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	418,96	3,12
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.631,32	19,61
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	138,99	1,04
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.365,83	28,51
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.544,59	28,79
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	88,44	1,65
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,12	0,34
2.4	Đất quốc phòng	CQP	44,50	0,83
2.5	Đất an ninh	CAN	1,99	0,04
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	146,99	2,74
2.6.1	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>20,12</i>	<i>0,38</i>
2.6.2	<i>Đất xây dựng cơ sở xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>2,15</i>	<i>0,04</i>
2.6.3	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>8,53</i>	<i>0,16</i>
2.6.4	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>86,34</i>	<i>1,61</i>
2.6.5	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>29,73</i>	<i>0,55</i>
2.6.6	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
2.6.7	<i>Đất xây dựng cơ sở môi trường</i>	<i>DMT</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
2.6.8	<i>Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn</i>	<i>DKT</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
2.6.9	<i>Đất xây dựng cơ sở ngoại giao</i>	<i>DNG</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
2.6.10	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	<i>DSK</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	113,77	2,12
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	13,22	0,25
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	0,00	0,00
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,11	0,04
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	54,08	1,01
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	44,36	0,83
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.640,78	49,21
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.872,34	34,89
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	740,74	13,80
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC		
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,29	0,04
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	9,20	0,17
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	3,84	0,07
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,86	0,02
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	10,13	0,19
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,37	0,03
2.9	Đất tôn giáo	TON	52,86	0,99
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	58,48	1,09
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	182,03	3,39
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	467,18	8,71
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	19,26	0,36
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	447,92	8,35
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,08	0,11
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	38,17	0,20
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	38,17	100,00
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS		
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		

Tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện năm 2024 là 18.823,83 ha. Diện tích không thay đổi so với năm 2023, cụ thể từng loại đất như sau:

a. Nhóm đất nông nghiệp:

Tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp có 13.419,84 ha, chiếm 71,29% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện trong đó:

- Đất trồng lúa có 9.742,10 ha chiếm 72,59% so với tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện. Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa có 7.807,26 ha, chiếm 58,18% so với tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện.

+ Đất trồng lúa còn lại có 1.934,84 ha, chiếm 14,42% so với tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện.

- Đất trồng cây hàng năm khác có 488,47 ha, chiếm 3,64% so với tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện.

- Đất trồng cây lâu năm có 418,96 ha, chiếm 3,12% so với tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện.

- Đất nuôi trồng thủy sản có 2.631,32 ha, chiếm 19,61% tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện.

- Đất nông nghiệp khác có 138,99 ha, chiếm 1,04% tổng diện tích đất nông nghiệp toàn huyện.

b. Nhóm đất phi nông nghiệp:

Tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp có 5.365,83 ha chiếm 28,51% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó:

- Đất ở tại nông thôn có 1.544,59 ha, chiếm 28,79% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất ở tại đô thị có 88,44 ha, chiếm 1,65% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan có 18,12 ha, chiếm 0,34% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất quốc phòng có 44,50 ha, chiếm 0,83% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất an ninh có 1,99 ha, chiếm 0,04% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp có 146,99 ha, chiếm 2,74% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện. Trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa có 20,12 ha, chiếm 0,38% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội có 2,15 ha, chiếm 0,04% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất xây dựng cơ sở y tế có 8,53 ha, chiếm 0,16% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có 86,34 ha, chiếm 1,61% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao có 29,73 ha, chiếm 0,55% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác có 0,13 ha.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp có 113,77 ha, chiếm 2,12% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện. Trong đó:

+ Đất cụm công nghiệp có 13,22 ha, chiếm 0,25% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất thương mại, dịch vụ có 2,11 ha, chiếm 0,04% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 54,08 ha, chiếm 1,01% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản có 44,36 ha, chiếm 0,83% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng có 2.640,78 ha, chiếm 49,21% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện. Trong đó:

+ Đất công trình giao thông có 1.872,34 ha, chiếm 34,89% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất công trình thủy lợi có 740,74 ha, chiếm 13,80% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh có 2,29 ha, chiếm 0,04% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất công trình xử lý chất thải có 9,20 ha, chiếm 0,17% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng có 3,84 ha, chiếm 0,07% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin có 0,86 ha, chiếm 0,02% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối có 10,13 ha, chiếm 0,19% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng có 1,37 ha, chiếm 0,03% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất tôn giáo có 52,86 ha, chiếm 0,99% so với tổng diện tích đất phi

nông nghiệp toàn huyện.

- Đất tín ngưỡng có 58,48 ha, chiếm 1,09% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng có 182,03 ha, chiếm 3,39% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện.

- Đất có mặt nước chuyên dùng có 467,18 ha, chiếm 8,71% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện. Trong đó:

- + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá có 19,26 ha, chiếm 0,36% so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện;

- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối có 447,92 ha, chiếm 8,35 % so với tổng diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện.

c. Nhóm đất chưa sử dụng:

Tổng diện tích nhóm đất chưa sử dụng (toàn bộ là đất bằng chưa sử dụng) có 38,17 ha, chiếm 0,20% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

Thực hiện Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của HĐND Thành phố thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2024 thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ứng Hòa, Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024, Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ứng Hòa.

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đạt được những kết quả nhất định, giúp cho việc quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện đi vào nề nếp và phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm qua, cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện (Theo danh mục công trình dự án đã được UBND thành phố phê duyệt)

Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong năm 2024 thực hiện 145 công trình, dự án với tổng diện tích 724,63 ha. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau:

- Công trình dự án đã thực hiện xong thủ tục thu hồi đất năm 2024 là: 6/145 dự án (tỷ lệ 4,14%); diện tích 13,25 ha/724,63 ha (tỷ lệ 1,83%). Cụ thể những công trình sau:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
1	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 1 thôn Từ Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,40	Xã Cao thành
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất LK01 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1,51	Thị trấn Vân Đình
3	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,67	Thị trấn Vân Đình
4	Cụm công nghiệp Xà Cầu - Giai đoạn 2	7,92	Xã Quảng Phú Cầu
5	Trường mầm non trung tâm xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,60	Xã Trường Thịnh
6	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Yên Trường, xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,15	Xã Trường Thịnh

- Công trình dự án đã thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng và đề nghị chuyển tiếp để thực hiện thủ tục giao đất là 30/145 dự án (tỷ lệ 20,69%) với diện tích 29,59 ha/724,63 ha (tỷ lệ 4,08%). Cụ thể như sau:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
1	Xây mới trường tiểu học Phương Tú	0,95	Xã Phương Tú
2	Trường mầm non trung tâm xã Viên An	0,95	Xã Viên An
3	Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,95	Xã Đông Lỗ
4	Xây dựng trường tiểu học Minh Đức đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,41	Xã Minh Đức
5	Trường tiểu học xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	1,28	Xã Hòa Nam
6	Trường mầm non Trung Tú	1,00	Xã Trung Tú
7	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía Nam thủ đô Hà Nội	4,50	Xã Trầm Lộng, xã Đại Cường
8	Nâng cấp mở rộng đường Cần Thơ - Xuân Quang đi Đông Lỗ (giai đoạn 3), huyện Ứng Hòa	2,00	Xã Đông Lỗ
9	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất BT02 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2,00	Thị trấn Vân Đình
10	Trụ sở CAX Đại Cường	0,10	Xã Đại Cường
11	Trụ sở CAX Đội Bình	0,10	Xã Đội Bình
12	Trụ sở CAX Lưu Hoàng	0,10	Xã Lưu Hoàng
13	Trụ sở CAX Quảng Phú Cầu	0,10	Xã Quảng Phú Cầu
14	Trụ sở CAX Trầm Lộng	0,10	Xã Trầm Lộng
15	Trụ sở CAX Trung Tú	0,10	Xã Trung Tú
16	Trụ sở CAX Vạn Thái	0,10	Xã Vạn Thái
17	Trụ sở CAX Đồng Tiến	0,10	Xã Đồng Tiến
18	Trụ sở CAX Viên Nội	0,10	Xã Viên Nội
19	Trụ sở CAX Minh Đức	0,10	Xã Minh Đức
20	Trụ sở CAX Trường Thịnh	0,18	Xã Trường Thịnh
21	Trụ sở CAX Tảo Dương Văn	0,10	Xã Tảo Dương

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
			Văn
22	Trường mầm non tập trung Đội Bình	0,89	Xã Đội Bình
23	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá khu ao xóm 1, thôn Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,39	Xã Quảng Phú Cầu
24	Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng (Giai đoạn 2)	0,50	Xã Lưu Hoàng
25	Xây dựng mới Trường THCS thị trấn Văn Đình đạt chuẩn, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,35	Thị trấn Văn Đình
26	Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	1,54	Xã Quảng Phú Cầu
27	Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	0,20	Xã Cao Thành
28	Xây mới Nhà văn hóa thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,35	Xã Hòa Phú
29	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	7,20	Các xã: TT. Văn Đình, Liên Bạt, Trường Thịnh, Sơn Công
30	Đầu tư xây dựng HTKT khu đấu giá khu Sông Mới, xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa	1,85	Xã Hòa Xá

- Công trình dự án đang thực hiện và đề nghị chuyển tiếp là 50/145 dự án (tỷ lệ 34,48%) với diện tích 265,42 ha/724,63 ha (tỷ lệ 36,63%). Cụ thể như sau:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
1	Xây dựng, cải tạo trường THPT Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,00	Thị trấn Văn Đình
2	Trường mầm non Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,95	Xã Minh Đức
3	Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,20	Xã Viên Nội
4	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585 - Km14+885(tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ cầu Quảng Tái xã Trung Tú đến vồng Thần xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	3,37	Xã Trung Tú, Đồng Tân xã Minh Đức
5	Đường giao thông liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngổ Xá lên đê tả Đáy thôn Ngổ Xá, thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Giai đoạn 2)	1,50	Thị trấn Văn Đình
6	Nâng cấp mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía Nam huyện Ứng Hòa (Cần Thơ - Xuân Quang), GD1	15,20	Thị trấn Văn Đình, Tảo Dương Văn, Hòa Lâm, Đội Bình, Đại Hùng
7	Nâng cấp cải tạo TL 429C đoạn từ cầu Bầu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	8,40	Xã Quảng Phú Cầu, Liên Bạt, Thị trấn Văn Đình
8	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 - Km6+585 (tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B thị trấn Văn	3,37	Thị trấn Văn Đình, xã Phương Tú, Trung

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
	Đình đền cầu Quảng Tái xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa		Tú
9	Đường giao thông liên xã từ QL 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	5,10	Xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú
10	Đường trục kinh tế phía nam Thành phố Hà Nội đi Quốc lộ 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2,00	Xã Đại Cường, xã Đại Hùng
11	Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1,25	Xã Phù Lưu, xã Lưu Hoàng
12	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Hòa Lâm-Trung Tú (từ đường Cẩn Thơ-Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên)	2,31	Xã Hòa Lâm, xã Trung Tú
13	Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi Trục kinh tế phía Nam huyện Ứng Hòa	2,20	Xã Đại Cường
14	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Vân Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	13,49	Thị trấn Vân Đình, xã Vạn Thái, xã Hòa Xá, xã Hòa Nam
15	Đường nối từ TL429A đến TL429B huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	6,60	Viên An, Viên Nội, Cao Thành
16	Xây dựng đường tỉnh lộ 429B kéo dài về phía Tây (đoạn từ quốc lộ 21B đến đê tả Đáy) huyện Ứng Hòa	12,24	Các xã: Quảng Phú Cầu, Hoa Sơn, Trường Thịnh, Cao Thành, Sơn Công
17	Đường I2-14B liên xã Minh Đức-Trầm Lộng (điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức-Ngãm), huyện Ứng Hòa	1,10	Các xã Trầm Lộng, Minh Đức
18	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quán Xá đến Thái Bằng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	17,32	Các xã: Đồng Tân, Trầm Lộng, Hòa Lâm, Phù Lưu
19	Đường Đỗ Xá-Quan Sơn (từ quốc lộ 21B đến Đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa bàn huyện Ứng Hòa	15,00	Các xã: Trung Tú, Phương Tú, Tảo Dương Văn, Vạn Thái
20	Đường tránh quốc lộ 21B huyện Ứng Hòa	25,40	TT Vân Đình và các xã: Liên Bạt, Phương Tú, Tảo Dương Văn, Vạn Thái
21	Xử lý khắc phục tình trạng sạt lở mái thượng, hạ lưu đê tả Đáy trên địa bàn các xã Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Lưu Hoàng, Đội Bình, huyện Ứng Hòa	5,66	Các xã: Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Lưu Hoàng, Đội Bình
22	Xây dựng nhà Đa năng, nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,60	Xã Đồng Tiến
23	Xây dựng mới trường mầm non thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	0,82	Xã Vạn Thái
24	Trụ sở Ban CHQS xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,13	Xã Đại Hùng

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
25	Trụ sở Ban CHQS xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,11	Xã Minh Đức
26	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Trường Thịnh
27	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Xã Hòa Lâm
28	Trụ sở Ban CHQS xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Xã Hoa Sơn
29	Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Hòa Phú
30	Trụ sở Ban CHQS xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Đông Lỗ
31	Trụ sở Ban CHQS xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Xã Phù Lưu
32	Cải tạo, nâng cấp kiên cố hệ thống kênh I2-VĐ7, I2-10-10 kết hợp làm đường giao thông, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	2,25	Các xã Phượng Tú, Trung Tú, Đồng Tân, Minh Đức
33	Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B từ cầu Xà Kiêu xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	19,30	Xã Quảng Phú Cầu, Trường Thịnh, Liên Bạt,
34	Xây dựng trường mầm non Đại Cường đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,33	Xã Đại Cường
35	Xây dựng trường tiểu học Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	0,25	Xã Đại Cường
36	Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư tại huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính (Đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa.	0,90	Xã Trầm Lộng
37	Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư trên địa bàn huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB (Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiêu, xã Quảng Phú Cầu đến cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt) và Dự án Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ Quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa.	2,90	Xã Quảng Phú Cầu
38	Xây dựng HTKT khu 1 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,96	Thị trấn Vân Đình
39	Xây dựng HTKT khu 2 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	2,03	Thị trấn Vân Đình
40	Xây dựng HTKT khu 3 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	2,16	Thị trấn Vân Đình
41	Xây dựng HTKT khu đấu giá khu Rau Xanh Vườn Kẹ thôn Nội Xá	3,35	Xã Vạn Thái

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
42	Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất khu xứ Đồng Độc Đình, thôn Vũ Ngoại, xã Liên Bạt	1,97	Xã Liên Bạt
43	Xây dựng HTKT khu dân cư mới tại khu đồng Trước Dưới, thôn Đồng Đình, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,68	Xã Đại Cường
44	Xây dựng HTKT khu đất ở mới và tái định cư thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,27	Thị trấn Vân Đình
45	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 2 thôn Từ Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,30	Xã Cao thành
46	Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây (cũ) đoạn từ Km19+900-Km41+500 qua địa bàn huyện Ứng Hòa	73,40	Xã Trung Tú; Phương Tú; Hòa Lâm; Trầm Lộng; Đại Hùng; Đại Cường; Kim Đường; Đông Lỗ
47	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Vân Đình đi trạm biến áp 110KV Tía	0,27	TT. Vân Đình và các xã: Liên Bạt, Phương Tú
48	Xây dựng mới trạm biến áp 110KV Khu Cháy và nhánh rẽ	0,91	Các xã Tảo Dương Văn, Phương Tú huyện Ứng Hòa
49	Trường mầm non trung tâm xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,97	Xã Hồng Quang
50	Trường Tiểu học thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,15	TT. Vân Đình

- Công trình, dự án chưa thực hiện đề nghị chuyển tiếp là 43/145 dự án (tỷ lệ 29,66%) với diện tích là 399,58 ha/724,63 ha (tỷ lệ 55,14%). Cụ thể như sau:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
1	Xây mới trụ sở UBND xã Đồng Tân	0,72	Xã Đồng Tân
2	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích chùa Hương, huyện Ứng Hòa	3,50	Các xã: Lưu Hoàng, Hồng Quang
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái – Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	1,50	Xã Vạn Thái, Hòa Nam
4	Nâng cấp, mở rộng đường Minh Đức - Ngãm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	7,70	Minh Đức, Kim Đường, Đại Cường
5	Đường giao thông liên xã từ Minh Đức đi Kim Đường, Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Điểm đầu TL 428 tại thôn Thần, xã Minh Đức, Điểm cuối thôn Nhân Trai, xã Đông Lỗ)	3,33	Minh Đức, Kim Đường, Đông Lỗ
6	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa giai đoạn 2	2,60	Thị trấn Vân Đình
7	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá xã Viên An huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai	8,47	Xã Viên An
8	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa	7,37	Xã Quảng Phú Cầu

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
9	Xây dựng Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	0,22	xã Lưu Hoàng
10	Trụ sở Ban CHQS xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,12	Xã Liên Bạt
11	Trụ sở Ban CHQS xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,20	Xã Tảo Dương Văn
12	Trụ sở Ban CHQS xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Xã Kim Đường
13	Trụ sở Ban CHQS xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Đồng Tân
14	Trụ sở Ban CHQS xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Phương Tú
15	Trụ sở Ban CHQS xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,12	Xã Quảng Phú Cầu
16	Trụ sở Ban CHQS thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Thị trấn Vân Đình
17	Xây dựng trụ sở Viện KSND huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,30	Thị trấn Vân Đình
18	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình -Ba Sao - Bãi Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn-Tam Trúc) huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa (Đường nối từ đường kinh tế phía nam đi Ba Sao - Bãi Đính).	26,51	Xã Đội Bình, Trầm Lộng, Đại Hùng, Hồng Quang, Lưu Hoàng
19	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Đức đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2	0,45	Xã Minh Đức
20	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Kim Đường	0,10	Xã Kim Đường
21	Xây dựng trường THCS Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	0,15	Xã Đại Cường
22	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu A thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	4,65	Xã Hòa Lâm
23	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu đồng Hội Cao, thôn Giang Làng, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,50	Xã Đồng Tiến
24	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu B thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	4,45	Xã Hòa Lâm
25	Xây dựng HTKT khu đất ở mới khu C thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	4,41	Xã Hòa Lâm
26	Xây dựng HTKT khu đất ở mới khu D thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	4,41	Xã Hòa Lâm
27	Xây dựng HTKT khu đất ở mới thôn Văn Cao xã Tảo Dương Văn	0,45	Xã Tảo Dương Văn
28	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Ứng Hòa	2,00	Thị trấn Vân Đình
29	Trụ sở CAX Phương Tú	0,11	Xã Phương Tú
30	Trụ sở CAX Đồng Tân	0,10	Xã Đồng Tân

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
31	Xây dựng cửa hàng xăng dầu kết hợp Dịch vụ hỗ trợ đường bộ tại Đồng Vôi, thôn Kim Bông, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa	0,50	Xã Kim Đường
32	Trụ sở CAX Cao Thành	0,10	Xã Cao Thành
33	Trụ sở CAX Hoa Sơn	0,10	Xã Hoa Sơn
34	Trụ sở CAX Đông Lỗ	0,10	Xã Đông Lỗ
35	Trụ sở CAX Phù Lưu	0,17	Xã Phù Lưu
36	Xây dựng trụ sở công an xã Hòa Lâm	0,10	Xã Hòa Lâm
37	Cho thuê đất nông nghiệp do UBND các xã thị trấn quản lý và sử dụng (đất công ích) trên địa bàn huyện Ứng Hòa	291,87	Xã Đồng Tân, Hòa Nam, Kim Đường, Hòa Phú, Phương Tú, Trung Tú, Phù Lưu, Trầm Lộng, Lưu Hoàng, Liên Bạt, Đội Bình
38	Xây dựng trường THCS Viên An, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,38	Xã Viên An
39	Nâng cấp, cải tạo Trường THCS Trường Thịnh đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,45	Xã Trường Thịnh
40	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Phù Yên, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,60	Xã Viên An
41	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Trạch Bái, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,17	Xã Hòa Lâm
42	Đầu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại khu 1 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	11,20	TT. Vân Đình
43	Đầu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại khu 2 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	6,90	TT. Vân Đình

- Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 16/145 dự án (tỷ lệ 11,03%) với diện tích 16,79 ha/724,63 ha (tỷ lệ 2,32%). Cụ thể như sau:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
1	Xây dựng mới chợ Hòa Lâm	1,00	Xã Hòa Lâm
2	Đường trục nội đồng thôn Đông Dương, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa (từ cổng làng Đông Dương đi trạm bơm Phúc Quan, Hòa Lâm), huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,46	Xã Tảo Dương Văn, xã Hòa Lâm
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Tảo Dương Văn, Phương Tú, Trung Tú từ đường Cấn Thơ-Xuân Quang ra tỉnh lộ 428, huyện Ứng Hòa	2,40	Các xã Tảo Dương Văn, Phương Tú, Trung Tú
4	Đường kết hợp rãnh thoát nước khu dân cư thôn Văn Cao-Giai đoạn 2, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa	0,20	Xã Tảo Dương Văn

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn
	Hòa, thành phố Hà Nội		
5	Đường GTLX thị trấn Vân Đình đi Liên Bạt đi Tỉnh lộ 429A Quảng Phú Cầu huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,20	TT Vân Đình, Liên Bạt, Quảng Phú Cầu
6	Cứng hóa kênh mương thủy lợi kết hợp đường giao thông từ Góc Đề thôn Nội Xá, xã Vạn Thái đi cầu Đồng Long, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	4,70	Xã Vạn Thái, Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa
7	Trụ sở Ban CHQS xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,11	Xã Sơn Công
8	Trụ sở Ban CHQS xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Xã Đội Bình
9	Trụ sở Ban CHQS xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Vạn Thái
10	Xây dựng mới trường mầm non Quảng Phú Cầu – điểm trường thôn Xà Cầu đạt chuẩn quốc gia – mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.	1,00	Xã Quảng Phú Cầu
11	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu Dộc Văn Chỉ, thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,90	Xã Hòa Phú
12	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá khu Rọc Bạ, thôn Phú Lương Thượng, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,37	Xã Quảng Phú Cầu
13	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá khu sau làng thôn Nam Dương, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,92	Xã Hòa Nam
14	Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn 08 xã, huyện Ứng Hòa	1,09	Xã Minh Đức, Liên Bạt, Tảo Dương Văn, Hòa Phú, Trường Thịnh, Phù Lưu, Đại Cường, Hòa Lâm
15	Diện tích đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân bị giao thiếu ruộng theo ND 64 hoặc văn bản giải quyết của cơ quan có thẩm quyền	1,08	UBND xã Viên Nội
16	Nhà văn hóa thôn Cáp Hoàng	0,11	Xã Lưu Hoàng

- Diện tích đất nông nghiệp theo chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 13.013,00 ha, kết quả thực hiện là 13.419,84 ha, cao hơn 406,84 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Diện tích đất phi nông nghiệp theo chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 5.772,64 ha, kết quả thực hiện là 5.365,83 ha, thấp hơn 406,81 ha so với chỉ tiêu, đạt 92,95%.

- Diện tích đất chưa sử dụng theo kế hoạch được duyệt là 38,19 ha, kết quả thực hiện 38,17 ha, vượt 0,02 ha so với kế hoạch được duyệt.

Nguyên nhân kết quả thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được

duyet là do một số dự án có diện tích thu hồi lớn được phê duyệt, công tác giải phóng mặt bằng kéo dài trong nhiều năm và một số dự án chưa bố trí được nguồn vốn để thực hiện.

2. Kết quả thực hiện dự án thu hồi đất năm 2024 huyện

Danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 29 tháng 03 năm 2024 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2024 là 120 công trình, dự án với tổng diện tích thu hồi là 412,41 ha. Kết quả thực hiện các dự án thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau:

- Công trình, dự án đã thực hiện và dự kiến thực hiện đến 31/12/2024 trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 05/120 dự án (đạt tỷ lệ 4,17%); diện tích 5,33 ha/412,41 ha (đạt tỷ lệ 1,29%). Cụ thể công trình sau:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
1	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,67	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất LK01 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1,51	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
3	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 1 thôn Tử Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,40	Xã Cao thành	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
4	Trường mầm non trung tâm xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,60	Xã Trường Thịnh	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
5	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Yên Trường, xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,15	Xã Trường Thịnh	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023

- Công trình dự án đã thực hiện xong GPMB và đề nghị chuyển tiếp để thực hiện thủ tục giao đất là 18/120 dự án (tỷ lệ 15,00%) với diện tích 26,91 ha/412,41 ha (tỷ lệ 6,53%). Cụ thể như sau:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
1	Xây mới trường tiểu học Phương Tú	0,95	Xã Phương Tú	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
2	Trường mầm non trung tâm xã Viên An	0,95	Xã Viên An	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
3	Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,95	Xã Đông Lỗ	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
4	Xây dựng trường tiểu học Minh Đức đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,41	Xã Minh Đức	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
5	Trường tiểu học xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	1,28	Xã Hòa Nam	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
6	Trường mầm non Trung Tú	1,00	Xã Trung Tú	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
7	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía Nam thủ đô Hà Nội	4,50	Xã Trầm Lộng, xã Đại Cường	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
8	Nâng cấp mở rộng đường Cần Thơ - Xuân Quang đi Đông Lỗ (giai đoạn 3), huyện Ứng Hòa	0,60	Xã Đông Lỗ	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
9	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất BT02 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2,00	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
10	Trường mầm non tập trung Đội Bình	0,89	Xã Đội Bình	NQ số 05/NQ-HĐND ngày 29/3/2024
11	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá khu ao xóm 1, thôn Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,39	Xã Quảng Phú Cầu	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
12	Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng (Giai đoạn 2)	0,50	Xã Lưu Hoàng	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
13	Xây dựng mới Trường THCS thị trấn Vân Đình đạt chuẩn, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,35	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
14	Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	1,54	Xã Quảng Phú Cầu	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
15	Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	0,20	Xã Cao Thành	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
16	Xây mới Nhà văn hóa thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,35	Xã Hòa Phú	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
17	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	7,20	Các xã: TT. Vân Đình, Liên Bát, Trường Thịnh, Sơn Công	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
18	Đầu tư xây dựng HTKT khu đấu giá khu Sông Mới, xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa	1,85	Xã Hòa Xá	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023

- Công trình, dự án đang triển khai thực hiện và đề nghị chuyển tiếp là 48/120 dự án (tỷ lệ 40,00%) với diện tích 259,16 ha/412,41 ha (tỷ lệ 62,84%).
Cụ thể như sau:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
1	Xây dựng, cải tạo trường THPT Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,00	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
2	Trường mầm non Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,95	Xã Minh Đức	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
3	Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,20	Xã Viên Nội	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
4	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585 - Km14+885(tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ cầu Quảng Tái xã Trung Tú đến vòng Thân xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	3,37	Xã Trung Tú, Đồng Tân xã Minh Đức	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
5	Đường giao thông liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngổ Xá lên đê tả Đáy thôn Ngổ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Gia đoạn 2)	1,50	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
6	Nâng cấp mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía Nam huyện Ứng Hòa (Cần Thơ - Xuân Quang), GD1	15,20	Thị trấn Vân Đình, Tảo Dương Văn, Hòa Lâm, Đội Bình, Đại Hùng	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
7	Nâng cấp cải tạo TL 429C đoạn từ cầu Bầu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	8,40	Xã Quảng Phú Cầu, Liên Bạt, Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
8	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 - Km6+585 (tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B thị trấn Vân Đình đến cầu Quảng Tái xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa	3,37	Thị trấn Vân Đình, xã Phương Tú, Trung Tú	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
9	Đường giao thông liên xã từ QL 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	5,10	Xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
10	Đường trục kinh tế phía nam Thành phố Hà Nội đi Quốc lộ 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	2,00	Xã Đại Cường, xã Đại Hùng	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
11	Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	1,25	Xã Phù Lưu, xã Lưu Hoàng	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
12	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông	2,31	Xã Hòa Lâm,	NQ số 34/NQ-

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
	liên xã Hòa Lâm-Trung Tú (từ đường Cần Thơ-Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên)		xã Trung Tú	HĐND ngày 06/12/2023
13	Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi Trục kinh tế phía Nam huyện Ứng Hòa	2,20	Xã Đại Cường	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
14	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Vân Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	13,49	Thị trấn Vân Đình, xã Vạn Thái, xã Hòa Xá, xã Hòa Nam	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
15	Đường nối từ TL429A đến TL429B huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	6,60	Viên An, Viên Nội, Cao Thành	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
16	Xây dựng đường tỉnh lộ 429B kéo dài về phía Tây (đoạn từ quốc lộ 21B đến đê tả Đáy) huyện Ứng Hòa	12,24	Các xã: Quảng Phú Cầu, Hoa Sơn, Trường Thịnh, Cao Thành, Sơn Công	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
17	Đường I2-14B liên xã Minh Đức-Trầm Lộng (điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức-Ngãm), huyện Ứng Hòa	1,10	Các xã Trầm Lộng, Minh Đức	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
18	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quán Xá đến Thái Bằng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	17,32	Các xã: Đồng Tân, Trầm Lộng, Hòa Lâm, Phù Lưu	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
19	Đường Đỗ Xá-Quan Sơn (từ quốc lộ 21B đến Đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa bàn huyện Ứng Hòa	15,00	Các xã: Trung Tú, Phương Tú, Tảo Dương Văn, Vạn Thái	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
20	Đường tránh quốc lộ 21B huyện Ứng Hòa	25,40	TT Vân Đình và các xã: Liên Bạt, Phương Tú, Tảo Dương Văn, Vạn Thái	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
21	Xây dựng mới trường mầm non thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	0,82	Xã Vạn Thái	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
22	Trụ sở Ban CHQS xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,13	Xã Đại Hùng	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
23	Trụ sở Ban CHQS xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,11	Xã Minh Đức	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
24	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Trường Thịnh	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
25	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Xã Hòa Lâm	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
26	Trụ sở Ban CHQS xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Xã Hoa Sơn	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
27	Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Hòa Phú	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
28	Trụ sở Ban CHQS xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Đông Lỗ	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
29	Trụ sở Ban CHQS xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Xã Phù Lưu	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 6/12/2023
30	Cải tạo, nâng cấp kiên cố hệ thống kênh I2-VĐ7, I2-10-10 kết hợp làm đường giao thông, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	2,25	Các xã: Phương Tú, Trung Tú, Đồng Tân, Minh Đức	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
31	Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B từ cầu Xà Kiêu xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	19,30	Xã Quảng Phú Cầu, Trường Thịnh, Liên Bạt,	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
32	Xây dựng trường mầm non Đại Cường đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,33	Xã Đại Cường	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
33	Xây dựng trường tiểu học Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	0,25	Xã Đại Cường	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
34	Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư tại huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình (Đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hoà.	0,90	Trầm Lộng	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
35	Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư trên địa bàn huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB 75 hộ (Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xà Kiêu, xã Quảng Phú Cầu đến cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt) và Dự án Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ Quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa.	2,90	Quảng Phú Cầu	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
36	Xây dựng HTKT khu 1 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,96	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
37	Xây dựng HTKT khu 2 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	2,03	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
38	Xây dựng HTKT khu 3 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	2,16	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
39	Xây dựng HTKT khu đấu giá khu Rau Xanh Vườn Kẹ thôn Nội Xá	3,35	Xã Vạn Thái	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
40	Xây dựng HTKT đấu giá quyền sử dụng đất khu xứ Đồng Độc Đình, thôn Vũ Ngoại, xã Liên Bạt	1,97	Xã Liên Bạt	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
41	Xây dựng HTKT khu dân cư mới tại khu đồng Trước Dưới, thôn Đông Đình, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,68	Xã Đại Cường	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
42	Xây dựng HTKT khu đất ở mới và tái định cư thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,27	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
43	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 2 thôn Tử Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,30	Xã Cao thành	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
44	Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây (cũ) đoạn từ Km19+900-Km41+500 qua địa bàn huyện Ứng Hòa	73,40	Xã Trung Tú; Phương Tú; Hòa Lâm; Trầm Lộng; Đại Hùng; Đại Cường; Kim Đường; Đông Lỗ	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
45	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Vân Đình đi trạm biến áp 110KV Tía	0,27	TT. Vân Đình và các xã: Liên Bạt, Phương Tú	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
46	Xây dựng mới trạm biến áp 110KV Khu Cháy và nhánh rẽ	0,914	Các xã Tảo Dương Văn, Phương Tú huyện Ứng Hòa	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
47	Trường mầm non trung tâm xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,97	Xã Hồng Quang	NQ số 05/NQ-HĐND ngày 29/3/2024
48	Trường Tiểu học thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,15	TT. Vân Đình	NQ số 05/NQ-HĐND ngày 29/3/2024

- Công trình, dự án chưa triển khai thực hiện và đề nghị chuyển tiếp là 35/120 dự án (tỷ lệ 29,17%) với diện tích là 106,39 ha/412,41 ha (tỷ lệ 25,80%).
Cụ thể như sau:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
1	Xây mới trụ sở UBND xã Đông Tân	0,72	Xã Đông Tân	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
2	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích chùa Hương, huyện Ứng Hòa	3,50	Các xã: Lưu Hoàng, Hồng Quang	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái – Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	1,50	Xã Vạn Thái, Hòa Nam	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
4	Nâng cấp, mở rộng đường Minh Đức - Ngắm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	7,70	Minh Đức, Kim Đường, Đại Cường	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
5	Đường giao thông liên xã từ Minh Đức đi Kim Đường, Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Điểm đầu TL 428 tại thôn Thần, xã Minh Đức, Điểm cuối thôn Nhân Trai, xã Đông Lỗ)	3,33	Minh Đức, Kim Đường, Đông Lỗ	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
6	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa giai đoạn 2	2,60	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
7	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá xã Viên An huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai	8,47	Xã Viên An	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
8	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa	7,37	Xã Quảng Phú Cầu	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
9	Xử lý khắc phục tình trạng sạt lở mái thượng, hạ lưu đê tả Đáy trên địa bàn các xã Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Lưu Hoàng, Đội Bình, huyện Ứng Hòa	1,36	Các xã Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Lưu Hoàng, Đội Bình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
10	Xây dựng Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	0,22	xã Lưu Hoàng	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
11	Xây dựng nhà Đa năng, nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,60	Xã Đồng Tiến	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
12	Trụ sở Ban CHQS xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,12	Xã Liên Bạt	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
13	Trụ sở Ban CHQS xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,20	Xã Tảo Dương Văn	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
				06/12/2023
14	Trụ sở Ban CHQS xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Xã Kim Đường	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
15	Trụ sở Ban CHQS xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Đồng Tân	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
16	Trụ sở Ban CHQS xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Phương Tú	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
17	Trụ sở Ban CHQS xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,12	Xã Quảng Phú Cầu	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
18	Trụ sở Ban CHQS thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
19	Xây dựng trụ sở Viện KSND huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,30	Thị trấn Vân Đình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
20	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình -Ba Sao - Bãi Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn-Tam Trúc) huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa (Đường nối từ đường kinh tế phía nam đi Ba Sao - Bãi Đính).	26,51	Xã Đội Bình, Trầm Lộng, Đại Hùng, Hồng Quang, Lưu Hoàng	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
21	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Đức đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2	0,45	Xã Minh Đức	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
22	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Kim Đường	0,10	Xã Kim Đường	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
23	Xây dựng trường THCS Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	0,15	Xã Đại Cường	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
24	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu A thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	4,65	Xã Hòa Lâm	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
25	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu đồng Hội Cao, thôn Giang Làng, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,50	Xã Đồng Tiến	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
26	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu B thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	4,45	Xã Hòa Lâm	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
27	Xây dựng HTKT khu đất ở mới khu C thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	4,41	Xã Hòa Lâm	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
28	Xây dựng HTKT khu đất ở mới khu D thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng	4,41	Xã Hòa Lâm	NQ số 34/NQ-HĐND ngày

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
	Hòa, TP Hà Nội			06/12/2023
29	Xây dựng HTKT khu đất ở mới thôn Văn Cao xã Tảo Dương Văn	0,45	Xã Tảo Dương Văn	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
30	Xây dựng trường THCS Viên An, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,38	Xã Viên An	NQ số 05/NQ-HĐND ngày 29/3/2024
31	Nâng cấp, cải tạo Trường THCS Trường Thịnh đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,45	Xã Trường Thịnh	NQ số 05/NQ-HĐND ngày 29/3/2024
32	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Phù Yên, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,60	Ban QLDA ĐTXD huyện	NQ số 05/NQ-HĐND ngày 29/3/2024
33	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Trạch Bái, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,17	Xã Hòa Lâm	NQ số 20/NQ-HĐND ngày 02/7/2024
34	Đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại khu 1 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	11,20	TT. Vân Đình	NQ số 20/NQ-HĐND ngày 02/7/2024
35	Đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại khu 2 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	6,90	TT. Vân Đình	NQ số 20/NQ-HĐND ngày 02/7/2024

- Các công trình, dự án chưa triển khai thực hiện đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 14/120 dự án (tỷ lệ 11,67%) với diện tích 14,62 ha/412,41 ha (tỷ lệ 3,55%). Cụ thể như sau:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
1	Xây dựng mới chợ Hòa Lâm	1,00	Xã Hòa Lâm	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
2	Đường trục nội đồng thôn Đông Dương, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa (từ cổng làng Đông Dương đi trạm bơm Phúc Quan, Hòa Lâm), huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,46	Xã Tảo Dương Văn, xã Hòa Lâm	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Tảo Dương Văn, Phương Tú, Trung Tú từ đường Cần Thơ-Xuân Quang ra tỉnh lộ 428, huyện Ứng Hòa	2,40	Các xã Tảo Dương Văn, Phương Tú, Trung Tú	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
4	Đường kết hợp rãnh thoát nước khu dân cư thôn Văn Cao-Giai đoạn 2, xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,20	Xã Tảo Dương Văn	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Ghi chú Nghị Quyết
5	Đường GTLX thị trấn Vân Đình đi Liên Bạt đi Tỉnh lộ 429A Quảng Phú Cầu huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,20	TT Vân Đình, Liên Bạt, Quảng Phú Cầu	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
6	Cứng hóa kênh mương thủy lợi kết hợp đường giao thông từ Gốc Đề thôn Nội Xá, xã Vạn Thái đi cầu Đồng Long, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	4,70	Xã Vạn Thái, Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
7	Trụ sở Ban CHQS xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,11	Xã Sơn Công	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
8	Trụ sở Ban CHQS xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,10	Xã Đội Bình	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
9	Trụ sở Ban CHQS xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	0,15	Xã Vạn Thái	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
10	Xây dựng mới trường mầm non Quảng Phú Cầu – điểm trường thôn Xà Cầu đạt chuẩn quốc gia – mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.	1,00	Xã Quảng Phú Cầu	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
11	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu Dộc Văn Chỉ, thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,90	Xã Hòa Phú	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
12	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá khu Rọc Bạ, thôn Phú Lương Thượng, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,37	Xã Quảng Phú Cầu	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
13	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá khu sau làng thôn Nam Dương, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	0,92	Xã Hòa Nam	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023
14	Nhà văn hóa thôn Cáp Hoàng	0,11	Xã Lưu Hoàng	NQ số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023

III. HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TRONG VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

1. Hiệu quả kinh tế

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã bố trí sắp xếp và chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện và sự chi phối chung của kinh tế trong huyện. Đồng thời cũng thể hiện rõ quan điểm khai thác và sử dụng đất một cách hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả và đảm bảo vững trắc an ninh lương thực và bảo vệ môi trường. Hạn chế việc chuyển đất lúa nước sang mục đích

khác, bố trí quỹ đất tạo nguồn thu cho ngân sách, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Hiệu quả xã hội

Đáp ứng nhu cầu đất ở, xây dựng các khu dân cư mới; đảm bảo đủ đất sản xuất; bố trí quỹ đất cho phát triển hạ tầng, kỹ thuật, phát triển mạnh đất sản xuất kinh doanh và đất có mục đích công cộng nên vấn đề việc làm của nhân dân được giải quyết, tạo việc làm cho người lao động trong khu du lịch, dịch vụ, kinh doanh thương mại. Hạn chế tình trạng tranh chấp đất đai đảm bảo an ninh lương thực góp phần ổn định trật tự xã hội trên địa bàn.

3. Hiệu quả về môi trường

Bố trí quỹ đất cho việc thực hiện các dự án, các công trình phúc lợi, cơ sở hạ tầng, xử lý rác thải giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

IV. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Công tác dự báo chưa xác định được tính khả thi của các hạng mục công trình:

- Tiến độ thực hiện các công trình, dự án còn chậm so với tiến độ được cấp phép.
- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án.
- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.
- Nguồn lực đầu tư còn nhiều hạn chế, các dự án đầu tư chậm triển khai thực hiện do thiếu vốn.
- Việc tổ chức thực hiện pháp luật đất đai ở một số nơi vẫn chưa nghiêm dẫn đến các trường hợp vi phạm vẫn còn diễn ra như lấn chiếm đất đai, sử dụng đất không đúng mục đích, sử dụng đất lãng phí, vi phạm quy hoạch,...

V. ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN CỦA TỒN TẠI TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

- Dự báo nhu cầu sử dụng đất năm 2024 còn chưa sát với thực tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện dẫn tới việc còn một số danh mục không thực hiện được.
- Thiếu sự kiểm soát và quản lý thực hiện; sự chòng chéo giữa các quy hoạch chuyên ngành khác nhau và tác động của các chính sách pháp luật về nhà ở, đất đai.
- Công tác tuyên truyền phổ biến về pháp luật đất đai cũng như kế hoạch

sử dụng đất chưa được sâu sát, cụ thể.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân và các cấp còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

Tóm lại: Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm 2024 trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả nhất định. Quá trình sử dụng đất đều dựa trên những quan điểm khai thác sử dụng triệt để quỹ đất đai, đảm bảo sử dụng hợp lý và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, phù hợp với quan điểm phát triển chung của huyện và thành phố. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả và hạn chế những tồn tại trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất thì việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm là vô cùng cần thiết. Nó giúp chúng ta giải quyết những mâu thuẫn cơ bản trong việc hoạch định các chính sách về đất đai, phân bổ đất đai cho các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời gắn liền với quản lý, sử dụng đất bền vững, cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường.

PHẦN III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN ỨNG HÒA

I. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO LOẠI ĐẤT

Hiện nay Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) thành phố Hà Nội đang triển khai thực hiện, nên chưa có chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ của cấp tỉnh cho huyện Ứng Hòa trong năm kế hoạch. Tuy nhiên quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ứng Hòa đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 09/12/2021. Vì vậy kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa được xây dựng dựa trên Quy hoạch sử dụng đất được duyệt và đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong năm 2025.

II. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CHO CÁC NGÀNH CÁC LĨNH VỰC

1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 còn 123 công trình, dự án chưa thực hiện xong và chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025 (một số công trình có điều chỉnh về diện tích). Trong đó:

- Đất ở tại đô thị 07 dự án với diện tích 26,00 ha;
- Đất ở nông thôn 16 dự án với diện tích 33,41 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 17 dự án với diện tích 2,99 ha;
- Đất quốc phòng 01 dự án với diện tích 2,00 ha;
- Đất an ninh 19 dự án với diện tích 2,13 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp 28 dự án với diện tích 22,45 ha;
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 01 dự án với diện tích 0,50 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 33 dự án với diện tích 354,88 ha;
- Đất nông nghiệp 01 dự án với diện tích 548,43 ha.

Một số công trình, dự án sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hằng năm chưa thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai, tuy nhiên vẫn đề xuất chuyển tiếp để thực hiện trong năm 2025:

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Năm đăng ký KHSDD
1	Xây dựng Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hoà, Tp. Hà Nội	0,27	Xã Lưu Hoàng	2022 - 2023 - 2024
2	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá xã Viên An huyện	8,47	Xã Viên An	2022 - 2023 - 2024

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Năm đăng ký KHSDD
	Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai			
3	Dự án Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây theo hình thức hợp đồng BT	73,40	Xã Trung Tú; Phương Tú; Hòa Lâm; Trầm Lộng; Đại Hùng; Đại Cường; Kim Đường; Đông Lỗ	2022 - 2023 - 2024
4	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa	7,37	Xã Quảng Phú Cầu	2022 - 2023 - 2024
5	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích chùa Hương, huyện Ứng Hòa	3,50	Các xã: Lưu Hoàng, Hồng Quang	2022 - 2023 - 2024
6	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa giai đoạn 2	2,60	Thị trấn Vân Đình	2022 - 2023 - 2024
7	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu A thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	3,24	Xã Hòa Lâm	2022 - 2023 - 2024
8	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu B thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	4,45	Xã Hòa Lâm	2022 - 2023 - 2024
9	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu đồng Hội Cao, thôn Giang Làng, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	1,50	Xã Đồng Tiến	2022 - 2023 - 2024
10	Xây dựng cửa hàng xăng dầu kết hợp Dịch vụ hỗ trợ đường bộ tại Đồng Vối, thôn Kim Bồng, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa	0,50	Xã Kim Đường	2022 - 2023 - 2024
11	Xây mới trụ sở UBND xã Đồng Tân	0,72	Xã Đồng Tân	2022 - 2023 - 2024
12	Trụ sở CAX Phương Tú	0,11	Xã Phương Tú	2023-2024
13	Trụ sở CAX Phù Lưu	0,17	Xã Phù Lưu	2023-2024
14	Trụ sở CAX Hoa Sơn	0,10	Xã Hoa Sơn	2023-2024
15	Trụ sở CAX Đồng Tân	0,10	Xã Đồng Tân	2023-2024
16	Trụ sở CAX Đông Lỗ	0,10	Xã Đông Lỗ	2023-2024
17	Trụ sở CAX Cao Thành	0,10	Xã Cao Thành	2023-2024
18	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Ứng Hòa	2,00	TT. Vân Đình	2023-2024
19	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái – Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	2,27	Xã Vạn Thái, Hòa Nam	2023-2024
20	Đường giao thông liên xã từ Minh Đức đi Kim Đường, Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Điểm	1,68	Minh Đức, Kim Đường, Đông Lỗ	2023-2024

STT	Danh mục công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa danh xã, thị trấn	Năm đăng ký KHSDD
	đầu TL 428 tại thôn Thần, xã Minh Đức, Điểm cuối thôn Nhân Trai, xã Đông Lễ)			
21	Nâng cấp, mở rộng đường Minh Đức - Ngăm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	7,86	Minh Đức, Kim Đường, Đại Cường	2023-2024

2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân năm 2025

Căn cứ vào các dự án đầu tư để phát triển kinh tế xã hội đăng ký thực hiện trong năm 2025 và dự án đầu tư đã được phê duyệt triển khai thực hiện trên địa bàn huyện Ứng Hòa, khả năng kêu gọi vốn đầu tư, năng lực đầu tư đối với những công trình, dự án dự kiến triển khai trong năm 2025. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Ứng Hòa như sau:

- Công trình, dự án đăng ký mới năm 2025 là 13 công trình, dự án với diện tích 15,59 ha. Trong đó:

- + Đất ở tại nông thôn 01 dự án với diện tích 3,10 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 01 dự án với diện tích 0,12 ha;
- + Đất an ninh 03 dự án với diện tích 0,39 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 03 dự án với diện tích 1,58 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 05 dự án với diện tích 10,40 ha.

III. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

Để thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 của huyện, nhu cầu sử dụng đất là rất lớn nhằm phục vụ xây dựng các công trình, dự án thuộc các lĩnh vực công nghiệp, dân cư, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội,... Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, cân đối chỉ tiêu sử dụng đất huyện Ứng Hòa năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2024	Diện tích năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	13.419,84	13.155,22	-264,62
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.742,10	9.543,30	-198,79
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	7.807,26	7.629,41	-177,85
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.934,84	1.913,90	-20,94
1.4	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	488,47	478,94	-9,53
1.5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	418,96	412,21	-6,75
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.631,32	2.582,18	-49,14
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	138,99	138,58	-0,41

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2024	Diện tích năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.365,83	5.630,68	264,86
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.544,59	1.580,43	35,84
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	88,44	114,44	26,00
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,12	20,62	2,50
2.4	Đất quốc phòng	CQP	44,50	46,50	2,00
2.5	Đất an ninh	CAN	1,99	4,51	2,52
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	146,99	167,57	20,58
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	20,12	20,65	0,53
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,15	2,15	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,53	8,76	0,23
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	86,34	103,96	17,62
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	29,73	31,93	2,20
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,13	0,13	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	113,77	113,66	-0,11
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	13,22	13,22	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,11	2,61	0,50
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	54,08	53,62	-0,46
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	44,36	44,21	-0,15
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.640,78	2.819,54	178,76
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.872,34	2.062,34	190,00
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	740,74	722,58	-18,16
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,29	2,29	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	9,20	9,04	-0,16
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	3,84	10,92	7,08
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,86	0,86	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	10,13	10,13	
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,37	1,37	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2024	Diện tích năm 2025	Tăng (+); giảm (-)
2.9	Đất tôn giáo	TON	52,86	52,86	
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	58,48	58,48	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	182,03	180,89	-1,14
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	467,18	465,09	-2,09
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	19,26	19,26	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	447,92	445,83	-2,09
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,08	6,08	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	38,17	37,93	-0,24
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	38,17	37,93	-0,24
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS			
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS			
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS			

Chi tiết các loại đất như sau:

1. Nhóm đất nông nghiệp

Diện tích nhóm đất nông nghiệp năm 2024 trên địa bàn huyện là 13.419,84 ha. Đến năm 2025, diện tích đất nông nghiệp là 13.155,22 ha, giảm 264,62 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	264,20	16	Xã Liên Bạt	568,43
2	Xã Cao Thành	281,99	17	Xã Lưu Hoàng	258,71
3	Xã Đại Cường	353,34	18	Xã Minh Đức	669,30
4	Xã Đại Hùng	343,74	19	Xã Phù Lưu	341,21
5	Xã Đội Bình	561,42	20	Xã Phương Tú	775,23
6	Xã Đông Lỗ	534,05	21	Xã Quảng Phú Cầu	561,18
7	Xã Đồng Tân	462,77	22	Xã Sơn Công	467,00
8	Xã Đồng Tiến	451,23	23	Xã Tảo Dương Văn	648,96
9	Xã Hòa Lâm	640,91	24	Xã Trầm Lộng	518,41
10	Xã Hòa Nam	288,67	25	Xã Trung Tú	671,52
11	Xã Hòa Phú	449,01	26	Xã Trường Thịnh	402,78
12	Xã Hoa Sơn	517,05	27	Xã Vạn Thái	430,70
13	Xã Hòa Xá	123,95	28	Xã Viên An	300,00
14	Xã Hồng Quang	317,42	29	Xã Viên Nội	306,39
15	Xã Kim Đường	645,64	Tổng huyện		13.155,22

Chi tiết các loại đất như sau:

*** Đất trồng lúa**

Diện tích đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn huyện là 9.742,10 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 9.543,30 ha.

- Diện tích giảm 198,79 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất ở tại nông thôn 28,30 ha;

+ Đất ở tại đô thị 23,94 ha;

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,84 ha;

+ Đất quốc phòng 1,66 ha;

+ Đất an ninh 0,42 ha;

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp 13,30 ha;

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,50 ha;

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng 128,83 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất trồng lúa của huyện là 9.543,30 ha, giảm 198,79 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	195,83	16	Xã Liên Bạt	456,81
2	Xã Cao Thành	194,10	17	Xã Lưu Hoàng	171,86
3	Xã Đại Cường	255,65	18	Xã Minh Đức	434,09
4	Xã Đại Hùng	226,98	19	Xã Phù Lưu	228,80
5	Xã Đội Bình	415,39	20	Xã Phương Tú	504,13
6	Xã Đông Lỗ	489,14	21	Xã Quảng Phú Cầu	518,67
7	Xã Đồng Tân	336,31	22	Xã Sơn Công	247,72
8	Xã Đồng Tiến	259,95	23	Xã Tảo Dương Văn	488,29
9	Xã Hòa Lâm	499,83	24	Xã Trầm Lộng	280,07
10	Xã Hòa Nam	234,47	25	Xã Trung Tú	290,97
11	Xã Hòa Phú	389,42	26	Xã Trường Thịnh	349,21
12	Xã Hoa Sơn	457,77	27	Xã Vạn Thái	303,27
13	Xã Hòa Xá	56,58	28	Xã Viên An	234,98
14	Xã Hồng Quang	223,33	29	Xã Viên Nội	221,04
15	Xã Kim Đường	578,63	Tổng huyện		9.543,30

Trong đó:

Đất chuyên trồng lúa: Diện tích đất chuyên trồng lúa năm 2024 trên địa bàn huyện là 7.807,26 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 7.629,41 ha.
- Diện tích giảm 177,85 ha do chuyển sang các loại đất:
 - + Đất ở tại nông thôn 28,30 ha;
 - + Đất ở tại đô thị 23,94 ha;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,84 ha;
 - + Đất quốc phòng 1,66 ha;
 - + Đất an ninh 0,42 ha;
 - + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 13,02 ha;
 - + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,50 ha;
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 108,17 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất chuyên trồng lúa của huyện là 7.629,41 ha, giảm 177,85 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	174,94	16	Xã Liên Bạt	304,28
2	Xã Cao Thành	180,04	17	Xã Lưu Hoàng	154,58
3	Xã Đại Cường	216,19	18	Xã Minh Đức	381,71
4	Xã Đại Hùng	190,79	19	Xã Phù Lưu	223,68
5	Xã Đội Bình	395,22	20	Xã Phương Tú	397,53
6	Xã Đông Lỗ	314,14	21	Xã Quảng Phú Cầu	490,52
7	Xã Đồng Tân	204,13	22	Xã Sơn Công	209,73
8	Xã Đồng Tiến	246,79	23	Xã Tảo Dương Văn	379,59
9	Xã Hòa Lâm	125,49	24	Xã Trầm Lộng	24,34
10	Xã Hòa Nam	201,65	25	Xã Trung Tú	256,10
11	Xã Hòa Phú	361,71	26	Xã Trường Thịnh	325,28
12	Xã Hoa Sơn	431,41	27	Xã Vạn Thái	293,74
13	Xã Hòa Xá	50,10	28	Xã Viên An	208,24
14	Xã Hồng Quang	209,74	29	Xã Viên Nội	216,93
15	Xã Kim Đường	460,83	Tổng huyện		7.629,41

Đất trồng lúa còn lại: Diện tích đất trồng lúa còn lại năm 2024 trên địa bàn huyện là 1.934,84 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.913,90 ha.

- Diện tích giảm 20,94 ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,28 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 20,66 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất trồng lúa còn lại của huyện là 1.913,90 ha, giảm 20,941 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	20,89	16	Xã Liên Bạt	152,53
2	Xã Cao Thành	14,07	17	Xã Lưu Hoàng	17,27
3	Xã Đại Cường	39,46	18	Xã Minh Đức	52,38
4	Xã Đại Hùng	36,19	19	Xã Phù Lưu	5,12
5	Xã Đội Bình	20,17	20	Xã Phương Tú	106,60
6	Xã Đông Lỗ	175,00	21	Xã Quảng Phú Cầu	28,15
7	Xã Đồng Tân	132,18	22	Xã Sơn Công	37,99
8	Xã Đồng Tiến	13,16	23	Xã Tảo Dương Văn	108,71
9	Xã Hòa Lâm	374,35	24	Xã Trầm Lộng	255,73
10	Xã Hòa Nam	32,81	25	Xã Trung Tú	34,88
11	Xã Hòa Phú	27,71	26	Xã Trường Thịnh	23,94
12	Xã Hoa Sơn	26,36	27	Xã Vạn Thái	9,53
13	Xã Hòa Xá	6,48	28	Xã Viên An	26,74
14	Xã Hồng Quang	13,59	29	Xã Viên Nội	4,11
15	Xã Kim Đường	117,80	Tổng huyện		1.913,90

*** Đất trồng cây hàng năm khác**

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác năm 2024 trên địa bàn huyện là 488,47 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 478,94 ha.
- Diện tích giảm 9,53 ha do chuyển sang các loại đất:
- + Đất ở tại nông thôn 0,64 ha;
- + Đất ở tại đô thị 0,50 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,11 ha;
- + Đất an ninh 0,20 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,31 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 7,77 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của huyện là 478,94 ha, giảm 9,53 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	25,77	16	Xã Liên Bạt	19,86
2	Xã Cao Thành	9,76	17	Xã Lưu Hoàng	36,97
3	Xã Đại Cường	1,96	18	Xã Minh Đức	11,11
4	Xã Đại Hùng	9,69	19	Xã Phù Lưu	24,80
5	Xã Đội Bình	7,60	20	Xã Phương Tú	7,23
6	Xã Đông Lỗ	0,63	21	Xã Quảng Phú Cầu	0,81
7	Xã Đồng Tân	0,17	22	Xã Sơn Công	86,80
8	Xã Đồng Tiến	18,79	23	Xã Tảo Dương Văn	8,87
9	Xã Hòa Lâm	0,98	24	Xã Trầm Lộng	0,00
10	Xã Hòa Nam	19,54	25	Xã Trung Tú	4,77
11	Xã Hòa Phú	23,37	26	Xã Trường Thịnh	9,54
12	Xã Hoa Sơn	1,95	27	Xã Vạn Thái	65,15
13	Xã Hòa Xá	13,66	28	Xã Viên An	28,01
14	Xã Hồng Quang	22,42	29	Xã Viên Nội	11,67
15	Xã Kim Đường	7,05	Tổng huyện		478,94

*** Đất trồng cây lâu năm**

Diện tích đất trồng cây lâu năm năm 2024 trên địa bàn huyện là 418,96 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 412,21 ha.
- Diện tích giảm 6,75 ha do chuyển sang các loại đất:
 - + Đất ở tại nông thôn 0,14 ha;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,15 ha;
 - + Đất an ninh 0,26 ha;
 - + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,94 ha;
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 4,26 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện là 412,21 ha, giảm 6,75 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	1,68	16	Xã Liên Bạt	15,68

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
2	Xã Cao Thành	14,37	17	Xã Lưu Hoàng	7,25
3	Xã Đại Cường	14,50	18	Xã Minh Đức	6,31
4	Xã Đại Hùng	0,67	19	Xã Phù Lưu	28,41
5	Xã Đội Bình	24,51	20	Xã Phương Tú	3,53
6	Xã Đông Lỗ	4,53	21	Xã Quảng Phú Cầu	0,71
7	Xã Đồng Tân	1,55	22	Xã Sơn Công	43,22
8	Xã Đồng Tiến	69,89	23	Xã Tảo Dương Văn	3,61
9	Xã Hòa Lâm	0,93	24	Xã Trầm Lộng	0,35
10	Xã Hòa Nam	16,88	25	Xã Trung Tú	0,55
11	Xã Hòa Phú	12,03	26	Xã Trường Thịnh	0,77
12	Xã Hoa Sơn	5,07	27	Xã Vạn Thái	9,98
13	Xã Hòa Xá	24,10	28	Xã Viên An	15,76
14	Xã Hồng Quang	51,67	29	Xã Viên Nội	30,28
15	Xã Kim Đường	3,43	Tổng huyện		412,21

*** Đất nuôi trồng thủy sản**

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2024 trên địa bàn huyện là 2.631,32 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.582,18 ha.
- Diện tích giảm 49,14 ha do chuyển sang các loại đất:
 - + Đất ở tại nông thôn 6,93 ha;
 - + Đất ở tại đô thị 0,92 ha;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,81 ha;
 - + Đất quốc phòng 0,34 ha;
 - + Đất an ninh 0,81 ha;
 - + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 5,62 ha;
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 33,71 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện là 2.582,18 ha, giảm 49,14 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	40,84	16	Xã Liên Bạt	66,93
2	Xã Cao Thành	58,93	17	Xã Lưu Hoàng	41,47
3	Xã Đại Cường	76,35	18	Xã Minh Đức	217,18
4	Xã Đại Hùng	106,40	19	Xã Phù Lưu	32,62

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
5	Xã Đội Bình	111,67	20	Xã Phương Tú	259,98
6	Xã Đông Lỗ	34,32	21	Xã Quảng Phú Cầu	38,51
7	Xã Đồng Tân	124,13	22	Xã Sơn Công	78,31
8	Xã Đồng Tiến	102,03	23	Xã Tảo Dương Văn	148,19
9	Xã Hòa Lâm	134,88	24	Xã Trầm Lộng	236,60
10	Xã Hòa Nam	12,64	25	Xã Trung Tú	374,88
11	Xã Hòa Phú	23,30	26	Xã Trường Thịnh	35,19
12	Xã Hoa Sơn	46,08	27	Xã Vạn Thái	38,55
13	Xã Hòa Xá	28,09	28	Xã Viên An	17,50
14	Xã Hồng Quang	15,71	29	Xã Viên Nội	26,34
15	Xã Kim Đường	54,57	Tổng huyện		2.582,18

*** Đất nông nghiệp khác**

Diện tích đất nông nghiệp khác năm 2024 trên địa bàn huyện là 138,99 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 138,58 ha.
- Diện tích giảm 0,41 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Đến năm 2025, diện tích đất nông nghiệp khác là 138,58 ha, tăng 0,41 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	0,09	16	Xã Liên Bạt	9,16
2	Xã Cao Thành	4,83	17	Xã Lưu Hoàng	1,17
3	Xã Đại Cường	4,88	18	Xã Minh Đức	0,62
4	Xã Đại Hùng		19	Xã Phù Lưu	26,57
5	Xã Đội Bình	2,25	20	Xã Phương Tú	0,37
6	Xã Đông Lỗ	5,42	21	Xã Quảng Phú Cầu	2,48
7	Xã Đồng Tân	0,60	22	Xã Sơn Công	10,96
8	Xã Đồng Tiến	0,58	23	Xã Tảo Dương Văn	
9	Xã Hòa Lâm	4,28	24	Xã Trầm Lộng	1,39
10	Xã Hòa Nam	5,15	25	Xã Trung Tú	0,34
11	Xã Hòa Phú	0,89	26	Xã Trường Thịnh	8,06
12	Xã Hoa Sơn	6,18	27	Xã Vạn Thái	13,75
13	Xã Hòa Xá	1,51	28	Xã Viên An	3,76
14	Xã Hồng Quang	4,27	29	Xã Viên Nội	17,07

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
15	Xã Kim Đường	1,95	Tổng huyện		138,58

2. Nhóm đất phi nông nghiệp

Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp năm 2024 trên địa bàn huyện là 5.365,83 ha. Đến năm 2025, diện tích đất phi nông nghiệp của huyện là 5.630,68 ha, tăng 264,86 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	334,17	16	Xã Liên Bạt	242,92
2	Xã Cao Thành	103,38	17	Xã Lưu Hoàng	124,53
3	Xã Đại Cường	141,90	18	Xã Minh Đức	199,45
4	Xã Đại Hùng	144,50	19	Xã Phù Lưu	126,94
5	Xã Đội Bình	227,67	20	Xã Phương Tú	271,75
6	Xã Đông Lỗ	223,14	21	Xã Quảng Phú Cầu	295,39
7	Xã Đồng Tân	176,25	22	Xã Sơn Công	183,59
8	Xã Đồng Tiến	168,99	23	Xã Tảo Dương Văn	203,20
9	Xã Hòa Lâm	306,95	24	Xã Trầm Lộng	198,72
10	Xã Hòa Nam	131,62	25	Xã Trung Tú	314,88
11	Xã Hòa Phú	184,18	26	Xã Trường Thịnh	178,12
12	Xã Hoa Sơn	152,22	27	Xã Vạn Thái	164,00
13	Xã Hòa Xá	90,76	28	Xã Viên An	167,83
14	Xã Hồng Quang	206,19	29	Xã Viên Nội	142,78
15	Xã Kim Đường	224,64	Tổng huyện		5.630,68

Chi tiết các loại đất như sau:

* **Đất ở tại nông thôn**

Diện tích đất ở tại nông thôn năm 2024 trên địa bàn huyện là 1.544,59 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.543,92 ha.
- Diện tích tăng 36,51 ha được lấy từ các loại đất:
 - + Đất trồng lúa 28,30 ha;
 - + Đất trồng cây hàng năm khác 0,64 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm 0,14 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản 6,93 ha;

- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,40 ha;
- + Đất bằng chưa sử dụng 0,10 ha.
- Diện tích giảm 0,67 ha do chuyển sang các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,67 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất ở tại nông thôn của huyện là 1.580,43 ha, tăng 35,84 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình		16	Xã Liên Bạt	63,39
2	Xã Cao Thành	39,83	17	Xã Lưu Hoàng	41,10
3	Xã Đại Cường	36,91	18	Xã Minh Đức	46,07
4	Xã Đại Hùng	34,21	19	Xã Phù Lưu	35,36
5	Xã Đội Bình	62,10	20	Xã Phương Tú	77,30
6	Xã Đông Lỗ	40,76	21	Xã Quảng Phú Cầu	83,16
7	Xã Đồng Tân	58,70	22	Xã Sơn Công	50,15
8	Xã Đồng Tiến	64,64	23	Xã Tảo Dương Văn	58,52
9	Xã Hòa Lâm	76,49	24	Xã Trầm Lộng	53,79
10	Xã Hòa Nam	55,77	25	Xã Trung Tú	66,05
11	Xã Hòa Phú	64,32	26	Xã Trường Thịnh	65,06
12	Xã Hoa Sơn	41,88	27	Xã Vạn Thái	58,76
13	Xã Hòa Xá	40,80	28	Xã Viên An	77,54
14	Xã Hồng Quang	79,15	29	Xã Viên Nội	38,88
15	Xã Kim Đường	69,73	Tổng huyện		1.580,43

*** Đất ở tại đô thị**

Diện tích đất ở tại đô thị năm 2024 trên địa bàn huyện là 88,44 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 88,44 ha.
- Diện tích tăng 26,00 ha được lấy từ các loại đất:
 - + Đất trồng lúa 23,94 ha;
 - + Đất trồng cây hàng năm khác 0,50 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản 0,92 ha;
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,39 ha;
 - + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ 0,25 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất ở tại đô thị của huyện là 114,44 ha, tăng 26,00 ha so với năm 2024, phân bổ tại thị trấn Vân Đình.

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2024 trên địa bàn huyện là 18,12 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 17,51 ha.
- Diện tích tăng 3,11 ha được lấy từ các loại đất:
 - + Đất trồng lúa 1,84 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm 0,15 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản 0,81 ha;
 - + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,18 ha;
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,02 ha.
- Diện tích giảm 0,61 ha do chuyển sang đất an ninh.

Đến năm 2025, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan của huyện là 20,62 ha, tăng 2,50 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	6,34	16	Xã Liên Bạt	0,35
2	Xã Cao Thành	0,15	17	Xã Lưu Hoàng	0,40
3	Xã Đại Cường	0,46	18	Xã Minh Đức	0,44
4	Xã Đại Hùng	0,46	19	Xã Phù Lưu	0,62
5	Xã Đội Bình	0,56	20	Xã Phương Tú	0,52
6	Xã Đông Lỗ	0,69	21	Xã Quảng Phú Cầu	0,73
7	Xã Đồng Tân	1,41	22	Xã Sơn Công	0,27
8	Xã Đồng Tiến	0,26	23	Xã Tảo Dương Văn	0,43
9	Xã Hòa Lâm	0,66	24	Xã Trầm Lộng	0,60
10	Xã Hòa Nam	0,26	25	Xã Trung Tú	0,63
11	Xã Hòa Phú	0,47	26	Xã Trường Thịnh	0,67
12	Xã Hoa Sơn	0,44	27	Xã Vạn Thái	0,68
13	Xã Hòa Xá	0,33	28	Xã Viên An	0,60
14	Xã Hồng Quang	0,35	29	Xã Viên Nội	0,47
15	Xã Kim Đường	0,35	Tổng huyện		20,62

*** Đất quốc phòng**

Diện tích đất quốc phòng năm 2024 trên địa bàn huyện là 44,50 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 44,50 ha.

- Diện tích tăng 2,00 ha được lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng lúa 1,66 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,34 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất quốc phòng của huyện là 46,50 ha, tăng 2,00 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

STT	Tên xã	Diện tích (ha)	STT	Tên xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	4,89	4	Xã Trường Thịnh	3,78
2	Xã Hòa Lâm	37,77	5	Xã Viên An	0,02
3	Xã Lưu Hoàng	0,04	Tổng huyện		46,50

*** Đất an ninh**

Diện tích đất an ninh năm 2024 trên địa bàn huyện là 1,99 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1,99 ha.
- Diện tích tăng 2,52 ha được lấy từ các loại đất:
- + Đất trồng lúa 0,42 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác 0,20 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm 0,26 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,81 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,61 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,17 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,03 ha;
- + Đất bằng chưa sử dụng 0,02 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất an ninh của huyện là 4,51 ha, tăng 2,52 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	1,11	16	Xã Liên Bạt	0,81
2	Xã Cao Thành	0,10	17	Xã Lưu Hoàng	0,13
3	Xã Đại Cường	0,10	18	Xã Minh Đức	0,10
4	Xã Đại Hùng	0,10	19	Xã Phù Lưu	0,17
5	Xã Đội Bình	0,10	20	Xã Phương Tú	0,11
6	Xã Đông Lỗ	0,10	21	Xã Quảng Phú Cầu	0,10
7	Xã Đồng Tân	0,24	22	Xã Sơn Công	

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
8	Xã Đồng Tiến	0,10	23	Xã Tảo Dương Văn	0,10
9	Xã Hòa Lâm	0,10	24	Xã Trầm Lộng	0,10
10	Xã Hòa Nam		25	Xã Trung Tú	0,14
11	Xã Hòa Phú	0,16	26	Xã Trường Thịnh	0,18
12	Xã Hoa Sơn	0,10	27	Xã Vạn Thái	0,10
13	Xã Hòa Xá		28	Xã Viên An	0,06
14	Xã Hồng Quang		29	Xã Viên Nội	0,10
15	Xã Kim Đường		Tổng huyện		4,51

*** Đất xây dựng công trình sự nghiệp**

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp năm 2024 trên địa bàn huyện là 146,99 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 145,82 ha.
- Diện tích tăng 21,75 ha được lấy từ các loại đất:
 - + Đất trồng lúa 13,30 ha;
 - + Đất trồng cây hàng năm khác 0,31 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm 1,94 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản 5,62 ha;
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,58 ha.
- Diện tích giảm 1,17 ha do chuyển sang các loại đất:
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,18 ha.
 - + Đất an ninh 0,17 ha;
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,82 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp của huyện là 167,57 ha, tăng 20,58 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	21,75	16	Xã Liên Bạt	4,90
2	Xã Cao Thành	2,39	17	Xã Lưu Hoàng	5,24
3	Xã Đại Cường	4,79	18	Xã Minh Đức	5,23
4	Xã Đại Hùng	3,92	19	Xã Phù Lưu	2,97
5	Xã Đội Bình	5,99	20	Xã Phương Tú	8,13
6	Xã Đông Lỗ	4,98	21	Xã Quảng Phú Cầu	6,91

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
7	Xã Đồng Tân	5,71	22	Xã Sơn Công	4,91
8	Xã Đồng Tiến	4,62	23	Xã Tảo Dương Văn	5,27
9	Xã Hòa Lâm	5,94	24	Xã Trầm Lộng	4,29
10	Xã Hòa Nam	5,12	25	Xã Trung Tú	7,52
11	Xã Hòa Phú	4,05	26	Xã Trường Thịnh	3,93
12	Xã Hoa Sơn	6,16	27	Xã Vạn Thái	3,88
13	Xã Hòa Xá	3,15	28	Xã Viên An	7,71
14	Xã Hồng Quang	5,32	29	Xã Viên Nội	6,07
15	Xã Kim Đường	6,70	Tổng huyện		167,57

Diện tích cụ thể các loại đất xây dựng công trình sự nghiệp như sau:

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: Đến năm 2025 diện tích là 20,65 ha, tăng 0,53 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	0,69	16	Xã Liên Bạt	1,35
2	Xã Cao Thành	0,48	17	Xã Lưu Hoàng	0,18
3	Xã Đại Cường	0,38	18	Xã Minh Đức	0,54
4	Xã Đại Hùng	0,30	19	Xã Phù Lưu	0,08
5	Xã Đội Bình	0,39	20	Xã Phương Tú	0,50
6	Xã Đông Lỗ	0,42	21	Xã Quảng Phú Cầu	1,87
7	Xã Đồng Tân	0,74	22	Xã Sơn Công	0,56
8	Xã Đồng Tiến		23	Xã Tảo Dương Văn	0,57
9	Xã Hòa Lâm	1,13	24	Xã Trầm Lộng	1,14
10	Xã Hòa Nam	1,42	25	Xã Trung Tú	2,06
11	Xã Hòa Phú	1,21	26	Xã Trường Thịnh	0,83
12	Xã Hoa Sơn	0,54	27	Xã Vạn Thái	0,11
13	Xã Hòa Xá	0,53	28	Xã Viên An	0,33
14	Xã Hồng Quang	0,57	29	Xã Viên Nội	0,38
15	Xã Kim Đường	1,36	Tổng huyện		20,65

+ *Đất cơ sở dịch vụ về xã hội*: Đến năm 2025 diện tích là 2,15 ha, không thay đổi so với năm 2024, phân bổ tại xã Viên An.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: Đến năm 2025 diện tích là 8,76 ha, tăng 0,23 ha với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	2,43	16	Xã Liên Bạt	0,18
2	Xã Cao Thành	0,54	17	Xã Lưu Hoàng	0,32
3	Xã Đại Cường	0,31	18	Xã Minh Đức	0,53
4	Xã Đại Hùng		19	Xã Phù Lưu	0,27
5	Xã Đội Bình	0,06	20	Xã Phương Tú	0,34
6	Xã Đông Lỗ	0,17	21	Xã Quảng Phú Cầu	0,28
7	Xã Đồng Tân	0,13	22	Xã Sơn Công	0,09
8	Xã Đồng Tiến	0,19	23	Xã Tảo Dương Văn	0,22
9	Xã Hòa Lâm	0,22	24	Xã Trầm Lộng	0,12
10	Xã Hòa Nam	0,11	25	Xã Trung Tú	0,28
11	Xã Hòa Phú	0,16	26	Xã Trường Thịnh	0,17
12	Xã Hoa Sơn	0,11	27	Xã Vạn Thái	0,19
13	Xã Hòa Xá	0,27	28	Xã Viên An	0,14
14	Xã Hồng Quang	0,35	29	Xã Viên Nội	0,17
15	Xã Kim Đường	0,42	Tổng huyện		8,76

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: Đến năm 2025 diện tích là 103,96 ha, tăng 17,62 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	12,82	16	Xã Liên Bạt	2,82
2	Xã Cao Thành	1,37	17	Xã Lưu Hoàng	3,79
3	Xã Đại Cường	3,33	18	Xã Minh Đức	3,14
4	Xã Đại Hùng	2,65	19	Xã Phù Lưu	1,98
5	Xã Đội Bình	3,85	20	Xã Phương Tú	5,25
6	Xã Đông Lỗ	3,27	21	Xã Quảng Phú Cầu	3,31
7	Xã Đồng Tân	4,84	22	Xã Sơn Công	2,78
8	Xã Đồng Tiến	3,51	23	Xã Tảo Dương Văn	4,29
9	Xã Hòa Lâm	3,24	24	Xã Trầm Lộng	2,29
10	Xã Hòa Nam	3,21	25	Xã Trung Tú	4,54
11	Xã Hòa Phú	1,98	26	Xã Trường Thịnh	2,51
12	Xã Hoa Sơn	3,51	27	Xã Vạn Thái	2,84
13	Xã Hòa Xá	1,73	28	Xã Viên An	3,88
14	Xã Hồng Quang	3,44	29	Xã Viên Nội	3,88
15	Xã Kim Đường	3,90	Tổng huyện		103,96

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: Đến năm 2025 diện tích là 31,93 ha, tăng 2,20 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	5,81	16	Xã Liên Bạt	0,55
2	Xã Cao Thành		17	Xã Lưu Hoàng	0,96
3	Xã Đại Cường	0,78	18	Xã Minh Đức	1,02
4	Xã Đại Hùng	0,98	19	Xã Phù Lưu	0,65
5	Xã Đội Bình	1,69	20	Xã Phương Tú	2,04
6	Xã Đông Lỗ	1,12	21	Xã Quảng Phú Cầu	1,45
7	Xã Đồng Tân		22	Xã Sơn Công	1,49
8	Xã Đồng Tiến	0,92	23	Xã Tảo Dương Văn	0,17
9	Xã Hòa Lâm	1,35	24	Xã Trầm Lộng	0,73
10	Xã Hòa Nam	0,38	25	Xã Trung Tú	0,65
11	Xã Hòa Phú	0,70	26	Xã Trường Thịnh	0,31
12	Xã Hoa Sơn	2,00	27	Xã Vạn Thái	0,74
13	Xã Hòa Xá	0,62	28	Xã Viên An	1,20
14	Xã Hồng Quang	0,96	29	Xã Viên Nội	1,64
15	Xã Kim Đường	1,01	Tổng huyện		31,93

+ *Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác*: Đến năm 2025 diện tích là 0,13 ha, không thay đổi so với năm 2024, phân bổ tại xã Tảo Dương Văn 0,02 ha và xã Trường Thịnh 0,11 ha.

*** *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp***

Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp năm 2024 trên địa bàn huyện là 113,77 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 113,16 ha.
- Diện tích tăng 0,50 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,50 ha.
- Diện tích giảm 0,61 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Đến năm 2025, diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của huyện là 113,66 ha, giảm 0,11 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	26,04	16	Xã Liên Bạt	7,73
2	Xã Cao Thành	0,40	17	Xã Lưu Hoàng	2,28

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
3	Xã Đại Cường	0,58	18	Xã Minh Đức	0,06
4	Xã Đại Hùng		19	Xã Phù Lưu	1,61
5	Xã Đội Bình		20	Xã Phương Tú	3,98
6	Xã Đông Lỗ	10,85	21	Xã Quảng Phú Cầu	19,51
7	Xã Đồng Tân	0,39	22	Xã Sơn Công	1,01
8	Xã Đồng Tiến		23	Xã Tảo Dương Văn	0,77
9	Xã Hòa Lâm		24	Xã Trầm Lộng	
10	Xã Hòa Nam	3,49	25	Xã Trung Tú	0,54
11	Xã Hòa Phú	4,25	26	Xã Trường Thịnh	
12	Xã Hoa Sơn	4,41	27	Xã Vạn Thái	4,93
13	Xã Hòa Xá	5,80	28	Xã Viên An	1,69
14	Xã Hồng Quang	6,94	29	Xã Viên Nội	4,10
15	Xã Kim Đường	2,30	Tổng huyện		113,66

Diện tích cụ thể các loại đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp như sau:

+ *Đất cụm công nghiệp*: Đến năm 2025 diện tích là 13,22 ha, không thay đổi diện tích so với năm 2024. Diện tích đất cụm công nghiệp được phân bổ tại xã Quảng Phú Cầu.

+ *Đất thương mại, dịch vụ*: Đến năm 2025, diện tích đất thương mại, dịch vụ của huyện là 2,61 ha, tăng 0,50 ha so với năm 2024. Diện tích tăng do được chuyển sang từ đất trồng lúa.

Diện tích đất thương mại, dịch vụ được phân bổ tại các xã, thị trấn như sau:

STT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	STT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	0,65	6	Xã Quảng Phú Cầu	0,06
2	Xã Đồng Tân	0,33	7	Xã Trung Tú	0,20
3	Xã Hòa Nam	0,02	8	Xã Vạn Thái	0,32
4	Xã Kim Đường	0,50	9	Xã Đại Cường	
5	Xã Liên Bạt	0,51	Tổng huyện		2,61

+ *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: Đến năm 2025, diện tích là 53,62 ha, giảm 0,46 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	6,88	16	Xã Liên Bạt	7,22
2	Xã Cao Thành	0,37	17	Xã Lưu Hoàng	0,09

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
3	Xã Đại Cường	0,16	18	Xã Minh Đức	0,02
4	Xã Đại Hùng		19	Xã Phù Lưu	1,61
5	Xã Đội Bình		20	Xã Phương Tú	3,98
6	Xã Đông Lỗ		21	Xã Quảng Phú Cầu	6,24
7	Xã Đồng Tân	0,06	22	Xã Sơn Công	0,18
8	Xã Đồng Tiến		23	Xã Tảo Dương Văn	0,45
9	Xã Hòa Lâm		24	Xã Trầm Lộng	
10	Xã Hòa Nam	3,47	25	Xã Trung Tú	0,17
11	Xã Hòa Phú	1,47	26	Xã Trường Thịnh	
12	Xã Hoa Sơn	2,33	27	Xã Vạn Thái	4,60
13	Xã Hòa Xá	5,69	28	Xã Viên An	1,69
14	Xã Hồng Quang	5,71	29	Xã Viên Nội	0,13
15	Xã Kim Đường	1,10	Tổng huyện		53,62

+ *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*: Đến năm 2025, diện tích là 44,21 ha, giảm 0,15 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	18,50	16	Xã Liên Bạt	
2	Xã Cao Thành	0,03	17	Xã Lưu Hoàng	2,19
3	Xã Đại Cường	0,42	18	Xã Minh Đức	0,03
4	Xã Đại Hùng		19	Xã Phù Lưu	
5	Xã Đội Bình		20	Xã Phương Tú	
6	Xã Đông Lỗ	10,85	21	Xã Quảng Phú Cầu	
7	Xã Đồng Tân		22	Xã Sơn Công	0,83
8	Xã Đồng Tiến		23	Xã Tảo Dương Văn	0,32
9	Xã Hòa Lâm		24	Xã Trầm Lộng	
10	Xã Hòa Nam		25	Xã Trung Tú	0,16
11	Xã Hòa Phú	2,78	26	Xã Trường Thịnh	
12	Xã Hoa Sơn	2,08	27	Xã Vạn Thái	
13	Xã Hòa Xá	0,11	28	Xã Viên An	
14	Xã Hồng Quang	1,23	29	Xã Viên Nội	3,97
15	Xã Kim Đường	0,71	Tổng huyện		44,21

*** Đất sử dụng vào mục đích công cộng**

Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng năm 2024 trên địa bàn huyện là 2.640,78 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.639,36 ha.

- Diện tích tăng 180,18 ha được lấy từ các loại đất:

+ Đất trồng lúa 128,83 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác 7,77 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm 4,26 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản 33,71 ha;

+ Đất nông nghiệp khác 0,41 ha;

+ Đất ở tại nông thôn 0,67 ha;

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,82 ha;

+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,61 ha;

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ 0,89 ha;

+ Đất có mặt nước chuyên dùng 2,09 ha;

+ Đất chưa sử dụng 0,12 ha.

- Diện tích giảm 1,42 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất ở tại nông thôn 0,40 ha;

+ Đất ở tại đô thị 0,39 ha;

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha;

+ Đất an ninh 0,03 ha;

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,58 ha.

- Diện tích giảm 1,42 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất ở tại nông thôn 0,40 ha;

+ Đất ở tại đô thị 0,39 ha;

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha;

+ Đất an ninh 0,03 ha;

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,58 ha.

Đến năm 2025, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng là 2.819,54 ha, tăng 178,76 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	107,59	16	Xã Liên Bạt	140,09
2	Xã Cao Thành	52,04	17	Xã Lưu Hoàng	57,07
3	Xã Đại Cường	77,05	18	Xã Minh Đức	114,90
4	Xã Đại Hùng	87,04	19	Xã Phù Lưu	66,73
5	Xã Đội Bình	116,94	20	Xã Phương Tú	162,80
6	Xã Đông Lỗ	131,81	21	Xã Quảng Phú Cầu	142,07
7	Xã Đồng Tân	88,72	22	Xã Sơn Công	86,41
8	Xã Đồng Tiến	66,21	23	Xã Tảo Dương Văn	127,77
9	Xã Hòa Lâm	145,09	24	Xã Trầm Lộng	124,17
10	Xã Hòa Nam	48,69	25	Xã Trung Tú	196,84
11	Xã Hòa Phú	87,11	26	Xã Trường Thịnh	86,52
12	Xã Hoa Sơn	87,60	27	Xã Vạn Thái	76,66
13	Xã Hòa Xá	23,15	28	Xã Viên An	48,93
14	Xã Hồng Quang	60,08	29	Xã Viên Nội	75,75
15	Xã Kim Đường	133,70	Tổng huyện		2.819,54

Diện tích cụ thể các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng như sau:

+ *Đất công trình giao thông*: Đến năm 2025 diện tích là 2.062,34 ha, tăng 190,00 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	72,33	16	Xã Liên Bạt	113,84
2	Xã Cao Thành	38,29	17	Xã Lưu Hoàng	48,81
3	Xã Đại Cường	60,12	18	Xã Minh Đức	65,60
4	Xã Đại Hùng	72,25	19	Xã Phù Lưu	50,60
5	Xã Đội Bình	92,44	20	Xã Phương Tú	114,92
6	Xã Đông Lỗ	101,77	21	Xã Quảng Phú Cầu	109,33
7	Xã Đồng Tân	60,44	22	Xã Sơn Công	38,69
8	Xã Đồng Tiến	42,35	23	Xã Tảo Dương Văn	91,75
9	Xã Hòa Lâm	106,61	24	Xã Trầm Lộng	86,23
10	Xã Hòa Nam	36,13	25	Xã Trung Tú	139,58
11	Xã Hòa Phú	68,23	26	Xã Trường Thịnh	66,42
12	Xã Hoa Sơn	66,03	27	Xã Vạn Thái	56,74
13	Xã Hòa Xá	20,15	28	Xã Viên An	41,92
14	Xã Hồng Quang	53,88	29	Xã Viên Nội	62,77

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
15	Xã Kim Đường	84,12	Tổng huyện		2.062,34

+ *Đất công trình thủy lợi*: Đến năm 2025 diện tích là 722,58 ha, giảm 18,16 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	28,72	16	Xã Liên Bạt	25,91
2	Xã Cao Thành	13,14	17	Xã Lưu Hoàng	8,17
3	Xã Đại Cường	15,70	18	Xã Minh Đức	48,53
4	Xã Đại Hùng	14,03	19	Xã Phù Lưu	15,61
5	Xã Đội Bình	24,40	20	Xã Phương Tú	41,26
6	Xã Đông Lỗ	28,34	21	Xã Quảng Phú Cầu	31,71
7	Xã Đồng Tân	27,39	22	Xã Sơn Công	47,12
8	Xã Đồng Tiến	23,49	23	Xã Tảo Dương Văn	33,56
9	Xã Hòa Lâm	37,74	24	Xã Trầm Lộng	36,91
10	Xã Hòa Nam	11,75	25	Xã Trung Tú	55,92
11	Xã Hòa Phú	18,28	26	Xã Trường Thịnh	19,44
12	Xã Hoa Sơn	20,82	27	Xã Vạn Thái	19,18
13	Xã Hòa Xá	2,73	28	Xã Viên An	6,48
14	Xã Hồng Quang	6,08	29	Xã Viên Nội	11,95
15	Xã Kim Đường	48,24	Tổng huyện		722,58

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh*: Đến năm 2025 diện tích là 2,29 ha, không biến động so với năm 2024. Diện tích phân bổ tại các xã như sau:

STT	Tên xã	Diện tích (ha)	STT	Tên xã	Diện tích (ha)
1	Xã Hòa Lâm	0,32	3	Xã Quảng Phú Cầu	0,11
2	Xã Hòa Phú	0,11	4	Xã Tảo Dương Văn	1,76
Tổng huyện					2,29

+ *Đất công trình xử lý chất thải*: Đến năm 2025 diện tích là 9,04 ha, giảm 0,16 ha so với năm 2024. Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải được phân bổ tại các xã, thị trấn như sau:

STT	Tên xã	Diện tích (ha)	STT	Tên xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	2,48	16	Xã Liên Bạt	0,03
2	Xã Cao Thành	0,04	17	Xã Lưu Hoàng	0,05

STT	Tên xã	Diện tích (ha)	STT	Tên xã	Diện tích (ha)
3	Xã Đại Cường	0,17	18	Xã Minh Đức	0,48
4	Xã Đại Hùng	0,09	19	Xã Phù Lưu	0,11
5	Xã Đội Bình	0,05	20	Xã Phương Tú	0,12
6	Xã Đông Lỗ	1,33	21	Xã Quảng Phú Cầu	0,26
7	Xã Đồng Tân	0,19	22	Xã Sơn Công	0,52
8	Xã Đồng Tiến	0,08	23	Xã Tảo Dương Văn	0,08
9	Xã Hòa Lâm	0,04	24	Xã Trầm Lộng	0,38
10	Xã Hòa Nam	0,11	25	Xã Trung Tú	0,65
11	Xã Hòa Phú	0,06	26	Xã Trường Thịnh	0,24
12	Xã Hoa Sơn	0,32	27	Xã Vạn Thái	0,02
13	Xã Hòa Xá	0,05	28	Xã Viên An	
14	Xã Hồng Quang	0,10	29	Xã Viên Nội	0,07
15	Xã Kim Đường	0,93	Tổng huyện		9,04

+ *Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng*: Đến năm 2025 diện tích là 10,92 ha, tăng 7,08 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	0,27	16	Xã Liên Bạt	0,30
2	Xã Cao Thành	0,11	17	Xã Lưu Hoàng	
3	Xã Đại Cường	0,38	18	Xã Minh Đức	0,08
4	Xã Đại Hùng	0,35	19	Xã Phù Lưu	0,01
5	Xã Đội Bình	0,02	20	Xã Phương Tú	6,26
6	Xã Đông Lỗ	0,04	21	Xã Quảng Phú Cầu	0,17
7	Xã Đồng Tân	0,37	22	Xã Sơn Công	0,07
8	Xã Đồng Tiến	0,17	23	Xã Tảo Dương Văn	0,59
9	Xã Hòa Lâm	0,25	24	Xã Trầm Lộng	0,24
10	Xã Hòa Nam	0,19	25	Xã Trung Tú	0,46
11	Xã Hòa Phú	0,17	26	Xã Trường Thịnh	0,11
12	Xã Hoa Sơn	0,03	27	Xã Vạn Thái	0,07
13	Xã Hòa Xá	0,06	28	Xã Viên An	0,04
14	Xã Hồng Quang	0,03	29	Xã Viên Nội	0,09
15	Xã Kim Đường		Tổng huyện		10,92

+ *Đất công trình hạ tầng bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin*: Đến năm 2025 diện tích là 0,86 ha, không biến động so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	0,12	16	Xã Liên Bạt	0,02
2	Xã Cao Thành	0,02	17	Xã Lưu Hoàng	0,04
3	Xã Đại Cường		18	Xã Minh Đức	
4	Xã Đại Hùng		19	Xã Phù Lưu	0,01
5	Xã Đội Bình	0,03	20	Xã Phương Tú	
6	Xã Đông Lỗ	0,06	21	Xã Quảng Phú Cầu	0,01
7	Xã Đồng Tân	0,12	22	Xã Sơn Công	0,02
8	Xã Đồng Tiến	0,02	23	Xã Tảo Dương Văn	0,02
9	Xã Hòa Lâm	0,02	24	Xã Trầm Lộng	
10	Xã Hòa Nam	0,05	25	Xã Trung Tú	0,05
11	Xã Hòa Phú	0,01	26	Xã Trường Thịnh	0,02
12	Xã Hoa Sơn	0,04	27	Xã Vạn Thái	0,03
13	Xã Hòa Xá	0,02	28	Xã Viên An	0,03
14	Xã Hồng Quang		29	Xã Viên Nội	0,01
15	Xã Kim Đường	0,09	Tổng huyện		0,86

+ *Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối*: Đến năm 2025 diện tích là 10,13 ha, không thay đổi so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	2,30	16	Xã Liên Bạt	
2	Xã Cao Thành	0,44	17	Xã Lưu Hoàng	
3	Xã Đại Cường	0,69	18	Xã Minh Đức	0,22
4	Xã Đại Hùng	0,31	19	Xã Phù Lưu	0,39
5	Xã Đội Bình		20	Xã Phương Tú	0,24
6	Xã Đông Lỗ	0,26	21	Xã Quảng Phú Cầu	0,48
7	Xã Đồng Tân	0,20	22	Xã Sơn Công	
8	Xã Đồng Tiến	0,10	23	Xã Tảo Dương Văn	
9	Xã Hòa Lâm	0,11	24	Xã Trầm Lộng	0,41
10	Xã Hòa Nam	0,47	25	Xã Trung Tú	0,18
11	Xã Hòa Phú	0,25	26	Xã Trường Thịnh	0,29
12	Xã Hoa Sơn	0,36	27	Xã Vạn Thái	0,62

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
13	Xã Hòa Xá	0,14	28	Xã Viên An	0,47
14	Xã Hồng Quang		29	Xã Viên Nội	0,87
15	Xã Kim Đường	0,32	Tổng huyện		10,13

+ *Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng*: Đến năm 2025, diện tích là 1,37 ha, không thay đổi so với năm 2024, phân bổ tại thị trấn Vân Đình.

*** Đất tôn giáo:**

Diện tích đất tôn giáo năm 2024 trên địa bàn huyện là 52,86 ha. Đến năm 2025 diện tích đất tôn giáo của huyện là 52,86 ha, không thay đổi so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	3,59	16	Xã Liên Bạt	2,38
2	Xã Cao Thành	0,80	17	Xã Lưu Hoàng	0,58
3	Xã Đại Cường	1,44	18	Xã Minh Đức	1,63
4	Xã Đại Hùng	0,71	19	Xã Phù Lưu	0,84
5	Xã Đội Bình	2,71	20	Xã Phương Tú	4,55
6	Xã Đông Lỗ	2,10	21	Xã Quảng Phú Cầu	2,20
7	Xã Đồng Tân	0,67	22	Xã Sơn Công	2,00
8	Xã Đồng Tiến	2,55	23	Xã Tảo Dương Văn	1,37
9	Xã Hòa Lâm	1,60	24	Xã Trầm Lộng	1,16
10	Xã Hòa Nam	1,29	25	Xã Trung Tú	2,58
11	Xã Hòa Phú	1,29	26	Xã Trường Thịnh	3,20
12	Xã Hoa Sơn	3,40	27	Xã Vạn Thái	1,48
13	Xã Hòa Xá	0,27	28	Xã Viên An	2,52
14	Xã Hồng Quang	1,84	29	Xã Viên Nội	0,53
15	Xã Kim Đường	1,58	Tổng huyện		52,86

*** Đất tín ngưỡng**

Diện tích đất tín ngưỡng năm 2024 trên địa bàn huyện là 58,48 ha. Đến năm 2025, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng là 58,48 ha, không thay đổi so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	3,48	16	Xã Liên Bạt	1,84
2	Xã Cao Thành	0,63	17	Xã Lưu Hoàng	2,61

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
3	Xã Đại Cường	0,83	18	Xã Minh Đức	1,43
4	Xã Đại Hùng	2,09	19	Xã Phù Lưu	0,86
5	Xã Đội Bình	2,26	20	Xã Phương Tú	2,49
6	Xã Đông Lỗ	1,95	21	Xã Quảng Phú Cầu	2,19
7	Xã Đồng Tân	0,45	22	Xã Sơn Công	2,68
8	Xã Đồng Tiến	2,39	23	Xã Tảo Dương Văn	3,18
9	Xã Hòa Lâm	2,67	24	Xã Trầm Lộng	4,65
10	Xã Hòa Nam	1,11	25	Xã Trung Tú	1,98
11	Xã Hòa Phú	1,38	26	Xã Trường Thịnh	2,83
12	Xã Hoa Sơn	1,57	27	Xã Vạn Thái	2,48
13	Xã Hòa Xá	0,63	28	Xã Viên An	0,86
14	Xã Hồng Quang	3,67	29	Xã Viên Nội	1,91
15	Xã Kim Đường	1,38	Tổng huyện		58,48

*** Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt:**

Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ năm 2024 trên địa bàn huyện là 182,03 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 180,89 ha.
- Diện tích giảm 1,14 ha do chuyển sang các loại đất:
 - + Đất ở tại đô thị 0,25 ha;
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,89 ha.

Đến năm 2025 diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ là 180,89 ha, giảm 1,14 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	6,96	16	Xã Liên Bạt	8,79
2	Xã Cao Thành	2,85	17	Xã Lưu Hoàng	2,93
3	Xã Đại Cường	3,71	18	Xã Minh Đức	8,70
4	Xã Đại Hùng	5,25	19	Xã Phù Lưu	3,93
5	Xã Đội Bình	6,42	20	Xã Phương Tú	8,68
6	Xã Đông Lỗ	4,89	21	Xã Quảng Phú Cầu	8,58
7	Xã Đồng Tân	6,35	22	Xã Sơn Công	5,07
8	Xã Đồng Tiến	7,05	23	Xã Tảo Dương Văn	5,66
9	Xã Hòa Lâm	11,94	24	Xã Trầm Lộng	8,93
10	Xã Hòa Nam	3,85	25	Xã Trung Tú	12,80

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
11	Xã Hòa Phú	6,57	26	Xã Trường Thịnh	8,48
12	Xã Hoa Sơn	6,25	27	Xã Vạn Thái	5,40
13	Xã Hòa Xá	1,37	28	Xã Viên An	2,58
14	Xã Hồng Quang	5,85	29	Xã Viên Nội	4,72
15	Xã Kim Đường	6,34	Tổng huyện		180,89

*** Đất có mặt nước chuyên dùng**

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng năm 2024 trên địa bàn huyện là 467,18 ha. Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 465,09 ha.
- Diện tích giảm 2,09 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Đến năm 2025, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng của huyện là 465,09 ha, giảm 2,09 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	37,12	16	Xã Liên Bạt	12,06
2	Xã Cao Thành	4,18	17	Xã Lưu Hoàng	12,16
3	Xã Đại Cường	16,04	18	Xã Minh Đức	20,89
4	Xã Đại Hùng	10,72	19	Xã Phù Lưu	13,85
5	Xã Đội Bình	30,59	20	Xã Phương Tú	3,07
6	Xã Đông Lỗ	25,02	21	Xã Quảng Phú Cầu	27,75
7	Xã Đồng Tân	12,26	22	Xã Sơn Công	31,06
8	Xã Đồng Tiến	21,17	23	Xã Tảo Dương Văn	0,12
9	Xã Hòa Lâm	24,69	24	Xã Trầm Lộng	1,04
10	Xã Hòa Nam	12,04	25	Xã Trung Tú	25,80
11	Xã Hòa Phú	14,58	26	Xã Trường Thịnh	3,48
12	Xã Hoa Sơn	0,41	27	Xã Vạn Thái	9,10
13	Xã Hòa Xá	14,86	28	Xã Viên An	25,31
14	Xã Hồng Quang	42,98	29	Xã Viên Nội	10,26
15	Xã Kim Đường	2,51	Tổng huyện		465,09

Diện tích cụ thể các loại đất có mặt nước chuyên dùng như sau:

++ *Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá:* Đến năm 2025 diện tích là 19,26 ha, không thay đổi so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	6,18	16	Xã Liên Bạt	0,56
2	Xã Cao Thành	0,48	17	Xã Lưu Hoàng	0,03
3	Xã Đại Cường	1,81	18	Xã Minh Đức	
4	Xã Đại Hùng	0,18	19	Xã Phù Lưu	0,05
5	Xã Đội Bình		20	Xã Phương Tú	0,09
6	Xã Đông Lỗ	0,88	21	Xã Quảng Phú Cầu	
7	Xã Đồng Tân	0,36	22	Xã Sơn Công	1,24
8	Xã Đồng Tiến	2,55	23	Xã Tảo Dương Văn	0,12
9	Xã Hòa Lâm	0,45	24	Xã Trầm Lộng	0,43
10	Xã Hòa Nam	0,23	25	Xã Trung Tú	0,46
11	Xã Hòa Phú	0,23	26	Xã Trường Thịnh	0,74
12	Xã Hoa Sơn	0,41	27	Xã Vạn Thái	0,05
13	Xã Hòa Xá	0,40	28	Xã Viên An	0,03
14	Xã Hồng Quang	0,81	29	Xã Viên Nội	
15	Xã Kim Đường	0,51	Tổng huyện		19,26

++ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Đến năm 2025 diện tích là 445,83 ha, giảm 2,09 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	30,94	16	Xã Liên Bạt	11,50
2	Xã Cao Thành	3,70	17	Xã Lưu Hoàng	12,13
3	Xã Đại Cường	14,23	18	Xã Minh Đức	20,89
4	Xã Đại Hùng	10,54	19	Xã Phù Lưu	13,80
5	Xã Đội Bình	30,59	20	Xã Phương Tú	2,98
6	Xã Đông Lỗ	24,14	21	Xã Quảng Phú Cầu	27,75
7	Xã Đồng Tân	11,89	22	Xã Sơn Công	29,83
8	Xã Đồng Tiến	18,62	23	Xã Tảo Dương Văn	
9	Xã Hòa Lâm	24,23	24	Xã Trầm Lộng	0,60
10	Xã Hòa Nam	11,81	25	Xã Trung Tú	25,33
11	Xã Hòa Phú	14,35	26	Xã Trường Thịnh	2,74
12	Xã Hoa Sơn		27	Xã Vạn Thái	9,05
13	Xã Hòa Xá	14,46	28	Xã Viên An	25,29
14	Xã Hồng Quang	42,17	29	Xã Viên Nội	10,26
15	Xã Kim Đường	2,00	Tổng huyện		445,83

*** Đất phi nông nghiệp khác**

Diện tích đất phi nông nghiệp khác năm 2024 trên địa bàn huyện là 6,08 ha. Đến năm 2025, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 6,08 ha, giảm ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

STT	Tên xã	Diện tích (ha)	STT	Tên xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	0,86	5	Xã Liên Bạt	0,58
2	Xã Đồng Tân	1,36	6	Xã Phương Tú	0,11
3	Xã Hòa Xá	0,41	7	Xã Quảng Phú Cầu	2,19
4	Xã Kim Đường	0,04	8	Xã Vạn Thái	0,54
Tổng huyện					6,08

3. Nhóm đất chưa sử dụng

Diện tích nhóm đất chưa sử dụng năm 2024 trên địa bàn huyện là 38,17 ha (toàn bộ là đất bằng chưa sử dụng). Đến năm 2025, diện tích đất chưa sử dụng của huyện là 37,93 ha, giảm 0,24 ha so với năm 2024, phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)	TT	ĐVHC cấp xã	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Vân Đình	5,56	16	Xã Liên Bạt	0,08
2	Xã Cao Thành	0,05	17	Xã Lưu Hoàng	1,04
3	Xã Đại Cường	0,04	18	Xã Minh Đức	0,07
4	Xã Đại Hùng	0,04	19	Xã Phù Lưu	
5	Xã Đội Bình	0,62	20	Xã Phương Tú	0,01
6	Xã Đông Lỗ	9,61	21	Xã Quảng Phú Cầu	2,83
7	Xã Đồng Tân	0,19	22	Xã Sơn Công	0,12
8	Xã Đồng Tiến		23	Xã Tảo Dương Văn	0,43
9	Xã Hòa Lâm	0,67	24	Xã Trầm Lộng	0,08
10	Xã Hòa Nam	4,76	25	Xã Trung Tú	0,03
11	Xã Hòa Phú	2,26	26	Xã Trường Thịnh	
12	Xã Hoa Sơn	0,30	27	Xã Vạn Thái	1,71
13	Xã Hòa Xá	5,12	28	Xã Viên An	1,79
14	Xã Hồng Quang		29	Xã Viên Nội	0,51
15	Xã Kim Đường		Tổng huyện		37,93

IV. DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH

1. Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp

Trong năm 2025, tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 264,62 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 198,79 ha;

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 9,53 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 6,75 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 49,14 ha;
- Đất nông nghiệp khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,41 ha.

2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Năm 2025 trên địa bàn huyện không chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp.

3. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở

Diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở năm 2025 trên địa bàn huyện là 1,04 ha, phân bổ tại thị trấn Vân Đình 0,64 ha, xã Đội Bình 0,25 ha và xã Viên An 0,15 ha.

(Chi tiết tại biểu 20/CH)

V. DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT CẦN THU HỒI

Trong năm 2025, tổng diện tích đất cần thu hồi như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 189,43 ha, bao gồm:
 - + Đất trồng lúa 147,87 ha;
 - + Đất trồng cây hàng năm khác 7,36 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm 5,53 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản 28,26 ha;
 - + Đất nông nghiệp khác 0,41 ha.
- Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 17,48 ha, bao gồm:
 - + Đất ở tại nông thôn 0,67 ha;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,17 ha;
 - + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,67 ha;
 - + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,61 ha;
 - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 13,02 ha;
 - + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ 1,01 ha;
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng 1,33 ha.

(Chi tiết tại biểu 19/CH)

VI. ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Trong năm kế hoạch diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 0,24 ha (toàn bộ đưa vào sử dụng mục đích đất phi nông nghiệp), trong đó:

- Đất ở tại nông thôn 0,10 ha;
- Đất an ninh 0,02 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,12 ha.

(Chi tiết tại biểu 18/CH)

VII. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

(Chi tiết tại biểu 25/CH)

VIII. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Cơ sở tính toán các nguồn thu chi từ đất

- Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Nghị định 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Dự kiến các khoản thu

Bao gồm thu từ việc giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các loại thuế liên quan đến đất đai.

b. Dự kiến các khoản chi

Bao gồm chi cho việc bồi thường GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật,...

3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Bảng 2. Ước tính các khoản thu, chi từ đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Ứng Hòa - TP. Hà Nội

TT	Hạng Mục	Diện tích (ha)	Đơn giá	Thành tiền (triệu đồng)
I	Thu từ giao đất			922.777
1	Đất ở đô thị	2,92	30 triệu /1m ²	876.000
2	Đất ở nông thôn	0,75	12 triệu/1m ²	112.500

TT	Hạng Mục	Diện tích (ha)	Đơn giá	Thành tiền (triệu đồng)
3	Đấu giá đất nông nghiệp	548,43	780 đồng/1m ²	4.277
II	Các khoản chi			187.017
1	Chi bồi thường, giải phóng mặt bằng	9,69	0,93 triệu/1m ²	90.117
2	Chi xây dựng hạ tầng khu đấu giá đất ở	9,69	1 triệu đồng/1m ²	96.900
III	Cân đối thu - chi (I - II)			735.760

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Để nền kinh tế - xã hội của huyện phát triển một cách bền vững, trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất cần chú trọng đến giải pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của người dân, các doanh nghiệp, các nhà quản lý thông qua các hình thức như: phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, cuộc thi tìm hiểu về công tác bảo vệ môi trường...

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường bằng việc lồng ghép quy hoạch bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông...

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, nghiên cứu và áp dụng phương thức quản lý tổng hợp môi trường thông qua cơ chế, chính sách đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch để hài hòa các mục tiêu phát triển của từng địa phương.

- Áp dụng các biện pháp kinh tế, nghiên cứu khoa học và áp dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiêm nguyên tắc “Người gây ô nhiễm, thiệt hại đối với môi trường phải bồi thường khắc phục”.

- Từ khâu lập kế hoạch và tổ chức hoàn thiện đến các chính sách, giải pháp quản lý đất đai bền vững cùng các các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất phù hợp đối với từng khu vực, từng địa phương.

- Khai thác sử dụng đất phải đi đôi với bảo vệ môi trường, chú trọng xử lý chất thải ở các cơ sở sản xuất kinh doanh, thương mại - dịch vụ, du lịch... đảm bảo chất thải phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, tránh gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường.

- Đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ theo hướng tăng hiệu quả và tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật như giống, công nghệ sinh học, biện pháp phòng trừ dịch bệnh tổng hợp, chuyển đổi diện tích cây lúa không ăn chắc

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế trên địa bàn huyện nhằm không ngừng nâng cao độ phì của đất để sử dụng hiệu quả đất

nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất. Hạn chế sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp - thủy sản, tích cực làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường

- Tăng cường trồng cây phân tán dọc theo các tuyến kênh, mương, đường giao thông nhằm tăng khả năng che phủ đất, góp phần cải tạo môi trường đô thị cũng như khu dân cư nông thôn tập trung.

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

- Rà soát, bổ sung chính sách thu hút đầu tư; tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; kêu gọi đầu tư dưới nhiều hình thức: đầu tư trực tiếp, gián tiếp, đầu tư theo phương thức hợp tác, liên doanh.

- Triển khai chương trình hỗ trợ tín dụng Nhà nước cho các doanh nghiệp có các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định của Chính phủ nhất là các dự án ngành công nghiệp ưu tiên, du lịch, xây dựng kết cấu hạ tầng, xử lý chất thải cho công nghiệp, bảo vệ môi trường; hỗ trợ tín dụng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng và hướng đến xuất khẩu.

- Cải thiện môi trường đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp triển khai các dự án nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, trung tâm tài chính, du lịch, xây dựng các khu đô thị, dân cư; đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ và môi trường.

- Chủ động thu hồi đất theo kế hoạch, trong đó cần thu hồi cả phần diện tích đất bên cạnh công trình kết cấu hạ tầng, vùng phụ cận để tạo nguồn vốn cho phát triển, tạo quỹ đất đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật và xã.

2. Nhóm giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, công tác quản lý đất đai, tài chính, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có

chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện

a. Ủy ban nhân dân huyện

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa theo đúng quy định.

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách liên quan trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế, chính sách đã được ban hành.

- Chỉ đạo Phòng Tài chính kế hoạch cân đối, bố trí kinh phí để lập, quy hoạch và thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách.

- Chỉ đạo các ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện tốt phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

b. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Phối hợp với các ngành liên quan rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được duyệt, đảm bảo sự thống nhất giữa các quy hoạch và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

c. Các ban, ngành, UBND các xã, thị trấn

- Phòng Tài chính - Kế hoạch: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành của huyện và các phòng ban xây dựng chính sách nhằm tăng cường khả năng thu hút đầu tư vào phát triển của các ngành; cân đối vốn đầu tư việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

- Các phòng ban khác: Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường rà soát, thực hiện các điều chỉnh quy hoạch các loại đất phát triển đô thị, phát triển hạ tầng phù hợp với phương án kế hoạch sử dụng đất của huyện và định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực.

- UBND các xã, thị trấn thực hiện công bố, công khai phương án kế hoạch sử dụng đất được duyệt theo sự hướng dẫn Phòng Tài nguyên và Môi trường. Hội đồng nhân dân cấp xã giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của địa

phương mình.

- UBND các xã, thị trấn thực hiện kế hoạch sử dụng đất; kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm với Phòng Tài nguyên và Môi trường nếu có.

2. Nhóm giải pháp về quản lý, giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Công bố công khai, kịp thời nội dung kế hoạch sử dụng đất; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp đảng ủy, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành, lĩnh vực cho phù hợp với kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai, đồng thời biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất các cấp, gắn kế hoạch sử dụng đất với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và quy hoạch các ngành, các lĩnh vực.

IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC

1. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

a. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện được UBND thành phố phê duyệt, UBND huyện giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức công bố kế hoạch, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương đáp ứng các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- UBND huyện định kỳ làm việc với các ngành và UBND các xã, thị trấn để rà soát đối chiếu các công trình dự án nào không khả thi do thiếu vốn cần phải hủy bỏ hoặc điều chỉnh ngay trong năm.

- Các phòng ban ngành, UBND các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện ngân sách cho các hạng mục công trình đầu tư theo đúng tiến độ đã đăng ký trong kỳ kế hoạch đã được phê duyệt.

b. Chính sách quản lý, sử dụng đất

- Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất phải bảo đảm dựa trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt; việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ trên xuống dưới (3 cấp tỉnh, huyện, xã) đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến, tiêu thụ tại các vùng phát triển nông sản hàng hóa; có chính sách, biện pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập, để người làm nông nghiệp đảm bảo cuộc sống.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, đảm bảo cho việc sử dụng đất theo đúng kế hoạch, thực hiện nghiêm các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ban hành, cụ thể hóa các quy định của Nhà nước để giám sát chặt chẽ và bảo vệ các vùng trồng lúa, rừng phòng hộ; về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang các mục đích khác, đặc biệt chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp.

- Kiên quyết thu hồi các diện tích đất đã giao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả theo quy định của pháp luật.

c. Chính sách hỗ trợ

- Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn; chú trọng việc phát huy được lợi thế, khắc phục hạn chế thu hút đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư của huyện đối với các dự án đầu tư sản xuất sạch, thân thiện môi trường, dự án có số vốn đầu tư lớn, dự án có sản phẩm công nghệ cao, dự án đầu tư ở địa bàn nông thôn.

- Thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tăng sức cạnh tranh và hội nhập, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế. Thực hiện tốt công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư để phát triển sản xuất công nghiệp, kết cấu hạ tầng nông thôn, phát triển quỹ nhà ở đô thị, xã hội hóa các dịch vụ xã hội về y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, dịch vụ, khoa học và công nghệ; phát triển làng nghề, kinh tế trang trại ở nông thôn để tạo thêm việc làm mới, nâng cao thu nhập cho người dân.

d. Chính sách về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác.

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ bồi thường đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

- Đối với các hộ di dời để thực hiện dự án phát triển khu vực trung tâm các xã, thị trấn cần được bố trí tái định cư tại nội khu vực trung tâm với diện tích hợp lý.

2. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản về đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, nâng cao chất lượng công tác dự báo, sự tham gia phản biện khoa học trong và ngoài ngành nhằm nâng cao tính khả thi của phương án quy hoạch sử dụng đất.

- Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện nội dung, phương pháp, quy trình lập kế hoạch sử dụng đất; hoàn chỉnh hệ thống các chỉ tiêu làm cơ sở đánh giá việc sử dụng đất liên quan đến kinh tế, xã hội và môi trường.

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra kế hoạch sử dụng đất.

- Củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; dự báo, cảnh báo điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

3. Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quan trắc môi trường để cảnh báo ô nhiễm môi trường; xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên đất; quan trắc môi trường trong cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn. Khuyến khích đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh nếu gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị.

- Huy động các nguồn lực xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý chất thải; hệ thống thoát nước thải đạt tiêu chuẩn tại các đô thị, cụm công

nghiệp; tăng cường kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước và kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước; triển khai đồng bộ, kịp thời việc thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, coi bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội là rất cần thiết nhằm đáp ứng các nhu cầu sử dụng đất của các ngành góp phần thúc đẩy triển kinh tế - xã hội.

Phương án kế hoạch sử dụng đất huyện Ứng Hòa được xây dựng trên phương pháp luận về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai cấp huyện do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn, đồng thời đã dựa vào nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các xã, thị trấn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, huyện. Do đó, phương án đảm bảo tính hệ thống phù hợp với quy hoạch chung của thành phố và quy hoạch của các ngành.

Kế hoạch sử dụng đất của huyện Ứng Hòa là căn cứ để điều chỉnh phân bố lại dân cư, lao động, khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất...

Như vậy, phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Ứng Hòa đã đảm bảo tính hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương trong toàn huyện phù hợp với xu thế phát triển chung của thành phố. Đồng thời cũng thể hiện rõ quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ đất nông nghiệp, đặc biệt là đất trồng lúa.

II. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị UBND thành phố, các Sở, Ngành có chính sách đầu tư thỏa đáng tạo điều kiện phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2025 nói chung, sự chuyển dịch cơ cấu các loại đất nói riêng theo quan điểm sử dụng đất đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra và ngày càng nâng cao đời sống nhân dân.

DANH MỤC BẢNG BIỂU

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Ứng Hòa
2	Biểu 04/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước huyện Ứng Hòa
3	Biểu 17/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa
4	Biểu 18/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 huyện Ứng Hòa
5	Biểu 19/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 huyện Ứng Hòa
6	Biểu 20/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa
7	Biểu 24/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ứng Hòa
8	Biểu 25/CH	Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Ứng Hòa

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																												
				Thị trấn Văn Đình	Xã Cao Thành	Xã Đại Cường	Xã Đại Hùng	Xã Đại Bình	Xã Đông Lỗ	Xã Đông Tân	Xã Đông Tiến	Xã Hòa Lâm	Xã Hòa Nam	Xã Hòa Phú	Xã Hoa Sơn	Xã Hòa Xá	Xã Hồng Quang	Xã Kim Đường	Xã Liên Bạt	Xã Lưu Hoàng	Xã Minh Đức	Xã Phù Lưu	Xã Phương Tú	Xã Quảng Phú Cầu	Xã Sơn Công	Xã Tào Dương Văn	Xã Trầm Lộng	Xã Trung Tú	Xã Trường Thịnh	Xã Vạn Thái	Xã Viên An	Xã Viên Nội
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(33)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)
	Tổng diện tích tự nhiên		18.823,83	603,93	385,42	495,28	488,29	789,71	766,80	639,21	620,22	948,53	425,05	635,45	669,57	219,83	523,61	870,28	811,43	384,28	868,83	468,15	1.046,99	859,40	650,71	852,59	717,21	986,43	580,91	596,42	469,63	449,68
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	13.419,84	300,67	286,88	360,10	353,93	576,55	542,84	464,41	453,44	667,44	290,89	452,80	520,34	127,43	322,79	658,51	580,65	266,47	673,33	341,96	793,61	573,60	471,43	658,03	528,79	684,32	407,55	444,16	304,93	311,98
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.742,10	230,09	197,74	260,54	235,09	425,99	497,58	337,81	261,45	521,51	235,92	392,46	460,10	57,40	227,47	588,64	465,58	177,87	435,48	229,30	520,64	524,41	251,25	495,51	286,74	298,47	352,85	312,52	239,14	222,54
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	7.807,26	209,20	183,68	219,88	197,08	405,82	317,79	205,63	248,29	141,68	203,10	364,75	433,74	50,92	213,60	469,55	312,86	160,59	383,00	224,18	414,04	496,26	213,03	386,81	25,46	263,60	328,92	302,99	212,40	218,43
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.934,84	20,89	14,07	40,66	38,01	20,17	179,79	132,18	13,16	379,84	32,81	27,71	26,36	6,48	13,87	119,09	152,72	17,27	52,48	5,12	106,60	28,15	38,22	108,71	261,28	34,88	23,94	9,53	26,74	4,11
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	488,47	26,27	9,76	2,14	9,69	7,61	0,63	0,17	18,79	0,98	19,67	23,60	1,95	13,71	22,59	7,05	21,41	37,25	11,11	24,90	7,84	3,81	87,51	9,41		4,77	9,54	66,52	28,11	11,67
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	418,96	1,68	14,63	14,64	0,67	24,61	4,53	1,55	70,50	0,93	17,40	12,34	5,07	24,50	51,67	3,43	15,74	8,43	6,31	28,51	3,93	1,71	43,22	3,61	0,35	0,55	0,84	10,80	16,23	30,58
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD																														
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH																														
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																														
-	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN																														
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.631,32	42,55	59,92	77,90	108,48	116,09	34,67	124,27	102,13	139,73	12,76	23,51	46,94	30,30	16,77	57,43	68,76	41,76	219,82	32,67	260,84	41,19	78,50	149,50	240,31	380,18	36,25	40,38	17,70	30,02
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																														
1.9	Đất làm muối	LMU																														
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	138,99	0,09	4,83	4,88		2,25	5,42	0,60	0,58	4,28	5,15	0,89	6,28	1,51	4,27	1,95	9,16	1,17	0,62	26,57	0,37	2,48	10,96		1,39	0,34	8,06	13,95	3,76	17,18
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.365,83	297,70	98,49	135,14	134,31	212,44	214,33	174,61	166,78	280,42	129,40	180,39	148,93	87,16	200,82	211,77	230,70	116,77	195,42	126,19	253,37	282,97	179,16	194,13	188,34	302,08	173,35	150,54	162,90	137,19
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.544,59		38,53	35,23	34,21	59,00	40,76	58,70	63,14	60,97	55,77	64,32	41,88	38,95	79,15	69,73	61,43	41,10	46,07	35,36	77,30	80,43	50,15	58,07	52,89	66,05	65,17	55,41	75,94	38,88
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	88,44	88,44																												
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,12	5,74	0,15	0,46	0,33	0,56	0,54	0,54	0,26	0,56	0,26	0,32	0,34	0,33	0,35	0,25	0,23	0,40	0,33	0,69	0,41	0,71	0,27	0,23	0,70	0,77	0,52	0,68	0,60	0,57
2.4	Đất quốc phòng	CQP	44,50	2,89								37,77									0,04								3,78		0,02	
2.5	Đất an ninh	CAN	1,99	1,11							0,14									0,68												0,06
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	146,99	15,65	2,19	4,01	3,99	5,31	4,03	5,71	4,01	5,94	4,35	3,70	6,36	3,15	4,35	5,72	5,00	4,84	3,47	3,05	7,18	6,10	4,91	5,27	4,29	6,52	3,48	3,47	6,52	4,40
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	20,12	0,69	0,48	0,38	0,30	0,39	0,42	0,74		1,13	1,42	0,86	0,54	0,53	0,57	1,36	1,17	0,18	0,54	0,08	0,50	1,87	0,56	0,57	1,14	2,06	0,83	0,11	0,33	0,38
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,15																													2,15
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,53	2,43	0,34	0,31	0,07	0,06	0,17	0,13	0,19	0,22	0,11	0,16	0,11	0,27	0,35	0,32	0,18	0,32	0,53	0,27	0,34	0,28	0,09	0,22	0,12	0,28	0,17	0,19	0,14	0,17
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	86,34	9,32	1,37	2,55	2,65	3,17	2,32	4,84	2,90	3,24	2,71	1,98	3,51	1,73	2,47	3,02	2,82	3,39	1,38	2,06	4,30	2,50	2,78	4,29	2,29	3,54	2,06	2,28	2,69	2,17
2.6.5	Đất xây																															

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN ỨNG HÒA

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	So sánh		Tổng số tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100%	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
	Tổng diện tích tự nhiên		18.823,83	18.823,83	18.823,83					
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	13.424,84	13.013,00	13.419,84	-5,01	1,22	406,84	392,32	14,52
	<i>Trong đó:</i>									
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.745,84	9.516,78	9.742,10	-3,75	1,64	225,32	219,77	5,55
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	7.811,01	7.562,03	7.807,26	-3,75	1,50	245,23	239,68	5,55
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.934,84		1.934,84			1.934,84	1.934,84	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	488,47	427,25	488,47			61,22	58,09	3,13
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	418,96	397,76	418,96			21,20	19,06	2,14
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH								
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX								
-	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN								
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.632,58	2.532,22	2.631,32	-1,26	1,26	99,10	95,40	3,70
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT								
1.9	Đất làm muối	LMU								
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	138,99	138,99	138,99					
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.360,82	5.772,64	5.365,83	5,01	1,22	-406,81	-392,29	-14,52
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.542,04	1.585,15	1.544,59	2,55	5,92	-40,56	-37,37	-3,19
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	86,93	116,86	88,44	1,51	5,03	-28,42	-28,42	
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,12	20,78	18,12			-2,66	-2,40	-0,26
2.4	Đất quốc phòng	CQP	44,50	46,49	44,50			-1,99	-1,99	
2.5	Đất an ninh	CAN	1,99	3,98	1,99			-1,99	-1,99	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	146,04		146,99	0,95	-0,65	146,99	148,10	-1,11
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	20,12	20,09	20,12			0,04	0,15	-0,11
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,15	2,15				-2,15	-2,15	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,53	8,65	8,53			-0,12	-0,12	
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	86,06	107,48	86,34	0,28	1,31	-21,14	-20,14	-1,00
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	29,06	32,69	29,73	0,67	18,46	-2,96	-2,96	
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH								
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT								
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT								
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,13		0,13			0,13	0,13	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	113,77		113,77			113,77	113,77	
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK								
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	13,22	13,22	13,22					
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT								
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,11	2,61	2,11			-0,50	-0,50	
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	54,08	54,08	54,08					
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	44,36	44,36	44,36					
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.640,78		2.640,78			2.640,78	2.650,74	-9,96
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.872,34	2.169,30	1.872,34			-296,96	-288,20	-8,76
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	740,74	747,23	740,74			-6,49	-6,29	-0,20
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT								
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC								
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,29	2,29	2,29					
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	9,20	9,33	9,20			-0,13	-0,13	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng (ha)	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện			Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
					Diện tích (ha)	So sánh		Tổng số tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
						Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/[(5)-(4)]*100%	(9)=(6)-(5)	(10)	(11)=(9)-(10)
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	3,84	4,76	3,84			-0,91	-0,91	
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,86	0,87	0,86					
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	10,13	11,13	10,13			-1,00		-1,00
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,37	2,05	1,37			-0,69	-0,69	
2.9	Đất tôn giáo	TON	52,86	52,86	52,86					
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	58,48	58,48	58,48					
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	182,03	182,06	182,03			-0,03	-0,03	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	467,18		467,18			467,18	467,18	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	19,26	20,08	19,26			-0,82	-0,82	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	447,92	447,52301	447,92301			0,40	0,40	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	6,08	6,08	6,08					
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	38,17	38,19	38,17			-0,03	-0,03	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	38,17		38,17			38,17	38,17	
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS								
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS								
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS								

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																												
				Thị trấn Vân Đình	Xã Cao Thành	Xã Đại Cường	Xã Đại Hùng	Xã Đội Bình	Xã Đông Lỗ	Xã Đồng Tân	Xã Đồng Tiến	Xã Hòa Lâm	Xã Hòa Nam	Xã Hòa Phú	Xã Hoa Sơn	Xã Hòa Xá	Xã Hồng Quang	Xã Kim Đường	Xã Liên Bạt	Xã Lưu Hoàng	Xã Minh Đức	Xã Phú Lưu	Xã Phương Tú	Xã Quảng Phú Cầu	Xã Sơn Công	Xã Tào Dương Văn	Xã Trầm Lộng	Xã Trung Tú	Xã Trường Thịnh	Xã Vạn Thái	Xã Viên An	Xã Viên Nội
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(33)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)
	Tổng diện tích tự nhiên		18.823,83	603,93	385,42	495,28	488,29	789,71	766,80	639,21	620,22	948,53	425,05	635,45	669,57	219,83	523,61	870,28	811,43	384,28	868,83	468,15	1.046,99	859,40	650,71	852,59	717,21	986,43	580,91	596,42	469,63	449,68
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	13.155,22	264,20	281,99	353,34	343,74	561,42	534,05	462,77	451,23	640,91	288,67	449,01	517,05	123,95	317,42	645,64	568,43	258,71	669,30	341,21	775,23	561,18	467,00	648,96	518,41	671,52	402,78	430,70	300,00	306,39
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.543,30	195,83	194,10	255,65	226,98	415,39	489,14	336,31	259,95	499,83	234,47	389,42	457,77	56,58	223,33	578,63	456,81	171,86	434,09	228,80	504,13	518,67	247,72	488,29	280,07	290,97	349,21	303,27	234,98	221,04
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	7.629,41	174,94	180,04	216,19	190,79	395,22	314,14	204,13	246,79	125,49	201,65	361,71	431,41	50,10	209,74	460,83	304,28	154,58	381,71	223,68	397,53	490,52	209,73	379,59	24,34	256,10	325,28	293,74	208,24	216,93
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.913,90	20,89	14,07	39,46	36,19	20,17	175,00	132,18	13,16	374,35	32,81	27,71	26,36	6,48	13,59	117,80	152,53	17,27	52,38	5,12	106,60	28,15	37,99	108,71	255,73	34,88	23,94	9,53	26,74	4,11
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	478,94	25,77	9,76	1,96	9,69	7,60	0,63	0,17	18,79	0,98	19,54	23,37	1,95	13,66	22,42	7,05	19,86	36,97	11,11	24,80	7,23	0,81	86,80	8,87		4,77	9,54	65,15	28,01	11,67
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	412,21	1,68	14,37	14,50	0,67	24,51	4,53	1,55	69,89	0,93	16,88	12,03	5,07	24,10	51,67	3,43	15,68	7,25	6,31	28,41	3,53	0,71	43,22	3,61	0,35	0,55	0,77	9,98	15,76	30,28
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD																														
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH																														
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																														
-	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN																														
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.582,18	40,84	58,93	76,35	106,40	111,67	34,32	124,13	102,03	134,88	12,64	23,30	46,08	28,09	15,71	54,57	66,93	41,47	217,18	32,62	259,98	38,51	78,31	148,19	236,60	374,88	35,19	38,55	17,50	26,34
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																														
1.9	Đất làm muối	LMU																														
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	138,58	0,09	4,83	4,88		2,25	5,42	0,60	0,58	4,28	5,15	0,89	6,18	1,51	4,27	1,95	9,16	1,17	0,62	26,57	0,37	2,48	10,96		1,39	0,34	8,06	13,75	3,76	17,07
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.630,68	334,17	103,38	141,90	144,50	227,67	223,14	176,25	168,99	306,95	131,62	184,18	152,22	90,76	206,19	224,64	242,92	124,53	199,45	126,94	271,75	295,39	183,59	203,20	198,72	314,88	178,12	164,00	167,83	142,78
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.580,43		39,83	36,91	34,21	62,10	40,76	58,70	64,64	76,49	55,77	64,32	41,88	40,80	79,15	69,73	63,39	41,10	46,07	35,36	77,30	83,16	50,15	58,52	53,79	66,05	65,06	58,76	77,54	38,88
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	114,44	114,44																												
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,62	6,34	0,15	0,46	0,46	0,56	0,69	1,41	0,26	0,66	0,26	0,47	0,44	0,33	0,35	0,35	0,35	0,40	0,44	0,62	0,52	0,73	0,27	0,43	0,60	0,63	0,67	0,68	0,60	0,47
2.4	Đất quốc phòng	CQP	46,50	4,89								37,77									0,04								3,78		0,02	
2.5	Đất an ninh	CAN	4,51	1,11	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,24	0,10	0,10		0,16	0,10			0,81	0,13	0,10	0,17	0,11	0,10		0,10		0,10	0,14	0,18	0,10	0,06	0,10
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	167,57	21,75	2,39	4,79	3,92	5,99	4,98	5,71	4,62	5,94	5,12	4,05	6,16	3,15	5,32	6,70	4,90	5,24	5,23	2,97	8,13	6,91	4,91	5,27	4,29	7,52	3,93	3,88	7,71	6,07
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	20,65	0,69	0,48	0,38	0,30	0,39	0,42	0,74		1,13	1,42	1,21	0,54	0,53	0,57	1,36	1,35	0,18	0,54	0,08	0,50	1,87	0,56	0,57	1,14	2,06	0,83	0,11	0,33	0,38
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,15																												2,15	
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,76	2,43	0,54	0,31	0,00	0,06	0,17	0,13	0,19	0,22	0,11	0,16	0,11	0,27	0,35	0,42	0,18	0,32	0,53	0,27	0,34	0,28	0,09	0,22	0,12	0,28	0,17	0,19	0,14	0,17
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	103,96	12,82	1,37	3,33	2,65	3,85	3,27	4,84	3,51	3,24	3,21	1,98	3,51	1,73	3,44	3,90	2,82	3,79	3,14	1,98	5,25	3,31	2,78	4,29	2,29	4,54	2,51	2,84	3,88	3,88
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	31,93	5,81		0,78	0,98	1,69	1,12		0,92	1,35	0,38	0,70	2,00																	

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																												
				Thị trấn Vân Đình	Xã Cao Thành	Xã Đại Cường	Xã Đại Hùng	Xã Đội Bình	Xã Đông Lỗ	Xã Đồng Tân	Xã Đồng Tiến	Xã Hòa Lâm	Xã Hòa Nam	Xã Hòa Phú	Xã Hoa Sơn	Xã Hòa Xá	Xã Hồng Quang	Xã Kim Đường	Xã Liên Bạt	Xã Lưu Hoàng	Xã Minh Đức	Xã Phú Lưu	Xã Phương Tú	Xã Quảng Phú Cầu	Xã Sơn Công	Xã Tào Dương Văn	Xã Trầm Lộng	Xã Trung Tú	Xã Trường Thịnh	Xã Vạn Thái	Xã Viên An	Xã Viên Nội
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(33)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	264,62	36,47	4,89	6,76	10,19	15,13	8,79	1,64	2,21	26,53	2,22	3,79	3,29	3,48	5,37	12,87	12,22	7,76	4,03	0,75	18,38	12,42	4,43	9,07	10,38	12,80	4,77	13,46	4,93	5,59
	Trong đó:																															
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	198,79	34,26	3,64	4,89	8,11	10,60	8,44	1,50	1,50	21,68	1,45	3,04	2,33	0,82	4,14	10,01	8,77	6,01	1,39	0,50	16,51	5,74	3,53	7,22	6,67	7,50	3,64	9,24	4,16	1,50
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	9,53	0,50		0,18		0,01					0,13	0,23		0,05	0,17		1,55	0,28		0,10	0,61	3,00	0,71	0,54				1,37	0,10	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	6,75		0,26	0,14		0,10			0,61		0,52	0,31		0,40			0,07	1,18		0,10	0,40	1,00				0,07	0,82	0,47	0,30	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																														
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN																														
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN																														
-	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN																														
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	49,14	1,71	0,99	1,55	2,08	4,42	0,35	0,14	0,10	4,85	0,12	0,21	0,86	2,21	1,06	2,86	1,83	0,29	2,64	0,05	0,86	2,68	0,19	1,31	3,71	5,30	1,06	1,83	0,20	3,68
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN																														
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN																														
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,41												0,10														0,20		0,11	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp																															
	Trong đó:																															
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NKR																														
2.7	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR																														
2.8	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR																														
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR																														
-	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/NKR																														
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn	NPC/CNT																														
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp																															
	Trong đó																															
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	PNO/PNC																														
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	1,04	0,64				0,25																						0,15		
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	DSN/CSK																														
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CCO/CSK																														
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	CSO/TMD																														

Ghi chú: NKR là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp;
NPC là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác chuyển sang đất chăn nuôi tập trung;
PNO là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai
PNC là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 119, Điều 120 Luật Đất đai
PKO là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở
CCO là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh;
CSO là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ

CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN																													
Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích năm 2024	NNP	LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RDD	RPH	RSX	RSV	NTS	CNT	LMU	NKH	PNN	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DSN	DVH	DXH	DYT	DGD	DTT
	DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		18.823,83																										
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	13.419,84	13.155,22														264,62	36,01	25,36	2,91	2,00	1,69	21,17	0,53		0,30	17,60	2,74
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.742,10		9.543,30													198,79	28,30	23,94	1,84	1,66	0,42	13,30	0,30		0,20	10,06	2,74
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	7.807,26			7.629,41												177,85	28,30	23,94	1,84	1,66	0,42	13,02	0,30		0,20	9,78	2,74
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.934,84				1.913,90											20,94						0,28				0,28	
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	488,47					478,94										9,53	0,64	0,50	0,11		0,20	0,31	0,23			0,08	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	418,96						412,21									6,75	0,14		0,15		0,26	1,94				1,94	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD																											
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH																											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																											
-	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSV																											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.631,32											2.582,18				49,14	6,93	0,92	0,81	0,34	0,81	5,62			0,10	5,52	
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																											
1.9	Đất làm muối	LMU																											
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	138,99															138,58	0,41										
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	5.365,83															5.365,83											
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.544,59																1.543,92										
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	88,44																	88,44									
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,12																		17,51		0,61						
2.4	Đất quốc phòng	CQP	44,50																			44,50							
2.5	Đất an ninh	CAN	1,99																				1,99						
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	146,99																		0,18		0,17	145,82					
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	20,12																						20,12				
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	2,15																							2,15			
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,53																				0,07				8,46		
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	86,34																		0,08							85,94	
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	29,73																		0,10		0,10						29,03
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH																											
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT																											
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT																											
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																											
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,13																										
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	113,77																										
2.7.1	Đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp	SCC																											
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK																											
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	13,22																										
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT																											
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,11																										
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	54,08																										
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	44,36																										
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.640,78																0,40	0,39	0,02		0,03	0,58				0,42	0,16
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.872,34																0,33	0,23			0,03	0,31				0,31	
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	740,74																0,07	0,16	0,02			0,11				0,11	
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT																											
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC																											
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,29																										
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	9,20																					0,16					0,16
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	3,84																										
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,86																										
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	10,13																										
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,37																										
2.9	Đất tôn giáo	TON	52,86																										
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	58,48																										

Chu chuyển đất đai đến năm 2025																																	Cộng	Biến động	Diện tích			
DKH	DMT	DKT	DNG	DSK	CSK	SKK	SKN	SCT	TMD	SKC	SKS	CCC	DGT	DTL	DCT	DPC	DDD	DRA	DNL	DBV	DCH	DKV	TON	TIN	NTD	TVC	MNC	SON	PNK	CSD	BCS	DCS	NCS	MCS	giảm	tăng(+),	năm 2025	
					0,50				0,50			174,98	163,94	3,96					7,08																264,62	-264,62	18.823,83	
					0,50				0,50			128,83	120,32	2,42					6,09																198,79	-198,79	9.543,30	
					0,50				0,50			108,17	99,84	2,24					6,09																177,85	-177,85	7.629,41	
												20,66	20,48	0,18																					20,94	-20,94	1.913,90	
												7,77	7,14	0,23					0,40																9,53	-9,53	478,94	
												4,26	3,86						0,40																6,75	-6,75	412,21	
												33,71	32,21	1,31					0,19																49,14	-49,14	2.582,18	
												0,41	0,41																						0,41	-0,41	138,58	
												0,67	0,67																							264,86	5.630,68	
																																				0,67	35,84	1.580,43
																																				26,00	114,44	
																																			0,61	2,50	20,62	
																																				2,00	46,50	
																																				2,52	4,51	
												0,82	0,78	0,04																					1,17	20,58	167,57	
																																				0,53	20,65	
																																					2,15	
												0,32	0,32																					0,07	0,23	8,76		
												0,50	0,46	0,04																				0,40	17,62	103,96		
																																			0,70	2,20	31,93	
					0,13																																0,13	
					113,16							0,61	0,61																					0,61	-0,11	113,66		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 HUYỆN ỨNG HÒA

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
A	Các dự án đã được thông qua tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 12/12/2024			426,43		274,14			
I	Biểu 1A			291,48		196,93			
I.1	Các công trình, dự án được cập nhật xác định lần đầu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (chưa quá 02 năm liên tục theo khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai)			59,69		56,36			
1	Trụ sở Ban CHQS xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,13		0,13	Xã Đại Hùng	1. Chương trình số 09 CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện chính, bổ sung việc điều Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 2025; Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021. Tiến độ thực hiện2023-2025; 3. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2023- 2025; 4. Quyết định số 7911/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Trụ sở Ban CHQS xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Địa điểm xây dựng: Xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.	Đang thực hiện: Đang thi công, đang thực hiện thu hồi đất.
2	Trụ sở Ban CHQS xã Liên Bat, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,12		0,12	Xã Liên Bat	1. Chương trình số 09 CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2023- 2024 3. Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 30/10/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 02 (Tiến độ thực hiện: 2023-2025) 4. Quyết định số 6325/QĐ-UBND ngày 16/08/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc Phê duyệt dự án: Trụ sở Ban CHQS xã Liên Bat, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2023-2025	Đang thực hiện: Đang thi công, đang thực hiện thu hồi đất.
3	Trụ sở Ban CHQS xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,11		0,11	Xã Minh Đức	1. Chương trình số 09 CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện chính, bổ sung việc điều Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 2025; Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021. Tiến độ thực hiện 2021-2023; 3. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2023- 2024. 4. Quyết định số 7913/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng. Tiến độ thực hiện 2023-2025	Đang thực hiện: Đang thi công, đang thực hiện thu hồi đất.
4	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,15		0,15	Xã Trường Thịnh	1. Chương trình số 09 CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2023- 2024. 3. Quyết định số 7914/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng. Tiến độ thực hiện 2023-2025	Đang thực hiện: Đang bàn giao mốc giới.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
5	Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,10		0,10	Xã Hòa Lâm	1. Chương trình số 09 CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. 3. Quyết định số 6552/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Báo cáo KTKT công trình: Xây dựng mới Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2023- 2025.	Đang thực hiện: Đang thi công.
6	Trụ sở Ban CHQS xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,10		0,10	Xã Hoa Sơn	1. Chương trình số 09 CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện chính, bổ sung việc điều Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 2025; Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021. Tiến độ thực hiện 2021-2023; 3. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2023- 2024. 4. Quyết định số 7909/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng. Tiến độ thực hiện 2023- 2025.	Đang thực hiện: Đang thi công, đang thực hiện thu hồi đất.
7	Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,15		0,15	Xã Hòa Phú	1. Chương trình số 09 CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025. 3. Quyết định số 7915/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Trụ sở Ban CHQS xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Địa điểm xây dựng: xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.	Đang thực hiện: Đang thi công, đang thực hiện thu hồi đất.
8	Trụ sở Ban CHQS xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,15		0,15	Xã Đông Lỗ	1. Chương trình số 09 CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện chính, bổ sung việc điều Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 2025; Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021. Tiến độ thực hiện 2021-2023; 3. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2023- 2024. 4. Quyết định số 7910/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng. Tiến độ thực hiện 2023- 2025.	Đang thực hiện: Đang thi công, đang thực hiện thu hồi đất.
9	Trụ sở Ban CHQS xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,10		0,10	Xã Phù Lưu	1. Chương trình số 09 CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện chính, bổ sung việc điều Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 2025; Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021. Tiến độ thực hiện 2021-2023; 3. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025; 4. Quyết định số 7912/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Trụ sở Ban CHQS xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Địa điểm xây dựng: xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.	Đang thực hiện: Đang thi công, đang thực hiện thu hồi đất.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
10	Trụ sở Ban CHQS xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,20		0,20	Xã Tảo Dương Văn	1. Chương trình số 09 CTtr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện chính, bổ sung việc điều Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021. Tiến độ thực hiện 2021-2023; 3. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2023- 2024. 4. Quyết định số 6481/QĐ-UBND ngày 23/08/2024 về việc phê duyệt dự án: Trụ sở Ban CHQS xã Tảo Dương Văn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2023-2025	
11	Trụ sở Ban CHQS xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,10		0,10	Xã Kim Đường	1. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025. 2. Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 03/10/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 05 (Tiến độ: 2024-2026)	
12	Trụ sở Ban CHQS xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,15		0,15	Xã Đồng Tân	1. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025. 2. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 03 (Tiến độ: 2024-2026)	
13	Trụ sở Ban CHQS xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,11		0,11	Xã Phương Tú	1. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025. 2. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 02 (Tiến độ thực hiện: 2024-2026)	
14	Trụ sở Ban CHQS xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,12		0,12	Xã Quảng Phú Cầu	1. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025. 2. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 04 (Tiến độ thực hiện: 2024-2026)	
15	Trụ sở Ban CHQS thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,18		0,18	Thị trấn Vân Đình	1. Báo cáo số 638/BC-UBND ngày 06/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc rà soát danh mục các công trình xây dựng Ban CHQS trên địa bàn huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025. 2. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 01 (Tiến độ thực hiện: 2024-2026)	
16	Xây dựng trụ sở Viện KSND huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	TSC	Viện Kiểm sát nhân dân thành phố	0,30		0,30	Thị trấn Vân Đình	Quyết định số 16/QĐ-VKSTC ngày 01/3/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về Chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở Viện KSND huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2023-2025	
17	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Đức đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,40		0,40	Xã Minh Đức	1. Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/6/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023 (phụ lục 27). 2. Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 27/03/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây mới, cải tạo, nâng cấp trường THCS Minh Đức đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2. Tiến độ thực hiện 2023-2025.	

STT	Đanh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
18	Xây dựng trường mầm non Đại Cường đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,38		0,38	Xã Đại Cường	1. Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/6/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023;(phụ lục 32) 2. Quyết định số 4896/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư Xây dựng trường mầm non Đại Cường đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2023-2025 3. Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND TP. Hà Nội về việc Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ứng Hòa.	Đang thực hiện: Đang thẩm định thiết kế BVTC.
19	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Kim Đường	DYT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,10		0,10	Xã Kim Đường	1. Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình. 2.Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của HĐND huyện Ứng Hoà Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023 (Phụ lục 20). Tiến độ thực hiện 2023-2025	
20	Xây dựng trường tiểu học Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,25		0,25	Xã Đại Cường	Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình: Xây dựng Trường Tiểu học Đại Cường đạt chuẩn quốc gia –Mức độ 2(Tiến độ: 2022-2024)	Đang thực hiện: Đang lập hồ sơ GPMB.
21	Xây dựng trường THCS Đại Cường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,15		0,15	Xã Đại Cường	1. Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện Ứng Hòa V/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Xây dựng trường THCS Đại Cường đạt chuẩn mức độ 2 (Tiến độ: 2023-2025) 2. Quyết định số 4728/QĐ-UBND ngày 29/06/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư: Xây dựng trường THCS Đại Cường đạt chuẩn – Mức độ 2. Tiến độ thực hiện 2024-2026	
22	Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ba Sao - Bái Đính (Đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn), huyện Ứng Hoà, Mỹ Đức.	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,90		0,90	Xã Trầm Lộng	1. Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội Giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 06 Dự án xây dựng cơ bản cấp Thành phố đã được dự nguồn cụ thể thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, lĩnh vực cấp nước, thoát nước, lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật tái định cư. Tiến độ thực hiện 2024-2025	Đang thực hiện: Đang lập hồ sơ kế cơ sở.
23	Xây dựng trường THCS Viên An đạt chuẩn quốc gia - Mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,38		0,38	Xã Viên An	1. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của HĐND huyện Ứng Hoà (Phụ lục 14). Tiến độ thực hiện 2023-2025 2. Quyết định số 4970/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng 3. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 (Phụ lục 28) của HĐND Huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư. Tiến độ thực hiện 2024-2026	
24	Nâng cấp cải tạo Trường THCS Trường Thịnh đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,45		0,45	Xã Trường Thịnh	1. Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND huyện Ứng Hoà (Phụ lục 27). Tiến độ thực hiện 2024-2027	
25	Trường mầm non trung tâm xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,97		0,02	Xã Hồng Quang	1. Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng 2. Quyết định số 6308/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện 2021-2024	Diện tích đã thu hồi 0,95 ha
26	Trường Tiểu học thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,15		0,10	TT. Vân Đình	1. Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND huyện Ứng Hoà về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; 2. Quyết định số 6274/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện 2020-2024.	Diện tích đã thu hồi 1,05 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
27	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình -Ba Sao - Bãi Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn-Tam Trúc) huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa (Đường nối từ đường kinh tế phía nam đi Ba Sao - Bãi Đính).	DGT	UBND huyện Ứng Hòa	26,51		26,51	Xã Đội Bình, Trâm Lông, Hòa Lâm, Hồng Quang, Lưu Hoàng	1. Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội - phụ lục 32-Tiến độ thực hiện 2022-2026. 2. Ngày 22/9/2023, HĐND TP đã thông qua chủ trương đầu tư điều chỉnh của DA	
28	Cải tạo, nâng cấp kiên cố hệ thống kênh I2-VĐ7, I2-10-10 kết hợp làm đường giao thông, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DTL	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	3,58		2,25	Các xã Phương Tú, Trung Tú, Đồng Tân, Minh Đức	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND thành phố Hà Nội V/v phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2024-2027.	Diện tích đã thu hồi 1,33 ha
29	Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B từ cầu Xã Kiều xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	19,30		19,30	Xã Quảng Phú Cầu, Trường Thịnh, Liên Bạt,	Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật; phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội - Phụ lục 26. Tiến độ thực hiện 2024-2027	Đang thực hiện: Đang lựa chọn nhà thầu bước TK sau thiết kế cơ sở
30	Đầu tư xây dựng HTKT khu tái định cư trên địa bàn huyện Ứng Hòa phục vụ GPMB (Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng quốc lộ 21B đoạn từ cầu Xã Kiều, xã Quảng Phú Cầu đến cụm công nghiệp Bắc Vân Đình, xã Liên Bạt) và Dự án Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ Quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa.	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	2,90		2,90	Xã Quảng Phú Cầu	1. Quyết định số 4760/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND thành phố Hà NộiGiao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 06 Dự án xây dựng cơ bản cấp Thành phố đã được dự nguồn cụ thể thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng giao thông, lĩnh vực cấp nước, thoát nước, lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật tái định cư 2. Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của Thành phố Hà Nội - Phụ lục 17 (Tiến độ thực hiện: 2024-2026)	Đang thực hiện: Đang lựa chọn nhà thầu bước TK sau thiết kế cơ sở
1.2	<i>Các công trình, dự án đã có trong Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện 02 năm trở lên được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai</i>			225,89		134,67			
31	Xây mới trụ sở UBND xã Đồng Tân	TSC	UBND xã Đồng Tân	0,72		0,72	Xã Đồng Tân	1. Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/09/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện - Phụ lục 11 (Tiến độ: 2021-2024); 2. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/04/2023 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 03 (Tiến độ: 2023-2025); 3. Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 03/10/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 13 (Tiến độ: 2023-2026).	
32	Xây dựng, cải tạo trường THPT Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	1,00		0,81	Thị trấn Vân Đình	Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND huyện Ứng Hòa Xây dựng về việc phê duyệt dự án mở rộng trường trung học phổ thông Ứng Hòa A, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội . Tiến độ: 2023-2025	Đang thực hiện: Đã khởi công, đang thực hiện thu hồi đất. Diện tích đã thu hồi 0.19ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
33	Trường mầm non Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	0,95		0,95	Xã Minh Đức	1 .Quyết định số 4850/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư: Trường mầm non Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ: 2022-2025)	Đang thực hiện: Đã khởi công, đang thực hiện thu hồi đất.
34	Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	1,71		1,20	Xã Viên Nội	1.Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 21/03/2022 của HĐND huyện Ứng Hòa về phê duyệt CTĐT, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện. Phụ lục 63 .Tiến độ thực hiện 2022-2025; 2. Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2022-2025 3. Quyết định số 6166/QĐ-UBND ngày 08/08/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu: Xây dựng mới trường THCS Viên Nội, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.	Đang thực hiện: Đang thi công, đang thực hiện thu hồi đất. Diện tích đã thu hồi 0.51ha
35	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585 - Km14+885(tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ cầu Quảng Tái xã Trung Tú đến vồng Thần xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	3,37		0,25	Xã Trung Tú, Đồng Tân xã Minh Đức	1. Quyết định số 6057/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km 6+585-:- Km 14+780 (tỉnh lộ 75 cũ) từ cầu Quảng Tái xã Trung Tú đến cầu vồng Thần xã Minh Đức. (Tiến độ: 2020-2021); 2. Tờ trình số 1007/TTr-SGTVT ngày 02/10/2023 của Sở giao thông vận tải Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585-Km14+780 (tỉnh lộ 75 cũ), từ cầu Quảng Tái (xã Trung Tú) đến cầu vồng Thần (xã Minh Đức) huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. (Tiến độ: 2020-2024)	Diện tích đã thu hồi 3,125 ha
36	Đường giao thông liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngọ Xá lên đê tả Đáy thôn Ngọ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Giai đoạn 2)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	1,50		0,01	Thị trấn Vân Đình	Quyết định số 6276/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đường giao thông liên xã từ QL 21B (Liên Bạt) đi cầu Ngọ Xá lên đê tả Đáy thôn Ngọ Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Giai đoạn 2).(Tiến độ: 2019-2024)	Diện tích đã thu hồi 1,49 ha
37	Nâng cấp mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía Nam huyện Ứng Hòa (Cần Thơ - Xuân Quang), GD1	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	23,95		0,87	Thị trấn Vân Đình, Tảo Dương Văn, Hòa Lâm, Đại Hùng	1. Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: Nâng cấp, mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía nam huyện Ứng Hòa (Cần Thơ - Xuân Quang) giai đoạn 1. Tiến độ thực hiện 2020-2023; 2. Quyết định số 6230/QĐ-UBND ngày19/10/2023 Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng đường trục kinh tế phát triển phía nam huyện Ứng Hòa (Cần Thơ - Xuân Quang) giai đoạn 1. Tiến độ thực hiện 2020-2024.	Diện tích đã thu hồi 23,08 ha
38	Nâng cấp cải tạo TL 429C đoạn từ cầu Bầu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	14,192		0,359	Xã Quảng Phú Cầu, Liên Bạt, Thị trấn Vân Đình	Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND thành phố Hà Nội Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 429C đoạn từ cầu Bầu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện quý IV 2023- 2025	Diện tích đã thu hồi 13,83 ha
39	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 - Km6+585 (tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B thị trấn Vân Đình đến cầu Quảng Tái xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	3,37		0,885	Thị trấn Vân Đình, xã Phương Tú, Trung Tú	Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 đến Km6+585 (Tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B đến cầu Quảng Tái, xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện quý II 2024	Diện tích đã thu hồi 2,485 ha
40	Đường giao thông liên xã từ QL 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	5,10		2,80	Xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú	1. Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của UBND huyện Ứng Hòa v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2023 2. Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.Tiến độ thực hiện 2021-20232; 3. Quyết định số 6229/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện công trình Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 21B đi qua các xã Vạn Thái, Hòa Nam, Hòa Phú đi tỉnh lộ 426, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.Tiến độ thực hiện 2021-2024.	Diện tích đã thu hồi 2,3 ha
41	Đường trục kinh tế phía nam Thành phố Hà Nội đi Quốc lộ 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	3,405		0,10	Xã Đại Cường, xã Đại Hùng	1. Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án công trình Đường từ trục kinh tế phía nam Thành phố Hà Nội đi Quốc lộ 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.Tiến độ thực hiện 2020-2023; 2. Quyết định số6227/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đường từ trục kinh tế phía nam Thành phố Hà Nội đi Quốc lộ 38 tỉnh Hà Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.Tiến độ thực hiện 2021-2024	Diện tích đã thu hồi 3,31 ha

STT	Đanh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
42	Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	6,23		0,63	Xã Phù Lưu, xã Lưu Hoàng	1. Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện, vốn quân hỗ trợ - Phụ lục 38 . Tiến độ thực hiện 2021-2023. 2. Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2021-2023; 3. Quyết định số 6277/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đường nối từ tỉnh lộ 426 đến đường Ba Sao Bái Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2021-2024,	Diện tích đã thu hồi 5,6 ha
43	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Hòa Lâm-Trung Tú (từ đường Cẩn Thơ-Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	12,265		8,344	Xã Hòa Lâm, xã Trung Tú	Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Hòa Lâm - Trung Tú (từ đường Cẩn Thơ - Xuân Quang đi huyện Phú Xuyên), huyện Ứng Hòa, Tp Hà Nội .Tiến độ thực hiện 2021-2024.	Diện tích đã thu hồi 3,92 ha
44	Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi Trục kinh tế phía Nam huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	5,12		2,48	Xã Đại Cường	1. Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi trục kinh tế phía Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2023. 2. Quyết định số 6949/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án: Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi trục kinh tế phía Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2024.	Diện tích đã thu hồi 2,63 ha
45	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Văn Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	20,91		7,73	Thị Trấn Văn Đình, xã Vạn Thái, xã Hòa Xá, xã Hòa Nam	Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Văn Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2021-2025.	Diện tích đã thu hồi 13,18 ha
46	Đường nối từ TL429A đến TL429B huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	5,90		2,43	Viên An, Viên Nội, Cao Thành	Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Đường nối từ tỉnh lộ 429A đến tỉnh lộ 429B, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2024	Diện tích đã thu hồi 3,47 ha
47	Đường I2-14B liên xã Minh Đức-Trầm Lộng (điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức-Ngăm), huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	3,58		0,06	Các xã Trầm Lộng, Minh Đức	1. Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/09/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện- Phụ lục 17.Tiến độ thực hiện 2021-2023; 2. Quyết định số 2040/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Đường I2-14B liên xã Minh Đức- Trầm Lộng (điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức- Ngăm), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2023; 3. Quyết định số 6233/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đường I2-14B liên xã Minh Đức- Trầm Lộng (điểm đầu từ đường 426 đến điểm cuối Minh Đức- Ngăm), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2021-2024,	Diện tích đã thu hồi 3,52 ha
48	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái – Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	2,27		2,27	Xã Vạn Thái, Hòa Nam	1. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 21/03/2022 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện - Phụ lục 80. Tiến độ thực hiện 2022-2024. 2. Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 17/05/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái – Hòa Nam, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2022-2024.	
49	Nâng cấp, mở rộng đường Minh Đức - Ngăm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	7,86		7,86	Minh Đức, Kim Đường, Đại Cường	1. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 21/03/2022 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện - Phụ lục 76. Tiến độ thực hiện 2022-2024. 2. Quyết định 2636/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Minh Đức - Ngăm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ: 2022-2024.	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
50	Đường giao thông liên xã từ Minh Đức đi Kim Đường, Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội (Điểm đầu TL 428 tại thôn Thân, xã Minh Đức, Điểm cuối thôn Nhân Trai, xã Đông Lỗ)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	1,68		1,68	Minh Đức, Kim Đường, Đông Lỗ	1. Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/09/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện- Phụ lục 4.Tiến độ thực hiện 2022-2024 2. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện- Phụ lục 37. Tiến độ thực hiện 2024-2027	
51	Xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Ứng Hòa giai đoạn 2	DTT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	2,60		2,60	Thị trấn Vân Đình	Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND huyện Ứng Hòa có về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng khu Trung tâm văn hóa thể thao huyện Ứng Hòa (giai đoạn 2).Tiến độ thực hiện 2022-2025	
52	Xử lý khắc phục tình trạng sạt lở mái thượng, hạ lưu đề tá Đáy trên địa bàn các xã Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Lưu Hoàng, Đội Bình, huyện Ứng Hòa	DTL, DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	5,66		0,68	Các xã Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Lưu Hoàng, Đội Bình	1. Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBNDThành phố Hà Nội về việc Công bố tình huốngkhẩn cấp sạt lở mái đề tá Đáy và sạt lở bờ tả sông Đáy trên địa bàn huyệnỨng Hòa và ban hành Lệnh khẩn cấp xây dựng công trình để ngăn chặntình trạng sạt lở bờ sông, công trình đề điều. 2. Quyết định số 261/QĐ-SNN ngày 03/5/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở mái thượng, hạ lưu đề tá Đáy trên địa bàn các xã Viên Nội, Cao Thành, Sơn Công, Lưu Hoàng, Đội Bình, huyện Ứng Hoà. Tiến độ thực hiện 2024	Diện tích đã thu hồi 4,98 ha
53	Xây dựng Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hoà, Tp. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	0,27		0,27	Xã Lưu Hoàng	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của HĐND huyện Ứng Hoà về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023 (Phụ lục 16). Tiến độ thực hiện 2023-2025	
54	Xây dựng nhà Đa năng, nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	0,61		0,61	Xã Đồng Tiến	1. Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND huyện Ứng Hoà về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng nhà Đa năng, nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.Tiến độ thực hiện 2022-2023; 2. Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án.Tiến độ thực hiện 2022-2024.	Đang thực hiện: Đang thi công, đang thực hiện thu hồi đất.
55	Xây dựng mới trường mầm non thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hoà, Tp. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	0,82		0,12	Xã Vạn Thái	1. Nghị Quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện. (Phụ lục 30). Tiến độ thực hiện 2021-2024 2. Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng mới trường mầm non thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hoà, Tp. Hà Nội 3. Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/06/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 03. Tiến độ thực hiện 2021-2026)	Diện tích đã thu hồi 0,7 ha
56	Xây dựng đường tỉnh lộ 429B kéo dài về phía Tây (đoạn từ quốc lộ 21B đến đề tá Đáy) huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	12,24		9,44	Các xã: Quảng Phú Cầu, Hoa Sơn, Trường Thịnh, Cao Thành, Sơn Công	1. Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội về cho ý kiến, phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội. Phụ lục số 32. Tiến độ thực hiện 2021-2024; 2. Quyết định số 3173/QĐ-UBND ngày 9/6/2023 về việc phê duyệt dự án: Xây dựng đường tỉnh lộ 429B kéo dài về phía Tây (đoạn từ quốc lộ 21B đến đề tá Đáy) huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2023-2025.	Diện tích đã thu hồi 2,8 ha
57	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích chùa Hương, huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	3,50		3,50	Các xã: Lưu Hoàng, Hồng Quang	Quyết định số 3786/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND thành phố Hà Nội về cho phép chuẩn bị đầu tư Dự án Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích chùa Hương, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2021-2024.	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
58	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quán Xá đến Thái Bằng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	18,87		18,76	Các xã: Đồng Tân, Trầm Lộng, Hòa Lâm, Phù Lưu	1. Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 25/3/2020 của UBND thành phố Hà Nội cho phép chuẩn bị đầu tư Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quán Xá đến Thái Bằng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2024-2025; 2. Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội - Phụ lục 08. Tiến độ thực hiện 2021-2025; 3. Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh lộ 426 Quán Xá đến Thái Bằng huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2023-2026.	Diện tích đã thu hồi 0,1 ha
59	Đường Đỗ Xá-Quan Sơn (từ quốc lộ 21B đến Đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa bàn huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	15,00		15,00	Các xã: Trung Tú, Phương Tú, Tảo Dương Văn, Vạn Thái	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội về cho ý kiến, phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội.- Phụ lục số 22. Tiến độ thực hiện 2021-2025	Đang thực hiện: Đang lựa chọn nhà thầu bước TK sau thiết kế cơ sở
60	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ 429A từ Ba Thá xã Viên An huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	8,47		8,47	Xã Viên An	1. Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội về cho ý kiến, phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội. Phụ lục số 23 . Tiến độ thực hiện 2021-2025 2. Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Chi giới đường đỏ (ranh giới phạm vi xây dựng nền đường) tuyến đường tỉnh 429A từ Ba Thá xã Viên An huyện Ứng Hòa đi huyện Thanh Oai, tỷ lệ 1/500. 3. Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án. Tiến độ thực hiện 2024-2025	
61	Đường tránh quốc lộ 21B huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	25,40		25,40	TT Văn Đình và các xã: Liên Bạt, Phương Tú, Tảo Dương Văn, Vạn Thái	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội về cho ý kiến, phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội. Phụ lục số 30. Tiến độ thực hiện 2021-2025	Đang thực hiện: Đang trình thẩm định TK sau thiết kế cơ sở. Đang thực hiện các bước để cắm mốc
62	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	7,37		7,37	Xã Quảng Phú Cầu	1. Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND thành phố Hà Nội về cho ý kiến, phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội. phụ lục số 41 . Tiến độ thực hiện 2021-2023 2. Quyết định số 4394/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND huyện ứng Hòa về việc phê duyệt chi giới đường đỏ (ranh giới phạm vi xây dựng nền đường) tuyến đường tỉnh 429B (đoạn từ quốc lộ 21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam) huyện Ứng Hòa, tỷ lệ 1/500 3. Quyết định số 5823/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt dự án. (Tiến độ: 2023-2024) 4. Quyết định số 3883/QĐ-UBND ngày 26/07/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Tiến độ đến hết năm 2026	
1.3	Công trình, dự án đăng ký mới năm 2025			5,90		5,90			
63	Trường mầm non trung tâm xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,10		1,10	Xã Kim Đường	1. Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện Ứng Hoà v/v điều chỉnh dự án. Tiến độ thực hiện 2019-2021 2. Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND huyện Ứng Hoà v/v điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện 2019-2025	
64	Đường giao thông liên kết vùng Thị trấn Văn Đình - Liên Bạt - Trường Thịnh - Quảng Phú Cầu (từ đường tránh QL 21B đến đường 429B)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	3,20		3,20	Thị trấn Văn Đình, xã Trường Thịnh, xã Quảng Phú Cầu	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 10/04/2024 (Phụ lục 28) của HĐND Huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư. Tiến độ thực hiện 2024-2027	

STT	Đanh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
65	Đường giao thông liên xã Hòa Phú đi Hòa Lâm (kết nối từ Quốc lộ 21B đến đường trục phát triển phía nam huyện Ứng Hòa)	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,30		1,30	Xã Hoà Lâm, Xã Hoà Phú	08/NQ-HĐND ngày 21/06/2023 của HĐND Huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư. Tiến độ thực hiện 2023-2025	
66	Xây dựng sân vận động Đình Xuyên, xã Hòa Nam	DTT	UBND xã Hòa Nam	0,30		0,30	Xã Hòa Nam	1. Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 07/05/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Xây dựng sân vận động thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2026 2. Quyết định số 3767/QĐ-UBND ngày 10/06/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Xây dựng sân vận động thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa.	
II	Biểu 1C			54,47		48,21			
II.1	Các công trình, dự án được cập nhật xác định lần đầu trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (chưa quá 02 năm liên tục theo khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai)			26,46		26,46			
67	Xây dựng HTKT khu đất ở mới khu C thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện Ứng Hòa	3,25		3,25	Xã Hòa Lâm	1. Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện - Phụ lục 26 (Tiến độ thực hiện dự án 2021-2023). 2. Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 03/10/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 16 (Tiến độ: 2024-2026)	
68	Xây dựng HTKT khu đất ở mới khu D thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện Ứng Hòa	4,41		4,41	Xã Hòa Lâm	1. Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện - Phụ lục 26 (Tiến độ thực hiện dự án 2021-2023). 2. Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 03/10/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 - Phụ lục 16 (Tiến độ: 2024-2026)	
69	Xây dựng HTKT khu đất ở mới thôn Văn Cao xã Tảo Dương Văn	ONT	Trung tâm PTQĐ	0,45		0,45	Xã Tảo Dương Văn	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022; Kế hoạch đầu tư công năm 2023.Tiến độ thực hiện dự án 2023-2025	
70	Xây dựng khu dân cư mới thôn Phú Yên, xã Viên An, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.	ONT	Ban QLDA ĐTXD huyện	1,60		1,60	Xã Viên An	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023của HĐND huyện Ứng Hoà (Phụ lục 54).Tiến độ thực hiện 2022-2024	
71	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Trạch Bái, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện Ứng Hòa	0,17		0,17	Xã Hòa Lâm	Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Côngtrình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Trạch Bái, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa,TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2024-2026	
72	Giải phóng mặt bằng và xây dựng các tuyến đường chính tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất tại khu 1, ô quy hoạch ký hiệu Ô 1 thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa	ODT	Ban QLDA ĐTXD huyện	9,68		9,68	TT. Văn Đình	1. Nghị quyết số 24/NQHĐND ngày 16/12/2023 của HĐND huyện ỨngHòa Về việc phê duyệtchủ trương, điều chỉnhchủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốnThành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024(Phụ lục 31); 2. Nghị quyết số 02/NQHĐND ngày 10/4/2024 của HĐND huyện ỨngHòa về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trươngđầu tư một số dự án sửdụng nguồn vốn Thànhphố hỗ trợ có mục tiêu vànguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 (Phụlục 58); Tiến độ thực hiện 2024 -2026 3. Quyết định 2229/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện ỨngHòa về việc điều chỉnh,bổ sung kế hoạch đầu tư công cấp huyện năm 2024. 4. Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/06/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện (Phụ lục 10); Tiến độ thực hiện 2024 -2026.	

STT	Đanh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
73	Giải phóng mặt bằng và xây dựng các tuyến đường chính tạo quỹ đất sạch để đầu giá QSD đất tại khu 2, ô quy hoạch ký hiệu Ô 2 thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa	ODT	Ban QLDA ĐTXD huyện	6,90		6,90	TT. Vân Đình	1. Nghị quyết số 24/NQHĐND ngày 16/12/2023của HĐND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốnThành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024(Phụ lục 32); 2. Nghị quyết số 02/NQHĐND ngày 10/4/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024 (Phụ lục 59); Tiến độ thực hiện 2024 -2026 3. Quyết định 2229/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công cấp huyện năm 2024; 4. Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 28/06/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện (Phụ lục 11); Tiến độ thực hiện 2024 -2026.	
II.2	Các công trình, dự án đã có trong Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện 02 năm trở lên được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai			24,91		18,65			
74	Xây dựng HTKT khu 1 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	Trung tâm PTQĐ	1,96		1,96	Thị trấn Vân Đình	1. Quyết định 1107/QĐ-UBND ngày 9/12/2020 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu 1- Trung tâm thương mại dịch vụ đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. 2. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023-Phụ lục 47.Tiến độ thực hiện 2023-2025	Đang thực hiện: Đã thông báo thu hồi đất. Đang thực hiện GPMB
75	Xây dựng HTKT khu 2 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	Trung tâm PTQĐ	2,03		2,03	Thị trấn Vân Đình	1. Quyết định 1106/QĐ-UBND ngày 9/12/2020 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu 2- Trung tâm thương mại dịch vụ đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. 2. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023- Phụ lục 48. Tiến độ thực hiện 2023-2025	Đang thực hiện: Đã thông báo thu hồi đất. Đang thực hiện GPMB
76	Xây dựng HTKT khu 3 - TTTM DV đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	Trung tâm PTQĐ	2,16		2,16	Thị trấn Vân Đình	1. Quyết định 1105/QĐ-UBND ngày 9/12/2020 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu 3- Trung tâm thương mại dịch vụ đất ở mới thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. 2. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 49. Tiến độ thực hiện 2023-2025	Đang thực hiện: Đã thông báo thu hồi đất. Đang thực hiện GPMB
77	Xây dựng HTKT khu đầu giá khu Rau Xanh Vườn Kẹ thôn Nội Xá	ONT	Trung tâm PTQĐ	3,35		1,28	Xã Vạn Thái	1. Quyết định 1163 ngày 20/10/2019 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu giá khu rau xanh Vườn Kẹ, thôn Nội Xá, xã Vạn Thái huyện Ứng Hòa 2. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 52. Tiến độ thực hiện 2022-2024);	Diện tích đã thu hồi 2,07 ha
78	Xây dựng HTKT đầu giá quyền sử dụng đất khu xứ Đồng Dộc Đình, thôn Vũ Ngoại, xã Liên Bạt	ONT	Trung tâm PTQĐ	1,966		0,22	Xã Liên Bạt	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 42. Tiến độ thực hiện 2022-2024	Diện tích đã thu hồi 1,74 ha
79	Xây dựng HTKT khu dân cư mới tại khu đồng Trước Đuôi, thôn Đồng Đình, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ	1,68		1,68	Xã Đại Cường	1. Quyết định 1135/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện Ứng hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình: Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới khu đồng Trước Dưới thôn Đồng Đình, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội 2. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023-Phụ lục 55. Tiến độ thực hiện 2023-2025;	Đang thực hiện: Đang thực hiện GPMB
80	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu A thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện Ứng Hòa	3,24		3,24	Xã Hòa Lâm	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023 - Phụ lục 51. Tiến độ thực hiện 2023-2025	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
81	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu đồng Hội Cao, thôn Giang Làng, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện Ứng Hòa	1,50		1,50	Xã Đồng Tiến	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023- Phụ lục 53. Tiến độ thực hiện 2023-2025	
82	Xây dựng HTKT khu đất ở mới và tái định cư thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ODT	Trung tâm PTQĐ	1,27		0,02	Thị trấn Văn Đình	1. Quyết định 1139/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng HTKT khu đất ở mới và tái định cư thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. 2. Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, Phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn dự phòng xây dựng cơ bản tập trung chưa phân bổ trong kế hoạch đầu tư công năm 2023; Mục A4. Tiến độ thực hiện 2022-2024	Diện tích đã thu hồi 1,25 ha
83	Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 2 thôn Tứ Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ	1,30		0,11	Xã Cao thành	Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt gai hạn thời gian thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu dân cư mới khu 2 thôn Tứ Dương, xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội .Tiến độ thực hiện điều chỉnh: 2022-2024	Diện tích đã thu hồi 1,19 ha
84	Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu B thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ	4,45		4,45	Xã Hòa Lâm	1. Quyết định số 4200/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu tái định cư và đất ở mới khu B thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.Tiến độ thực hiện điều chỉnh: 2022-2024; 2. Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 21/6/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu, Ngân sách các Quận hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023.- Phụ lục 05.Tiến độ thực hiện 2023-2025	
II.3	Công trình, dự án đăng ký mới năm 2025			3,10		3,10			
85	Xây dựng HTKT khu dân cư mới thôn Xuân Quang xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ huyện	3,10		3,10	Xã Đội Bình	Nghị quyết số 02/NQHĐND ngày 10/4/2024 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2024. Phụ lục 36. Tiến độ thực hiện 2024-2026	
III	Biểu 2			80,484		29,004			
III.1	Các công trình, dự án đã có trong Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện 02 năm trở lên được tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai			74,584		23,104			
86	Dự án Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây theo hình thức hợp đồng BT	DGT	Công ty CP phát triển địa ốc Cienco5	73,40		21,92	Xã Trung Tú; Phương Tú; Hòa Lâm; Trầm Lộng; Đại Hùng; Đại Cường; Kim Đường; Đồng Lỗ	1. Báo cáo số 27/BC-GPMB ngày 26/9/2023 của Công ty CP phát triển địa ốc Cienco5 bá cáo tình hình công thực hiện công tác GPMB dự án Dự án Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây trên địa bàn huyện Ứng Hòa 2. Thông báo số 279/TB-VP ngày 13/6/2023 của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội Kết luận của các Phó chủ tịch UBND Thành phố: Nguyễn Trọng Đông, Dương Đức Tuấn tại cuộc họp nghe báo cáo về xử lý các tồn tại, vướng mắc, thủ tục đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây theo hình thức hợp đồng BT và các dự án khác để hoàn thành vốn dự án BT 3. Văn bản số 5744/SGTVT-KHTC của Sở giao thông vận tải TP. Hà Nội ngày 17 tháng 9 năm 2024 về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng Dự án Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây theo hình thức hợp đồng BT	Diện tích đã thu hồi 51,48 ha
87	Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Văn Đình đi trạm biến áp 110KV Tía	DNL	BQLDA lưới điện Hà Nội	0,27		0,27	TT. Văn Đình và các xã: Liên Bạt, Phương Tú	1. Quyết định số 7008/QĐ-EVNHANOI ngày 14/10/2021 của Tổng công ty điện lực Hà Nội về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình "Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Văn Đình đi trạm biến áp 110KV Tía" 2. Văn bản số 3504/QHKT-HTKT ngày 10/8/2022 của Sở quy hoạch Kiến trúc về việc vị trí, ranh giới xây dựng cột điện và hành lang an toàn công trình "Cải tạo, nâng khả năng tải tuyến đường dây 110KV từ trạm biến áp 110KV Văn Đình đi trạm biến áp 110KV Tía" 3. Quyết định số 4382/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội quyết định chấp thuận chủ trương trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện năm 2024	Đang thực hiện: Dự án đã cấm mốc GPMB và đã ban hành Thông báo thu hồi đất, đang tiến hành kiểm đếm và xác nhận nguồn gốc.

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
88	Xây dựng mới trạm biến áp 110KV Khu Cháy và nhánh rẽ	DNL	Ban quản lý dự án phát triển điện lực Hà Nội	0,914		0,914	Các xã Tảo Dương Văn, Phương Tú huyện Ứng Hòa	Quyết định số 4926/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội quyết định chấp thuận chủ trương trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện năm 2024 -2025	Đang thực hiện: Đang thực hiện cắm mốc
III.2	Công trình, dự án đăng ký mới năm 2025			5,900		5,900			
89	Cải tạo nâng khả năng tải tuyến đường dây 110kV từ trạm biến áp 110kV Hà Đông đi trạm biến áp 110kV Vân Đình	DNL	BQLDA lưới điện Hà Nội	0,25		0,25	Thị trấn Vân Đình, các xã: Liên Bạt, Quảng Phú Cầu, Phương Tú	1. Văn bản số 3963/QHKT-HTKT ngày 23/8/2021 của Sở QHKT V/v hướng tuyến dự án. 2. Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND TP Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện Quý II năm 2025 -Quý II năm 2026.	
90	Đầu nối trạm 220kV Ứng Hòa	DNL	BQLDA phát triển điện lực Hà Nội	0,24		0,24	Xã Phương Tú	Quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 17/07/2024 của UBND TP Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện Quý I- IV năm 2026.	
91	Trạm biến áp 220kV Ứng Hòa và đường dây đầu nối	DNL	BQLDA các công trình điện miền Bắc	5,41		5,41	Xã Phương Tú	1. Văn bản số 1434/VQH-TT1 ngày 04/7/2022 của Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội về việc cấp chỉ giới đường đỏ và số liệu hạ tầng kỹ thuật cho dự án: "Trạm biến áp 220Kv Ứng Hòa và đường dây đầu nối" tại xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa; 2. Quyết định số 6710/QĐ-UBND ngày 02/12/2023 của UBND TP Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện Quý I năm 2025- III năm 2026.	
B	Các công trình, dự án không nằm trong Nghị quyết của HĐND thành phố			552,40		0,30			
I	Công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2024 sang năm 2025			551,71					
92	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Ứng Hòa	CQP	Ban CHQS huyện Ứng Hòa	2,00			Thị trấn Vân Đình	1. Chương trình số 09 CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội khóa XVII “về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025”. 2. Quyết định số 940 ngày 16/4/2021 của Bộ Tổng tham mưu phê duyệt quy hoạch vị trí đóng quân Ban CHQS huyện Ứng Hòa, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội. 3. Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện chính, bổ sung việc điều Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 2025; Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021. Tiến độ thực hiện 2022-2025;	
93	Trụ sở CAX Phương Tú	CAN	CA TP Hà Nội	0,11			Xã Phương Tú	1. Văn bản số 1037/UBND-QLĐT ngày 12/10/2020 của UBND huyện Ứng Hòa v/v Điều chỉnh, bổ sung kiểm tra, rà soát quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an cấp xã trên địa bàn huyện Ứng Hòa 2. Văn bản số 3463/QHKT-HTKT ngày 21/7/2021 của Sở quy hoạch-Kiến trúc v/v kết quả rà soát, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội	
94	Trụ sở CAX Đồng Tân	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Đồng Tân	1. Văn bản số 1037/UBND-QLĐT ngày 12/10/2020 của UBND huyện Ứng Hòa v/v Điều chỉnh, bổ sung kiểm tra, rà soát quy hoạch, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an cấp xã trên địa bàn huyện Ứng Hòa 2. Văn bản số 3463/QHKT-HTKT ngày 21/7/2021 của Sở quy hoạch-Kiến trúc v/v kết quả rà soát, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội (lần 2)	
95	Xây dựng cửa hàng xăng dầu kết hợp Dịch vụ hỗ trợ đường bộ tại Đồng Vối, thôn Kim Bông, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa	TMD	Công ty CPĐT Đại Phú Vinh	0,50			Xã Kim Đường	1. Văn bản số 3649/UBND-TNMT ngày 02/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để nghiên cứu, đề xuất thực hiện dự án xây dựng Cửa hàng xăng dầu kết hợp dịch vụ hỗ trợ đường bộ tại thôn Kim Đồng, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa 2. Văn bản số 10294/STNTM-QHKHSDĐ ngày 28/12/2022 của Sở tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc xác định ranh giới khu đất thực hiện thủ tục chuyển nhượng, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng Cửa hàng xăng dầu kết hợp dịch vụ hỗ trợ đường bộ tại thôn Kim Đồng, xã Kim Đường, huyện Ứng Hòa 3. Quyết định số 3110/QĐ-UBND của UBND TP. Hà Nội ngày 13 tháng 06 năm 2024 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Tiến độ thực hiện Quý IV năm 2024 đến quý IV năm 2026.	

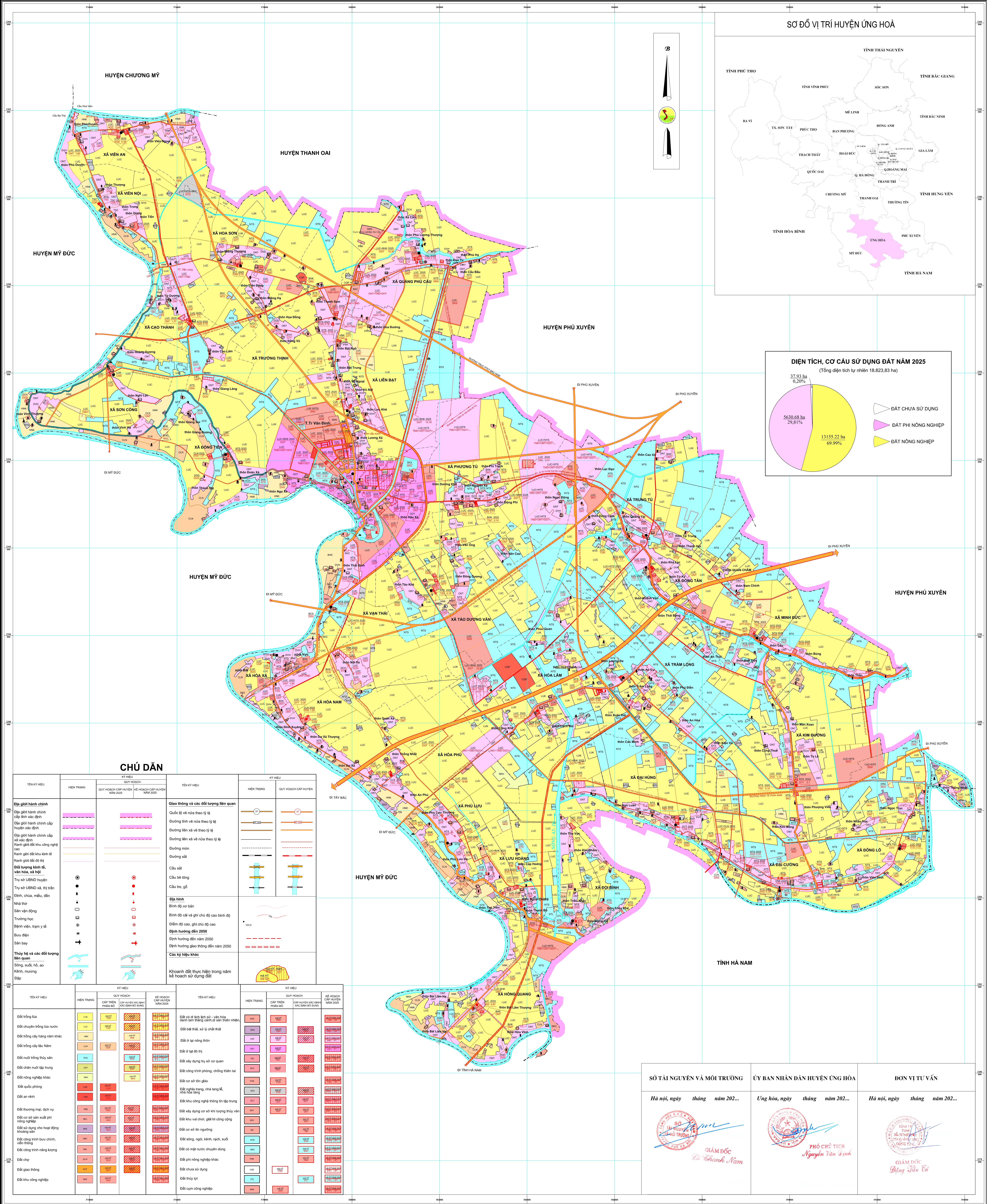
STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
96	Trụ sở CAX Cao Thành	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Cao Thành	Quyết định số 4583/QĐ-BCA-H01, ngày 30/6/223 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 54 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có 05 CAX thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ dự án 2023-2025	
97	Trụ sở CAX Hoa Sơn	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Hoa Sơn	Quyết định số 4583/QĐ-BCA-H01, ngày 30/6/223 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 54 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có 05 CAX thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ dự án 2023-2025	
98	Trụ sở CAX Đông Lỗ	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Đông Lỗ	Văn bản số 3463/QHKT-HTKT ngày 21/7/2021 của Sở quy hoạch-Kiến trúc v/v kết quả rà soát, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội (lần 2)	
99	Trụ sở CAX Phù Lưu	CAN	CA TP Hà Nội	0,17			Xã Phù Lưu	1. Văn bản số 3463/QHKT-HTKT ngày 21/7/2021 của Sở quy hoạch-Kiến trúc v/v kết quả rà soát, bố trí quỹ đất để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội (lần 2). 2. Quyết định số 3954/QĐ-BCA-H01, ngày 29/05/2024 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 34 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có CAX Đại Hùng, Hòa Phú thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025	
100	Cho thuê đất nông nghiệp do UBND các xã thị trấn quản lý và sử dụng (đất công ích) trên địa bàn huyện Ứng Hòa	NNP	UBND huyện Ứng Hòa	548,43			Xã Đông Tân, Hòa Nam, Kim Đường, Hòa Phú, Phương Tú, Trung Tú, Phù Lưu, Trầm Lộng, Lưu Hoàng, Liên Bạt, Đội Bình	Danh sách tổng hợp cho thuê đất nông nghiệp do UBND các xã thị trấn quản lý và sử dụng (đất công ích) trên địa bàn huyện Ứng Hòa của các xã	
101	Xây dựng trụ sở công an xã Hòa Lâm	CAN	Công an thành phố Hà Nội	0,10			Xã Hòa Lâm	1. Quyết định số 5800/QĐ-BCA H01, ngày 23/8/2023 của Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư 08 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN . Tiến độ thực hiện: 2023-2025 2. Văn bản số 7777/CAHN-PH10 ngày 29/9/2023 của Công an thành phố Hà Nội về việc địa điểm đất công an xã Hòa Lâm thuộc Công an huyện Ứng Hòa	
II	Dự án đăng ký mới năm 2025			0,69		0,30			
102	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Ứng Hòa, Hà Nội	TSC	Kho bạc nhà nước	0,12		0,12	TT. Văn Đình	1. Quyết định số 2792/QĐ-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ tài chính về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Ứng Hòa, Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2023-2025 2. Quyết định số 4245/QĐ-UBND ngày 16/08/2024 của UBND TP Hà Nội về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Văn Đình huyện Ứng Hòa, phục vụ xây dựng trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, Kho bạc Ứng Hòa.	
103	Khu lưu niệm Trường ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,18		0,18	Xã Liên Bạt	1. 8455/VP-KGVX ngày 11/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc Xây dựng khu lưu niệm Trường ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn 2. 540/VP-KGVX ngày 13/09/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc Xây dựng khu lưu niệm Trường ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn, xã Liên bạt, huyện Ứng Hòa; 3. 4984/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Khu lưu niệm Trường ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn.	
104	Xây dựng trụ sở Công an xã Đại Hùng	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Đại Hùng	Quyết định số 3954/QĐ-BCA-H01, ngày 29/05/2024 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 34 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có CAX Đại Hùng, Hòa Phú thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025	
105	Xây dựng trụ sở Công an xã Hòa Phú	CAN	CA TP Hà Nội	0,16			Xã Hòa Phú	Quyết định số 3954/QĐ-BCA-H01, ngày 29/05/2024 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 34 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có CAX Đại Hùng, Hòa Phú thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2024-2025	
106	Xây dựng trụ sở Công an xã Liên Bạt	CAN	CA TP Hà Nội	0,13			Xã Liên Bạt	1. Văn bản số 2314/UBND-QLDT ngày 30/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa; 2 Văn bản số 6373/QHKT-KHTH ngày 15/12/2023 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc; 3. Tờ trình số 99/TTr-CAHN-PH10 ngày 17/06/2024 về việc thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng trụ sở CAX Liên Bạt thuộc CAH Ứng Hòa. 2. QĐ số 6471/QĐ-BCA-H01 của Bộ Công An ngày 05 tháng 09 năm 2024 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 51 dự án Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã. Thời gian thực hiện: 2024-2025	
C	Công trình, dự án đã hoàn thành công tác GPMB, đang làm thủ tục xin giao đất			29,55					

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
107	Xây mới trường tiểu học Phương Tú	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	0,95			Xã Phương Tú	1. Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND huyện Ứng Hòa về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trường tiểu học Phương Tú, huyện Ứng Hòa, Tp Hà Nội. (Tiến độ: 2021-2023); 2. Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 7/10/2021 của UBND huyện Ứng Hòa về phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Trường tiểu học Phương Tú, huyện Ứng Hòa, Tp Hà Nội. (Tiến độ: 2021-2023); 3. Văn bản số 45/UBND-QLDDT ngày 20/10/2021 của UBND huyện Ứng Hòa về chấp thuận bản vẽ quy hoạch tổng thể mặt bằng dự án: Trường tiểu học Phương Tú, huyện Ứng Hòa, Tp Hà Nội; 4. Quyết định 6273/QĐ-UBND của UBND huyện ngày 24/10/2023 về việc gia hạn thời gian thực hiện dự án: trường tiểu học Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Tiến độ 2021-2024	
108	Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng (Giai đoạn 2)	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	0,50			Xã Lưu Hoàng	1. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 25/3/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa v/v phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của UBND huyện Ứng Hòa và nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện ;(Phụ lục 100). Tiến độ: 2021-2023; 2. Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện Ứng Hòa về phê duyệt BCKTKT công trình: Trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng (Giai đoạn 2), huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Tiến độ: 2021-2023; 3. Quyết định 6309/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: trường mầm non trung tâm xã Lưu Hoàng (Giai đoạn 2), huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. tiến độ: 2021-2024	
109	Trường mầm non trung tâm xã Viên An, huyện Ứng Hòa	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	0,84			Xã Viên An	1. Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh công trình dự án: Trường mầm non trung tâm xã Viên An. 2. Quyết định số 6950/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Trường mầm non trung tâm xã Viên An	
110	Xây dựng mới Trường THCS thị trấn Vân Đình đạt chuẩn, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	1,35			Thị trấn Vân Đình	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/09/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện (Phụ lục 34).Tiến độ: 2021-2024	
111	Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	0,95			Xã Đông Lỗ	1. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 25/3/2021 của HĐND huyện ứng Hoà Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện (Phụ lục 102).Tiến độ: 2021-2023; 2. Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện Ứng Hoà về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội.(Tiến độ: 2021-2023); 3. Quyết định 6306/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Trường mầm non xã Đông Lỗ, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. tiến độ: 2021-2024	
112	Xây dựng trường tiểu học Minh Đức đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	0,41			Xã Minh Đức	1. Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện-Phụ lục 3 .Tiến độ thực hiện 2022-2024; 2. Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường tiểu học Minh Đức đạt chuẩn mức độ 2, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Tiến độ thực hiện 2022-2024	
113	Trường tiểu học xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	1,280			Xã Hòa Nam	1. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của HĐND huyện Ứng Hoà về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn vốn ngân sách huyện năm 2023 (Phụ lục 08). Tiến độ thực hiện 2023-2025; 2. Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của của UBND huyện Ứng Hoà về việc phê duyệt dự án đầu tư Trường tiểu học xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Thời gian thực hiện: 2023-2025	
114	Trường mầm non Trung Tú, huyện Ứng Hòa	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	1,00			Xã Trung Tú	1. Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Trường mầm non Trung Tú, huyện Ứng Hòa. Thời gian thực hiện: 2021-2023; 2. Quyết định 6232/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án Trường mầm non Trung Tú, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. tiến độ: 2021-2024	

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
115	Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	1,54			Xã Quảng Phú Cầu	1. Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 21/03/2022 của HĐND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt CTĐT, điều chỉnh CTĐT một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện - Phụ lục 83 (Tiến độ thực hiện: 2022-2024); 2. Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2. (Thời gian thực hiện: 2022-2024) 3. Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường tiểu học Quảng Phú Cầu đạt chuẩn quốc gia - mức độ 2. (Thời gian thực hiện: 2024-2026)	
116	Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía Nam thủ đô Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	4,50			Xã Trầm Lộng, xã Đại Cường	1. Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND huyện Ứng Hòa v/v phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía nam Thủ đô Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2021-2023; 2. Quyết định số 6245/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa v/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi (lần 2) dự án: Đường nối từ tỉnh lộ 426 với đường trục phát triển phía nam Thủ đô Hà Nội. Tiến độ thực hiện: 2021-2024	
117	Nâng cấp, mở rộng đường Cần Thơ – Xuân Quang đi Đông Lỗ (giai đoạn 3), huyện Ứng Hòa	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	2,00			Xã Đông Lỗ	1. Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 27/10/2020 của HĐND huyện Ứng Hòa Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện, vốn quận hỗ trợ - Phụ lục 35. Tiến độ thực hiện: 2021-2024; 2. Quyết định 374/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: nâng cấp, mở rộng đường Cần Thơ - Xuân Quang đi Đông Lỗ (Giai đoạn 03), huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Tiến độ 2021-2024	
118	Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội	DYT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	0,20			Xã Cao Thành	Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt BC KTKT xây dựng công trình: Xây dựng mới Trạm y tế xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, Tp. Hà Nội.Tiến độ thực hiện 2022-2024;	
119	Xây mới Nhà văn hóa thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	DVH	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa	0,35			Xã Hòa Phú	Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 v/v phê duyệt Báo cáo KTKT điều chỉnh thời gian thực hiện dự án xây dựng: Xây mới Nhà văn hóa thôn Đặng Giang, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội .Tiến độ thực hiện 2020-2024	
120	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Ứng Hòa Ứng Hòa	7,20			Các xã: TT. Văn Đình, Liên Bát, Trường Thịnh, Sơn Công	1. Nghị Quyết số 17/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND huyện Ứng Hòa về phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của huyện Ứng Hòa và nguồn vốn thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện (Phụ lục 41).. Tiến độ thực hiện 2021-2024; 2. QĐ số 827/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện Ứng Hoà về phê duyệt BCNCKT Dự án: Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội . Tiến độ thực hiện 2021-2024. 3. QĐ số 6228/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND huyện Ứng Hoà về phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án: Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội . Tiến độ thực hiện 2021-2024	
121	Trường mầm non tập trung Đội Bình	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện	0,890			Xã Đội Bình	1. Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng dự án: Trường mầm non tập trung Đội Bình,huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; 2. Quyết định số 6311/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện. Tiến độ thực hiện 2019-2024	
122	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá đất BT02 thị trấn Văn Đình,huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	ODT	Trung tâm PTQĐ	2,00			Thị trấn Văn Đình	1. Quyết định 39/QĐ-UBND ngày 10/1/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng HTKT khu đấu giá BT02 thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hòa Nội 2. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/4/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng nguồn vốn Thành phố hỗ trợ có mục tiêu cho huyện và nguồn ngân sách huyện năm 2023 -Phụ lục 44. Tiến độ thực hiện 2022-2024;	
123	Đầu tư xây dựng HTKT khu đấu giá khu Sông Mới, xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa	ONT	Trung tâm PTQĐ	1,85			Xã Hòa Xá	1. Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án Đầu tư xây dựng HTKT khu đấu giá khu Sông Mới, xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa. Tiến độ thực hiện 2022-2023. 2. Quyết định 2565/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND TP Hà Nội v/v giao 14.296,5m2 đất cho UBND huyện Ứng Hòa để xây dựng HTKT (đợt 1). 3. Quyết định số 6636/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện dự án .Tiến độ thực hiện điều chỉnh: 2022-2024	Diện tích đã thu hồi 1,45 ha

STT	Danh mục công trình, dự án	Mục đích SDD (Mã loại đất)	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích (ha)		Địa danh xã, thị trấn	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Đất trồng lúa	Đất thu hồi			
124	Xây dựng HTKT khu đất đầu giá khu ao xóm 1, thôn Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội	ONT	Trung tâm PTQĐ	0,39			Xã Quảng Phú Cầu	1. Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu đất đầu giá khu ao xóm 1, thôn Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội .Tiến độ thực hiện điều chỉnh: 2022-2023 2. Quyết định số 6635/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND huyện Ứng Hòa về việc phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu đất đầu giá khu ao xóm 1, thôn Xà Cầu, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội (lần 2) .Tiến độ thực hiện điều chỉnh: 2022-2024	Đang xin giao đất
125	Trụ sở CAX Đại Cường	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Đại Cường	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025	
126	Trụ sở CAX Đội Bình	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Đội Bình	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025	
127	Trụ sở CAX Lưu Hoàng	CAN	CA TP Hà Nội	0,13			Xã Lưu Hoàng	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025	
128	Trụ sở CAX Quảng Phú Cầu	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Quảng Phú Cầu	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025	
129	Trụ sở CAX Trầm Lộng	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Trầm Lộng	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025	
130	Trụ sở CAX Trung Tú	CAN	CA TP Hà Nội	0,14			Xã Trung Tú	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025	
131	Trụ sở CAX Vạn Thái	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Vạn Thái	Quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày 01/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong đó có 07 CAX thuộc CAH Ứng Hòa.Tiến độ thực hiện 2023-2025	
132	Trụ sở CAX Đồng Tiến	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Đồng Tiến	Quyết định số 4656/QĐ-BCA-H01 ngày 22/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 12 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.Tiến độ thực hiện 2023-2025	
133	Trụ sở CAX Viên Nội	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Viên Nội	Quyết định số 4656/QĐ-BCA-H01 ngày 22/6/2022 của Bộ công an phê duyệt chủ trương đầu tư 12 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.Tiến độ thực hiện 2023-2025	
134	Trụ sở CAX Minh Đức	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Minh Đức	Quyết định số 4583/QĐ-BCA-H01, ngày 30/6/223 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 54 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có 05 CAX thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ dự án 2023-2025	
135	Trụ sở CAX Trường Thịnh	CAN	CA TP Hà Nội	0,18			Xã Trường Thịnh	Quyết định số 4583/QĐ-BCA-H01, ngày 30/6/223 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 54 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có 05 CAX thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ dự án 2023-2025	
136	Trụ sở CAX Tảo Dương Văn	CAN	CA TP Hà Nội	0,10			Xã Tảo Dương Văn	Quyết định số 4583/QĐ-BCA-H01, ngày 30/6/223 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 54 trụ sở làm việc CAX trên địa bàn TPHN trong đó có 05 CAX thuộc CAH Ứng Hòa. Tiến độ dự án 2023-2025	

BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI



NGUỒN TÀI LIỆU
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của xã, thị trấn
- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ứng Hòa
- Các bản đồ Quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn huyện

TỶ LỆ 1 : 25000